



BÁO CÁO

HƯỚNG TỚI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

THỰC HÀNH KHUNG MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)
VÀ TIẾP CẬN TÀI CHÍNH BỀN VỮNG CỦA CÁC TÁC NHÂN
VỪA VÀ NHỎ TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Đóng góp cho báo cáo

Thực hiện nghiên cứu:

ThS. Hoàng Thu Trang (tư vấn); TS. Lê Anh Tuấn (tư vấn); ThS. Nguyễn Minh Phương (tư vấn)

Phản biện, góp ý hoàn thiện báo cáo:

TS. Bùi Thị Thu Loan

TS. Đinh Thị Hoa

TS. Bùi Thanh Minh

TS. Nguyễn Thị Thu Hà

Hiệu đính

ThS. Nguyễn Phương Linh

Và các đại diện các tổ chức xã hội, doanh nghiệp tham gia hội thảo tham vấn ngày 12/2/2026 do MSD tổ chức
Tổ chức Oxfam tại Việt Nam
Viện Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững (MSD)

Tuyên bố

Báo cáo là sản phẩm của các chuyên gia tư vấn. Các kết quả tìm hiểu, các giải thích và kết luận đưa ra không phản ánh quan điểm chính thức của Viện Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững (MSD), tổ chức Tài chính Công bằng Việt Nam (Fair Finance Vietnam) và tổ chức Oxfam tại Việt Nam.

BÁO CÁO

HƯỚNG TỚI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

**THỰC HÀNH KHUNG MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG)
VÀ TIẾP CẬN TÀI CHÍNH BỀN VỮNG CỦA CÁC TÁC NHÂN
VỪA VÀ NHỎ TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ**

Chuyển đổi sang phát triển bền vững trong nông nghiệp không còn là một lựa chọn mang tính định hướng dài hạn, mà đang trở thành yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh các thách thức môi trường, khí hậu và thị trường ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi này không diễn ra đồng đều, và không phải mọi tác nhân trong chuỗi giá trị đều có cùng cơ hội để tham gia.

Ở trung tâm của hệ sinh thái nông nghiệp Việt Nam là các hợp tác xã (HTX) và doanh nghiệp nhỏ và vừa – những chủ thể trực tiếp tạo ra giá trị, nhưng cũng là nhóm đối mặt với nhiều rào cản nhất khi tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là tài chính và tri thức chuyển đổi. Khi các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) ngày càng trở thành “ngôn ngữ chung” của thị trường, thì khoảng cách giữa yêu cầu và năng lực thực thi của các tác nhân này cũng ngày càng bộc lộ rõ.

Từ góc nhìn hệ sinh thái, Viện Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững (MSD) tin rằng chuyển đổi bền vững không thể chỉ được thúc đẩy từ một phía. Đây là một quá trình đòi hỏi sự đồng hành và tái cấu trúc vai trò của nhiều bên – từ chính sách công, hệ thống tài chính, các tổ chức hỗ trợ kỹ thuật, đến thị trường và người tiêu dùng. Trong đó, tài chính bền vững không chỉ là nguồn vốn, mà còn là đòn bẩy quan trọng để định hướng hành vi và khuyến khích các thực hành có trách nhiệm trong toàn chuỗi giá trị. Chính vì vậy, việc hiểu rõ những “điểm nghẽn” thực tế mà các HTX và doanh nghiệp nhỏ và vừa đang gặp phải – không chỉ ở năng lực nội tại mà còn ở cách hệ sinh thái vận hành – là điều kiện tiên quyết để thiết kế các giải pháp phù hợp và hiệu quả hơn.

Xuất phát từ nhu cầu đó, báo cáo “Hướng tới nông nghiệp bền vững: Thực hành khung Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) và Tiếp cận tài chính bền vững của các tác nhân nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị nông nghiệp” được thực hiện nhằm tìm hiểu về (i) mức độ sẵn sàng thực hành khung ESG của các tác nhân trong chuỗi giá trị nông nghiệp và (ii) thực trạng tiếp cận tài chính bền vững. Các tác nhân trong chuỗi giá trị nông nghiệp bao gồm HTX và doanh nghiệp. Kết quả của nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực tiễn và khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tài chính bền vững, thúc đẩy áp dụng khung ESG trong ngành nông nghiệp cho HTX và doanh nghiệp một cách thực chất và hiệu quả hơn. Nghiên cứu được Viện Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững (MSD) điều phối thực hiện trong khuôn khổ dự án “AGREEN – Thúc đẩy đầu tư và tín dụng xanh cho doanh nghiệp ngành nông nghiệp vì sự phát triển bền vững” với sự phối hợp và hỗ trợ của Oxfam tại Việt Nam và Fair Finance Vietnam.

Thay mặt Viện MSD, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới nhóm chuyên gia tư vấn gồm ThS. Hoàng Thu Trang (trưởng nhóm), PGS.TS. Lê Anh Tuấn và ThS. Nguyễn Minh Phương đã thực hiện nghiên cứu khảo sát này, với sự tham gia của 97 HTX và doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp, 15 cá nhân đại diện cho các bên liên quan và chuyên gia ngành vào quá trình nghiên cứu. MSD cũng ghi nhận và chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp chuyên môn, phản biện của các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính và nông nghiệp trong quá trình hoàn thiện giúp cho báo cáo đạt chất lượng tốt nhất. Xin trân trọng cảm ơn Oxfam tại Việt Nam và Fair Finance Vietnam đã hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho báo cáo này.

Chúng tôi kỳ vọng rằng báo cáo sẽ góp phần cung cấp một cơ sở tham chiếu hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách, tổ chức tài chính, doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp và các bên liên quan trong việc thúc đẩy cải thiện chính sách, tăng cường thực hành ESG và phát triển tài chính bền vững, tạo dựng sự kết nối giữa các tác nhân trong hệ sinh thái nông nghiệp, và từ đó hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang một nền nông nghiệp bền vững, bao trùm và có khả năng thích ứng tốt hơn tại Việt Nam.

ThS. Nguyễn Phương Linh

Viện trưởng

Viện Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững (MSD)

MỤC LỤC

TÓM TẮT	09
Chương 1. Giới thiệu	14
1.1. Bối cảnh	15
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	19
1.3. Kết cấu của báo cáo	19
Chương 2. Phương pháp	20
2.1. Mục tiêu lược nghiên cứu	21
2.2. Cách tiếp cận	21
2.3. Phạm vi của nghiên cứu	22
2.4. Phương pháp thu thập dữ liệu	22
2.5. Đơn vị tham gia khảo sát	23
2.6. Đạo đức nghiên cứu	24
2.7. Hạn chế nghiên cứu	24
Chương 3. Tổng quan chính sách phát triển nông nghiệp bền vững	25
3.1. Chính sách định hướng chung	26
3.2. Lúa gạo	27
3.3. Cà phê	28
3.4. Rau quả	29
3.5. Thủy sản	30
Chương 4. Khung Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) trong ngành nông nghiệp	32
4.1. Xu hướng khung ESG	33
4.2. Sáng kiến về khung ESG trong nông nghiệp	35
4.3. Hiểu biết và thực hành Khung ESG trong Nông nghiệp	37
4.4. Yếu tố tác động nhận thức và thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp	50
Chương 5. Tài chính bền vững trong nông nghiệp	53
5.1. Tài chính bền vững	54
5.2. Chính sách tài chính	55
5.3. Tiếp cận tài chính cho nông nghiệp bền vững	60
5.4. Quản trị rủi ro môi trường, xã hội	69
Chương 6. Kết luận và khuyến nghị	70
6.1 Kết luận	71
6.2. Khuyến nghị	73

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Các yếu tố tác động đến các tác nhân trong chuỗi về ESG.....	18
Hình 2: Các chức năng chính trong chuỗi giá trị nông nghiệp.....	21
Hình 3: Phân bố đơn vị tham gia khảo sát theo loại hình.....	23
Hình 4: Số đơn vị tham gia khảo sát theo ngành hàng.....	24
Hình 5: Hiểu biết và thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp.....	38
Hình 6: Hiểu biết về khung ESG, theo ngành.....	39
Hình 7: Thực hành về khung ESG, theo ngành.....	39
Hình 8: Hiểu biết về khung ESG, theo loại hình.....	40
Hình 9: Thực hành khung ESG, theo loại hình.....	40
Hình 10: Hiểu biết và thực hành các chủ đề thuộc E.....	42
Hình 11: Hiểu biết và thực hành các chủ đề thuộc S.....	43
Hình 12: Hiểu biết và thực hành các chủ đề thuộc G.....	44
Hình 13: Tỷ lệ HTX, doanh nghiệp tham gia chứng nhận nông nghiệp bền vững theo ngành.....	46
Hình 14: Tỷ lệ nghe nói về các quy định của EU.....	48
Hình 15: Tài chính bền vững.....	54
Hình 16: Nguồn tiếp cận tài chính.....	60
Hình 17: Mục đích sử dụng nguồn vốn.....	61
Hình 18: Điều kiện tiếp cận tài chính.....	63
Hình 19: Nhu cầu tài chính trong 1 - 3 năm tới.....	67

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Giai đoạn tiếp cận vốn cho từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp.....	65
--	----

DANH MỤC HỘP

Hộp 1: Tiêu chí chọn mẫu cho phỏng vấn và khảo sát	23
Hộp 2: Khung ESG trong ngành nông nghiệp	37
Hộp 3: Những chủ đề thuộc yếu tố môi trường (E) trong khảo sát	41
Hộp 4: Chủ đề thuộc yếu tố xã hội (S) trong khảo sát	43
Hộp 5: Chủ đề thuộc khung ESG trong khảo sát về yếu tố quản trị (G)	44
Hộp 6: Ví dụ về chuyển đổi thực hành canh tác cà phê theo hướng bền vững	46
Hộp 7: Giới thiệu về một số chứng nhận trong ngành nông nghiệp	47
Hộp 8: Vai trò của ngân hàng - Ví dụ của Ngân hàng Agribank	48
Hộp 9: Ví dụ trong ngành cà phê	50
Hộp 10: Ví dụ một doanh nghiệp trong ngành cà phê hỗ trợ nông hộ thực hiện canh tác bền vững	52
Hộp 11: Chia sẻ từ một HTX trong ngành cà phê tại Lâm Đồng	54
Hộp 12: Tiếp cận vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp trong ngành nông nghiệp	
Trường hợp của Shoes Agtech	56
Hộp 13: Vai trò của các tổ chức trung gian	68

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BỘ NN&MT

Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NN&PTNT

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(nay là bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CEA

Nông nghiệp trong môi trường được kiểm soát

CS3D

Chỉ thị Thẩm định Phù hợp về Tính bền vững
của Doanh nghiệp

CSRD

Chỉ thị Báo cáo Bền vững Doanh nghiệp

DNBH

Doanh nghiệp bảo hiểm

ĐBSCL

Đồng bằng sông Cửu Long

ESG

Môi trường - Xã hội - Quản trị

ESRS

Tiêu chuẩn Báo cáo Bền vững châu Âu

EU

Liên minh châu Âu

EUDR

Quy định về sản xuất và thương mại các
sản phẩm hàng hóa không gây mất rừng và
suy thoái rừng

GAP

Tiêu chuẩn chứng nhận thực hành
nuôi trồng thủy sản tốt

GDP

Tổng sản phẩm trong nước

GlobalGAP

Thực hành Nông nghiệp tốt Toàn cầu

GRI

Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu

HTX

Hợp tác xã

IUU

Khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai
báo và không theo quy định

MMPA

Luật Bảo vệ Thú biển

MSD

Viện Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững

MSMES

Các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ, và vừa

NFRD

Chỉ thị Báo cáo Phi Tài chính

NHNN

Ngân hàng Nhà nước

NHTM

Ngân hàng thương mại

ODA

Hỗ trợ Phát triển Chính thức

RAS

Chứng nhận Nông nghiệp Tái sinh

SAS

Chứng nhận Nông nghiệp Bền vững

SDGs

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững

USD

Đồng đô - la Mỹ

WB

Ngân hàng Thế giới

TÓM TẮT

Bối cảnh

Nông nghiệp và thủy sản giữ vai trò trụ cột trong nền kinh tế Việt Nam, là nguồn cung cấp các mặt hàng xuất khẩu quan trọng như gạo, cà phê và thủy sản, dù phần lớn vẫn ở dạng sản phẩm thô. Tuy nhiên, đây cũng là ngành phát thải khí nhà kính lớn thứ hai sau năng lượng^[1] và chịu rủi ro ngày càng gia tăng từ biến đổi khí hậu, thể hiện qua các hiện tượng thiên tai khó lường. Từ đó trực tiếp ảnh hưởng đến nông hộ, hợp tác xã (HTX) và doanh nghiệp về hiệu quả canh tác, năng suất, chất lượng sản phẩm, sinh kế và sức khỏe. Bên cạnh đó, xuất khẩu nông sản đang đối mặt với nhiều yêu cầu khắt khe hơn từ các thị trường nhập khẩu khó tính cũng như sự quan tâm của người tiêu dùng về các yếu tố môi trường và xã hội trong chuỗi cung ứng.

Điều này đặt ra yêu cầu ngành nông nghiệp phải chuyển đổi theo hướng bền vững nhằm giảm rủi ro môi trường, tạo tác động tích cực tới con người và hệ sinh thái, cũng như đảm bảo an ninh lương thực.

Ở cấp độ chính sách, chính phủ đã đưa ra những chiến lược, đề án ngành nông nghiệp nói chung và từng ngành hàng cụ thể hướng tới bền vững. Phát triển nông nghiệp bền vững được nhìn nhận một cách toàn diện gồm bền vững về kinh tế, môi trường, xã hội với vai trò quan trọng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Để đáp ứng những nhu cầu cho chuyển đổi theo hướng bền vững của toàn ngành và có tính bền vững đòi hỏi các giải pháp tài chính linh hoạt, có khả năng tiếp cận đến các nhân tố nhỏ và vừa tham gia trong chuỗi giá trị của ngành này, đặc biệt HTX, doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs). Một trong những giải pháp đó là tài chính

bền vững, gồm tài chính chuyển đổi và tài chính xanh. Tài chính bền vững vừa có vai trò khuyến khích các tác nhân nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị nông nghiệp gồm HTX, doanh nghiệp, nông hộ có nguồn vốn để chuyển đổi sang thực hành nông nghiệp bền vững theo khung Môi trường - Xã hội - Quản trị hay viết tắt là ESG (tài chính chuyển đổi). Đồng thời, với những tác nhân đang thực hành ESG trong nông nghiệp có cơ hội tiếp cận đến nguồn tài chính này với những ưu đãi như giảm lãi suất (tài chính xanh).

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu về mức độ sẵn sàng thực hành khung ESG của các tác nhân trong chuỗi giá trị nông nghiệp và thực trạng tiếp cận tài chính bền vững. Những phát hiện chính dưới đây được tổng hợp từ kết quả khảo sát với 97 doanh nghiệp và HTX trong chuỗi giá trị nông nghiệp (93% là HTX và MSMEs), 15 cuộc phỏng vấn sâu với đại diện các bên liên quan, chuyên gia trong ngành, và rà soát các tài liệu liên quan.

[1] World Bank (2022). Vietnam Country Climate and Development Report. CCDR Series. © World Bank.
<http://hdl.handle.net/10986/37618>

Tài chính bền vững cho phát triển nông nghiệp

Phát hiện 1: Những thay đổi trong chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn gần đây là cơ hội tạo động lực cho các tác nhân trong chuỗi giá trị ngành nông nghiệp đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp bền vững, xanh, tuần hoàn, phát triển chuỗi nông nghiệp, chế biến sâu, ứng dụng số. Chính sách thúc đẩy tài chính xanh tạo cơ hội tiếp cận vốn cho nhóm HTX, doanh nghiệp đang thực hành nông nghiệp theo khung ESG.

Phát hiện 2: Hệ thống ngân hàng đang giữ vai trò dẫn dắt trong thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh của ngành nông nghiệp Việt Nam. Trên thực tế, tín dụng xanh không chỉ đến từ nguồn vốn tự có hay vốn huy động của ngân hàng, mà phần lớn các ngân hàng thương mại (NHTM) thường có xu hướng sử dụng dòng vốn quốc tế từ các tổ chức, định chế tài chính quốc tế thông qua các chương trình cho vay, tài trợ, ủy thác tài chính (vai trò trung gian tài chính) và phát hành trái phiếu xanh.

Phát hiện 3: Tín dụng xanh chưa tiếp cận được nhóm HTX và MSMEs - nhóm chiếm tỷ trọng lớn trong ngành nông nghiệp. Theo kết quả khảo sát, chỉ có 1% đơn vị tiếp cận đến tín dụng xanh, mặc dù có 54% đơn vị tham gia vào ít nhất một loại chứng nhận nông nghiệp bền vững trong nước và quốc tế, trong đó, có 33% đơn vị tham gia chứng nhận nông nghiệp bền vững quốc tế. Trên thực tế, các HTX và MSMEs vẫn chủ yếu tiếp cận đến nguồn vốn từ các kênh truyền thống bao gồm tổ chức tín dụng (57%) và từ họ hàng và người thân (55%).

Phát hiện 4: Thách thức về năng lực như quản trị, nguồn vốn đối ứng và yêu cầu về tài sản bảo đảm là những rào cản lớn nhất ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tài chính xanh của HTX và MSMEs; chứ không phải yêu cầu thực hành khung ESG hay chứng nhận nông nghiệp bền vững. Ngoài ra, HTX và MSMEs còn đối mặt với hạn chế trong tiếp cận thông tin và do năng lực chưa đồng đều của cán bộ ngân hàng trong việc hiểu và vận dụng các tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững.

Phát hiện 5: Các quỹ đầu tư quốc tế về môi trường, ESG và tác động xã hội là một kênh vốn tiềm năng cho các đơn vị triển khai nông nghiệp bền vững và cung cấp giải pháp công nghệ, tuy nhiên tỷ lệ tiếp cận hiện còn thấp. Hiện nay, vẫn còn thiếu vắng các quỹ và nhà đầu tư thiên thần cho giai đoạn sớm của doanh nghiệp. Trong khi đó, nhiều quỹ hiện có yêu cầu quy mô đầu tư lớn, vượt quá năng lực hấp thụ vốn và năng lực quản trị của các MSMEs, từ đó tạo ra khoảng cách giữa nhu cầu vốn và khả năng tiếp cận vốn của các đơn vị này. Bên cạnh đó, đầu tư cho nông nghiệp bền vững và các mô hình theo khung ESG thường có thời gian hoàn vốn dài và rủi ro cao, khiến lĩnh vực này chưa đủ hấp dẫn đối với các nhà đầu tư tư nhân. Ngoài ra, mức độ hiểu biết của cán bộ ngân hàng trong việc hướng dẫn và tiếp nhận các dòng vốn từ các quỹ đầu tư nước ngoài cũng ảnh hưởng đáng kể đến thời gian xử lý và khối lượng thủ tục hành chính mà doanh nghiệp phải thực hiện.

Phát hiện 6: Hệ sinh thái tài chính bền vững trong nông nghiệp chưa thể vận hành hiệu quả nếu thiếu các cơ chế quản trị và chia sẻ rủi ro, đặc biệt là bảo hiểm nông nghiệp. Thị trường bảo hiểm nông nghiệp còn nhỏ, dữ liệu rủi ro còn hạn chế, khiến chi phí bảo hiểm cao và khó tiếp cận đối với phần lớn nông hộ và HTX, trong khi các rủi ro khí hậu và dịch bệnh ngày càng gia tăng. Sự tham gia bảo hiểm nông nghiệp của HTX, doanh nghiệp còn hạn chế.

Thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp

Phát hiện 7: Thực hành ESG của các HTX và doanh nghiệp trong khảo sát có sự khác nhau trong từng yếu tố E, S, G. Các chủ đề thuộc yếu tố môi trường (E) và xã hội (S) được thực hành phổ biến hơn do gắn với các chương hỗ trợ kỹ thuật của khuyến nông, tổ chức xã hội, hay tham gia chứng nhận nông nghiệp bền vững. Tỷ lệ các HTX, MSMEs thực hành các chủ đề liên quan đến các yếu tố quản trị (G) còn thấp cho thấy thực hành nông nghiệp theo khung ESG vẫn mang tính ‘xu hướng thời vụ’ và mang tính bị động do áp lực chủ yếu đến từ các yếu tố bên ngoài như thị trường, chính sách thay vì chính bản thân nội tại của những đơn vị này.

Phát hiện 8: Mức độ thực hành ở một số nội dung thuộc yếu tố xã hội (S) và môi trường (E) cao hơn mức độ nhận thức cho thấy thuật ngữ ESG vẫn chưa được phổ biến rộng rãi trong nhóm HTX và doanh nghiệp. Điều này đồng nghĩa với việc nhiều đơn vị đã và đang thực hiện các hoạt động liên quan đến ESG nhưng chưa nhận diện được chúng trong một khung khái niệm chung. Hệ quả là khả năng tiếp cận và tận dụng các cơ hội từ tài chính bền vững, các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, cũng như các cơ chế khuyến khích dựa trên kết quả bền vững còn bị hạn chế. Chỉ một số ít HTX và doanh nghiệp nhận thức được rằng việc áp dụng khung ESG có thể giúp họ tiếp cận các nguồn tài chính bền vững, như tín dụng xanh.

Phát hiện 9: Mức độ sẵn sàng thực hành ESG của HTX và doanh nghiệp chịu sự chi phối chủ yếu vào (i) Áp lực từ thị trường nhập khẩu; (ii) Chính sách trong nước về phát triển bền vững ngành; (iii) Vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp đầu chuỗi cùng với chia sẻ trách nhiệm; (iv) Lợi ích kinh tế trực tiếp gắn với thực hành ESG; và (v) Hỗ trợ của các tác nhân trung gian như tổ chức xã hội.

Phát hiện 10: Các tổ chức xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực quản trị, hiểu biết về ESG và kết nối các tác nhân nhỏ với nguồn vốn từ quỹ đầu tư tạo tác động và tài chính quốc tế. Đây là nhóm trung gian có khả năng giảm bất cân xứng thông tin và rủi ro cho cả bên vay và bên đầu tư, đồng thời hỗ trợ quá trình hình thành các mô hình kinh doanh bền vững trong nông nghiệp.

Những phát hiện trên đây của nghiên cứu cho thấy thực hành ESG, khả năng tiếp cận tài chính bền vững và yêu cầu thị trường không tồn tại độc lập, mà tương tác trong một hệ sinh thái, trong đó chính sách, tài chính, năng lực và liên kết chuỗi đóng vai trò quyết định.

Khuyến nghị

Nghiên cứu đề xuất những khuyến nghị chính để (i) thúc đẩy thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp thực chất và lâu dài, mang tính định hướng và (ii) tăng cường tiếp cận tài chính bền vững cho những tác nhân nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị nông nghiệp như HTX, MSMEs.

Cơ quan nhà nước

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ NN&MT) cần nhắc các nội dung các chủ đề về nông nghiệp bền vững trong báo cáo này như là một đầu vào thẩm khảo trong quá trình xây dựng khung ESG trong ngành nông nghiệp cho chính sách hỗ trợ lãi suất 2% phù hợp với thực tiễn.
- Bộ NN&MT trường ghi nhận việc tham gia bảo hiểm nông nghiệp, hay tham gia chứng nhận như là một hình thức thực hành khung ESG.
- Bộ NN&MT có thể nghiên cứu xây dựng "Trung tâm dữ liệu ESG" (ESG Data Hub)" để HTX cập nhật việc thực hành ESG của các thành viên. Nền tảng này là cơ sở dữ liệu để Bộ xây dựng chính sách về nông nghiệp bền vững và theo dõi việc thực hiện.
- Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương được quy định tại Nghị định 264/2025/NĐ-CP nên ưu tiên phát triển danh mục đầu tư (portfolio) chuyên biệt cho công nghệ trong nông nghiệp, theo đó chấp nhận lợi nhuận tài chính thấp hơn trong ngắn hạn để tạo tác động dài hạn, chấp nhận rủi ro nhất định cho những thử nghiệm sản phẩm, ý tưởng.
- Bộ Tài chính cần nhắc nghiên cứu đa dạng hóa nguồn lực cho tài chính bền vững từ nguồn trong nước, bên cạnh nguồn tài chính quốc tế thông qua việc đảm bảo và thúc đẩy thành lập những quỹ quản lý tài sản trong nước.
- Chính quyền địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường thúc đẩy mô hình liên kết chuỗi giá trị có lồng ghép khung ESG tại địa phương.
- Chính quyền địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia hỗ trợ xác nhận vùng nguyên liệu, quản lý tuân thủ hợp đồng của doanh nghiệp và nông hộ, và nâng cao nhận thức của nông dân về các quy định thị trường.

Đối với ngân hàng và quỹ đầu tư

- Ngân hàng phát triển sản phẩm tín dụng xanh kết hợp với tài chính toàn diện trong lĩnh vực nông nghiệp để nông hộ, HTX, MSMEs có thể tiếp cận và thực hiện nông nghiệp xanh, bền vững theo khung ESG trên cơ sở chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 6 năm 2025 và theo Quyết định số 149/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Ngân hàng thực hiện tài chính toàn diện thông qua chương trình giáo dục tài chính cho HTX về năng lực quản trị gồm nhật ký ghi chép, tài chính, hợp đồng, quản lý rủi ro – đây là điều kiện nền tảng để tiếp cận cả thị trường và tài chính.
- Ngân hàng cập nhật và thực hiện phổ biến những quy định bắt buộc của các thị trường nhập khẩu đến những doanh nghiệp nông nghiệp hiện đang là khách hàng như là một hình thức quản lý rủi ro;
- Ngân hàng cần nhắc việc tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ, HTX là một phần quản trị rủi ro, đáp ứng một phần năng lực của tổ chức trong quá trình thẩm định tín dụng.
- Ngân hàng nâng cao năng lực cho các cán bộ ngân hàng và có những kiến nghị đến Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về những giải pháp có hiệu quả để đảm bảo thời gian và thủ tục nhanh gọn cho doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp khởi nghiệp nhận được đầu tư từ các quỹ nước ngoài như quỹ thiên thần đồng thời vẫn tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

- Quỹ đầu tư, quỹ quản lý tài sản, kết nối với các tổ chức xã hội chuyên ngành về môi trường, xã hội sẽ giúp cho các sản phẩm đầu tư ESG, bền vững mang tính khả thi trong thực tế, do đặc thù các quỹ này thường được quản lý bởi những người có kinh nghiệm và học thức về tài chính.

Đối với doanh nghiệp và HTX

- Trong ngắn hạn, HTX và MSMEs thực hiện các chủ đề về quản trị như lưu trữ hồ sơ, nhật ký canh tác một cách đều đặn. Áp dụng chuyển đổi số trong quản trị sản xuất bằng việc sử dụng phần mềm quản lý sản xuất, nhật ký sản xuất điện tử.
- Trong dài hạn, HTX và MSMEs nhìn nhận và đưa các yếu tố ESG vào mô hình hoạt động của mình một cách chủ động.
- Doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi duy trì mối liên kết chặt chẽ thông qua những cam kết lâu dài và minh bạch, duy trì cơ chế trao đổi và chia sẻ trách nhiệm về thực hành nông nghiệp theo khung ESG với nông hộ, HTX, MSMEs để thúc đẩy thực hành nông nghiệp theo khung ESG và tiếp cận với nguồn tài chính bền vững.

Tổ chức xã hội

- Tổ chức xã hội nâng cao nhận thức và thực hành ESG, tham gia bảo hiểm nông nghiệp với các nông hộ, HTX và MSMEs. Nội dung và chủ đề được xây dựng từ thực tế thực hành và ngôn ngữ theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận thay vì các định nghĩa mang tính học thuật. Tổ chức xã hội cần ưu tiên nâng cao năng lực quản trị của HTX, MSMEs bao gồm quy trình ghi chép, nhật ký canh tác, quản lý tài chính, hợp đồng, quản lý rủi ro – đây là điều kiện nền tảng để tiếp cận cả thị trường và tài chính.
- Tổ chức xã hội là một cầu nối giữa những đơn vị này với các quỹ đầu tư, đặc biệt trong giai đoạn ban đầu của mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp.



Nguồn ảnh: https://www.magnific.com/premium-ai-image/photo-farmers-work-spraying-paddy-that-is-already-full-green-sunny-morning-indonesia_224566119.htm

CHƯƠNG 01

Giới thiệu

- 1.1 Bối cảnh
- 1.2 Mục tiêu nghiên cứu
- 1.3 Kết cấu báo cáo

1.1. Bối cảnh

Nông nghiệp là “lợi thế quốc gia”^[2] và là ‘bệ đỡ’ của nền kinh tế Việt Nam,^[3] và có vai trò quan trọng trong an ninh lương thực trong nước và trên thế giới. Ngành nông nghiệp đóng góp cho tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên 10% trong thập kỷ qua, dù tốc độ tăng trưởng không ổn định trong giai đoạn 2016 đến nay^[4]. Về trị giá xuất khẩu, hàng nông sản và nông sản chế biến chiếm 6,6% tổng trị giá xuất khẩu vào năm 2023 (đạt 23,8 tỷ USD) và tăng lên 7,1% vào năm 2024 đạt 28,8 tỷ USD. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm: rau quả, hạt điều, cà phê, chè, hạt tiêu, gạo, sắn và sản phẩm của sắn, thủy sản.^[5]

Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, với doanh thu trên 3 tỷ USD mỗi năm trong giai đoạn 2020 - 2022 và tăng lên trên 4,6 tỷ USD vào năm 2023 và trên 5,6 tỷ USD vào năm 2024 với 9 triệu tấn^[6]. Tuy nhiên, sản xuất lúa còn manh mún, chủ yếu do các hộ nông dân nhỏ lẻ, ít hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ. Trong số 9 triệu hộ trồng lúa, chỉ khoảng 300.000 hộ chiếm phần lớn lượng gạo xuất khẩu, cho thấy sự tập trung cao vào nhóm sản xuất thương mại^[7]. Thị trường truyền thống và trọng điểm của mặt hàng gạo Việt Nam là Philippines, Indonesia, Malaysia, trong khi đó, thị trường châu Úc và châu Âu (EU) được đánh giá là thị trường tiềm năng mang lại giá trị cao.^[8]

Trong giai đoạn 2020 - 2024, cà phê cũng là một mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, với trị giá tăng dần hàng năm từ 2,7 tỷ USD vào năm 2020 lên đến 5,48 tỷ USD vào năm 2024^[9]. Theo số liệu thống kê sơ bộ được chia sẻ tại hội nghị tổng kết niên vụ 2024 – 2025, ước tính sản lượng cà phê xuất khẩu 9 tháng năm 2025 khoảng 1,25 triệu tấn với tổng giá trị ước tính đạt hơn 7 tỉ đô, là con số tăng trưởng ấn tượng cho niên vụ 2024 – 2025^[10], EU vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất, tiếp đến là Nhật Bản, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nga.^[11]

Ngành trồng trọt vẫn chiếm ưu thế trong nông nghiệp Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả đạt trên 3 tỷ USD trong giai đoạn 2020 - 2022, và tăng lên trên 5,6 tỷ USD vào năm 2023^[12]. Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt gần 7,2 tỷ USD, trong đó cao nhất là sầu riêng với giá trị ước đạt 3,3 tỷ USD; tiếp theo là thanh long khoảng 435 triệu USD^[13]. Trung Quốc, Hoa Kỳ, và EU là những thị trường lớn cho mặt hàng này. Mặc dù vậy, nông sản của Việt Nam chỉ chiếm 2% thị trường nhập khẩu của EU, điều này cho thấy tiềm năng phát triển, mở rộng.^[14]

Nuôi trồng thủy sản – đặc biệt là nuôi tôm ở đồng bằng sông Cửu Long – đang phát triển mạnh, với hơn 90% diện tích và 80% sản lượng tôm cả nước, và

[2] Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, truy cập tại <https://xaydunghinhachsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-19-nq-tw-ve-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-119220626164012907.htm>

[3] Tổng cục Thống kê (2024) Niên giám thống kê (tóm tắt) 2024. Nhà xuất bản thống kê. Xem tại: https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/06/NGTK-Cuc-TK-2024_BQ.pdf

[4] Tổng cục Thống kê (2024) Niên giám thống kê (tóm tắt) 2024. Nhà xuất bản thống kê. Xem tại: https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/06/NGTK-Cuc-TK-2024_BQ.pdf

[5] Tổng cục Thống kê (2023) Niên giám thống kê (tóm tắt) 2023. Nhà xuất bản thống kê. Xem tại: https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2024/06/NIEN-GIAM-THONG-KE-2023_Ban-quyen-1.pdf

[6] Tổng cục Thống kê (2024) Niên giám thống kê (tóm tắt) 2024. Nhà xuất bản thống kê. Xem tại: https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/06/NGTK-Cuc-TK-2024_BQ.pdf

[7] Bộ Công Thương (2025). Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2024, truy cập tại: https://trungtamwto.vn/file/23903/bao-cao-xnk-vn-2024-1534_compressed.pdf

[8] Ngân hàng Thế giới (2019). Vietnam Agriculture Finance Diagnostic Report: Financial Inclusion Support Framework – Vietnam Country Support Program. Truy cập tại: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/884321587357455934/pdf/Vietnam-Agriculture-Finance-Diagnostic-Report-Financial-Inclusion-Support-Framework-Country-Support-Program.pdf>

[9] Đỗ Hương (2025). Xuất khẩu cà phê bền vững cần làm tốt từ việc tái canh. Báo điện tử Chính phủ. Truy cập tại: <https://baohinhphu.vn/xuat-khau-ca-phe-ben-vung-can-lam-tot-tu-viec-tai-can-102250119072731112.htm>

[10] Chu Khôi (2025). Xuất khẩu cà phê đạt kỷ lục 8,4 tỷ USD. VnEconomy. Truy cập tại: <https://vneconomy.vn/xuat-khau-ca-phe-dat-ky-luc-84-ty-usd.htm>

[11] Bộ Công Thương (2025). Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2024, truy cập tại: https://trungtamwto.vn/file/23903/bao-cao-xnk-vn-2024-1534_compressed.pdf

[12] Ngân hàng Thế giới (2019). Vietnam Agriculture Finance Diagnostic Report: Financial Inclusion Support Framework – Vietnam Country Support Program. Truy cập tại: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/884321587357455934/pdf/Vietnam-Agriculture-Finance-Diagnostic-Report-Financial-Inclusion-Support-Framework-Country-Support-Program.pdf>

[13] T Minh Ngọc (2025). Sức bật trái cây Việt Nam - nhìn từ vựa trái cây Đồng bằng sông Cửu Long. Truy cập tại: <https://danviet.vn/suc-bat-trai-cay-viet-nam-nhin-tu-vua-trai-cay-dong-bang-song-cuu-long-d1328154.html>

[14] Đức Thuận (2025). Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản sang EU. Thời báo ngân hàng. Truy cập tại: <https://thoibaonganhang.vn/day-manh-xuat-khau-nong-san-sang-eu-169431.html>

xu hướng gắn kết giữa khâu nuôi và chế biến ngày càng rõ rệt^[15]. Trị giá xuất khẩu hàng thủy sản chiếm 2,5% tổng trị giá xuất khẩu vào năm 2023 (đạt gần 9 tỷ USD) và 2024 (đạt 10 tỷ USD)^[16]. Việt Nam là quốc gia đứng thứ 3 trên thế giới về xuất khẩu thủy sản^[17]. EU là một trong năm thị trường nhập khẩu lớn nhất hàng thủy sản của Việt Nam với trị giá 1 tỷ USD vào năm 2024^[18]. Ngoài ra, các thị trường nhập khẩu thủy sản trọng điểm của Việt Nam là Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hồng Kông (Trung Quốc), Nhật Bản, và Trung Đông - thị trường tiềm năng.^[19]

Xuất khẩu nông sản đang mở rộng về các loại mặt hàng và thị trường, tuy vậy, theo Ngân hàng Thế giới, phần lớn các ngành xuất khẩu đang mở rộng chưa tận dụng hết cơ hội gia tăng giá trị và chưa tạo tác động bền vững cho nông dân và cộng đồng. Việt Nam có lợi thế cạnh tranh về chi phí ở nông sản nhưng thường phải bán rẻ do: (i) chất lượng và an toàn thực phẩm chưa ổn định; (ii) rủi ro vi phạm hợp đồng; (iii) cạnh tranh nội bộ gay gắt khiến người mua quốc tế dễ ép giá; (iv) lo ngại về dấu chân môi trường của hàng hóa^[20]. Ngành nông nghiệp của Việt Nam được coi là ngành sử dụng lượng lớn tài nguyên thiên nhiên, có nguy cơ gây suy thoái nguồn tài nguyên như rừng, nước, đa dạng sinh học, đất, từ đó ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng kinh tế bền vững của quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu^[21]. Biến đổi khí hậu làm tăng tần suất, mức độ nghiêm trọng và tính khó dự báo của thiên tai, do vậy, là rủi ro của ngành nông nghiệp ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng, và tài nguyên thiên nhiên^[22]. Thiệt hại ước tính vào năm 2020 do biến đổi khí hậu

đến ngành thủy sản là 4 tỷ USD, đến nông nghiệp là 837 triệu USD^[23]. Biến đổi khí hậu còn ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất lao động và sức khỏe của bao gồm hơn 13 triệu lao động trong ngành nông nghiệp^[24]. Nhóm dễ bị tổn thương như nhóm nông dân chịu ảnh hưởng nhiều hơn và nghiêm trọng hơn. Bên cạnh đó, nông nghiệp là ngành phát thải khí nhà kính (chủ yếu gồm khí CO₂, khí metan CH₄, khí N₂O) lớn thứ hai tại Việt Nam, chiếm gần 1/5 tổng lượng phát thải, sau ngành năng lượng.^[25]

Ngoài ra, xuất khẩu nông sản của Việt Nam đang đối mặt với những thách thức tuân thủ những quy định chặt chẽ hơn về tính bền vững môi trường, xã hội của những thị trường nhập khẩu như về lao động, bảo tồn đa dạng sinh học. Xuất khẩu thủy sản đối mặt với thách thức trong tuân thủ quy định chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) của Ủy ban châu Âu, hay Đạo luật Bảo vệ động vật có vú ở biển (MMPA) của Hoa Kỳ nhằm mục đích giảm thiểu việc đánh bắt không chủ đích các loài động vật có vú ở biển trong các hoạt động đánh bắt cá thương mại nước ngoài và có xuất khẩu cá và các sản phẩm từ cá sang Hoa Kỳ^[26]. Xuất khẩu cà phê, gỗ, cao su sang thị trường EU cần đáp ứng Quy định về việc sản xuất và thương mại các sản phẩm hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng (EUDR). Bên cạnh đó, người tiêu dùng trong nước và quốc tế đang có xu hướng tiêu dùng xanh, tiêu dùng có trách nhiệm, chú trọng sản phẩm hữu cơ, ưu tiên hàng hóa có chứng nhận chất lượng, xuất xứ rõ ràng, quan tâm đến lợi ích của cộng đồng và người lao động trong chuỗi cung ứng, đặc biệt tại châu Âu.

[15] Ngân hàng Thế giới (2019). Vietnam Agriculture Finance Diagnostic Report: Financial Inclusion Support Framework – Vietnam Country Support Program. Truy cập tại:

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/884321587357455934/pdf/Vietnam-Agriculture-Finance-Diagnostic-Report-Financial-Inclusion-Support-Framework-Country-Support-Program.pdf>

[16] Tổng cục Thống kê (2024). Niên giám thống kê (tóm tắt) 2024. Nhà xuất bản thống kê. Xem tại: https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/06/NGTK-Cuc-TK-2024_BQ.pdf

[17] Bộ Công Thương (2025). Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2024, truy cập tại: https://trungtamwto.vn/file/23903/bao-cao-xnk-vn-2024-1534_compressed.pdf

[18] Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (2025). Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2024. Truy cập tại:

<https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-kauf/infographic/infographic-xuat-kauf-thuy-san-cua-viet-nam-nam-2024-32607.html>

[19] Bộ Công Thương (2025). Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2024, truy cập tại: https://trungtamwto.vn/file/23903/bao-cao-xnk-vn-2024-1534_compressed.pdf

[20] Ngân hàng Thế giới (2019). Vietnam Agriculture Finance Diagnostic Report: Financial Inclusion Support Framework – Vietnam Country Support Program. Truy cập tại:

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/884321587357455934/pdf/Vietnam-Agriculture-Finance-Diagnostic-Report-Financial-Inclusion-Support-Framework-Country-Support-Program.pdf>

[21] Ngân hàng Thế giới (2022). Vietnam Country Climate and Development Report. CCDR Series. © World Bank. <http://hdl.handle.net/10986/37618>

[22] Doan, Quang Hong; Eckardt, Sebastian; Morisset, Jacques (2020) Vietnam Năng Động : Tạo Nền Tảng Cho Một Nền Kinh Tế Thu Nhập Cao - Các Nghiên Cứu Chuyên Đề (Vietnamese). Washington, D.C. World Bank Group. <http://documents.worldbank.org/curated/en/099107006102230071>

[23] Ngân hàng Thế giới (2022) Accelerating Clean, Green, and Climate-Resilient Growth in Vietnam: A Country Environmental Analysis. © World Bank. <http://hdl.handle.net/10986/37704>

[24] Tổng cục Thống kê (2024) Niên giám thống kê (tóm tắt) 2024. Nhà xuất bản thống kê. Xem tại: https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/06/NGTK-Cuc-TK-2024_BQ.pdf

[25] Ngân hàng Thế giới (2022). Vietnam Country Climate and Development Report. CCDR Series. © World Bank. <http://hdl.handle.net/10986/37618>

[26] Hướng dẫn tuần thủ - Quy định nhập khẩu theo Luật Bảo vệ động vật biển có vú. Truy cập tại: <https://vasep.com.vn/Portals/0//DATA/Files/Users/kimthu/files/MMPA.pdf>

Những chuyển đổi trong ngành nông nghiệp để hướng tới bền vững là cần thiết, không chỉ để ứng phó và giảm thiểu những rủi ro môi trường, mà còn tạo những tác động tích cực đến môi trường và con người, đóng góp thực hiện những cam kết của quốc gia về các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs), Net Zero vào năm 2050 của Chính phủ tại COP 26. Đồng thời, những chuyển đổi của ngành này nhằm tăng năng suất giúp đảm bảo an ninh lương thực ở cấp quốc gia và trên toàn cầu.

Do vậy, các tác nhân trong chuỗi giá trị nông nghiệp gồm nông hộ, HTX, doanh nghiệp cũng cần có những chuyển đổi trong nhận thức và thực hành nông nghiệp hướng tới bền vững. Những tác nhân này không chỉ chịu rủi ro do những thách thức về chính sách, môi trường và xã hội kể trên. Đồng thời, các tác nhân này có vai trò trong đảm bảo an ninh lương thực, giảm tác hại đến môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên. Tại Việt Nam, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu là MSMEs^[27]. Năm 2023, trong số 5.949 doanh nghiệp của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, chỉ 45,6% doanh nghiệp kinh doanh có lãi.^[28]

Tính riêng cho lĩnh vực thủy sản, nông nghiệp và dịch vụ có liên quan (không tính lâm nghiệp), số lượng doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản, nông nghiệp và dịch vụ có liên quan vào năm 2023 là 4.830 doanh nghiệp, chiếm gần 1% tổng doanh nghiệp với 204.734 lao động (chiếm 1% tổng số lao động)^[29]. Theo quy mô vốn, doanh nghiệp có nguồn vốn dưới 50 tỷ đồng chiếm 80%, tương đương 3.857

MSMEs^[30]. Tính đến 31/12/2023, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có 8.154 HTX đang hoạt động (chiếm gần 50% tổng số hợp xã trên cả nước) với 67.637 lao động (chiếm 40% tổng số lao động) và với doanh thu thuần gần 21 nghìn tỷ đồng^[31]. Tuy vậy, chuỗi liên kết trong ngành hàng còn lỏng lẻo, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp.^[32]

Áp dụng khung ESG trong nông nghiệp đang ngày càng phổ biến nhằm mục đích tăng cường phát triển bền vững và giảm thiểu những rủi ro liên quan đến yếu tố môi trường và xã hội. ESG trong nông nghiệp đề cập đến việc tích hợp các nguyên tắc Môi trường, Xã hội và Quản trị vào các hoạt động canh tác và sản xuất thực phẩm (Hình 1). Điều này rất quan trọng vì nó giúp giảm thiểu tác hại đến môi trường, hỗ trợ các thực tiễn lao động công bằng và đảm bảo tuân thủ các quy định, thúc đẩy ngành công nghiệp hướng tới các thực tiễn bền vững và có đạo đức hơn. Doanh nghiệp, HTX áp dụng khung ESG với những thay đổi trong quản trị thể hiện tính minh bạch và trách nhiệm của mình và sẵn sàng thích ứng với những rủi ro môi trường, xã hội, với những quy định chính sách ngày càng chặt chẽ về môi trường và xã hội. Đồng thời, đây được xem là cơ hội để các doanh nghiệp, HTX và nông hộ giới thiệu và quảng bá thương hiệu bền vững và tăng tính cạnh tranh của nông sản Việt Nam ra thị trường quốc tế.

[27] Về phân loại doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ, và vừa trong nông nghiệp, tham khảo tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Điều 5: Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=203941>. Theo đó, trong ngành nông nghiệp, doanh nghiệp siêu nhỏ có số lao động (tham gia bảo hiểm xã hội) không quá 10 người và tổng doanh thu năm không quá 3 tỷ đồng/ hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng; Doanh nghiệp nhỏ có số lao động bình quân năm (tham gia BHXH) không quá 100 người và tổng doanh thu năm không quá 50 tỷ đồng/ hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng; Doanh nghiệp vừa có số lao động bình quân năm (tham gia BHXH) không quá 200 người và tổng doanh thu năm không quá 200 tỷ đồng/ hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng.

[28] Cục Tài chính, Bộ Tài chính (2025) Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2025. Nhà xuất bản Thống kê. Truy cập tại:

<https://www.nso.gov.vn/default/2025/11/sach-trang-doanh-nghiep-viet-nam-nam-2025/>

[29] Cục Thống kê, bộ Tài chính (u.d). Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 phân theo quy mô vốn và theo ngành kinh tế chia theo Ngành kinh tế, Năm và Quy mô vốn - năm 2023. Truy cập tại: <https://www.nso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0528&theme=Doanh%20nghe%1%BB%87p> và Tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo ngành kinh tế chia theo ngành kinh tế và Năm. Truy cập tại <https://www.nso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0510&theme=Doanh%20nghe%1%BB%87p>

[30] Cục Thống kê, bộ Tài chính (u.d). Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 phân theo quy mô vốn và theo ngành kinh tế chia theo Ngành kinh tế, Năm và Quy mô vốn - năm 2023. Truy cập tại: <https://www.nso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0528&theme=Doanh%20nghe%1%BB%87p> và Tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo ngành kinh tế chia theo ngành kinh tế và Năm. Truy cập tại <https://www.nso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0510&theme=Doanh%20nghe%1%BB%87p>

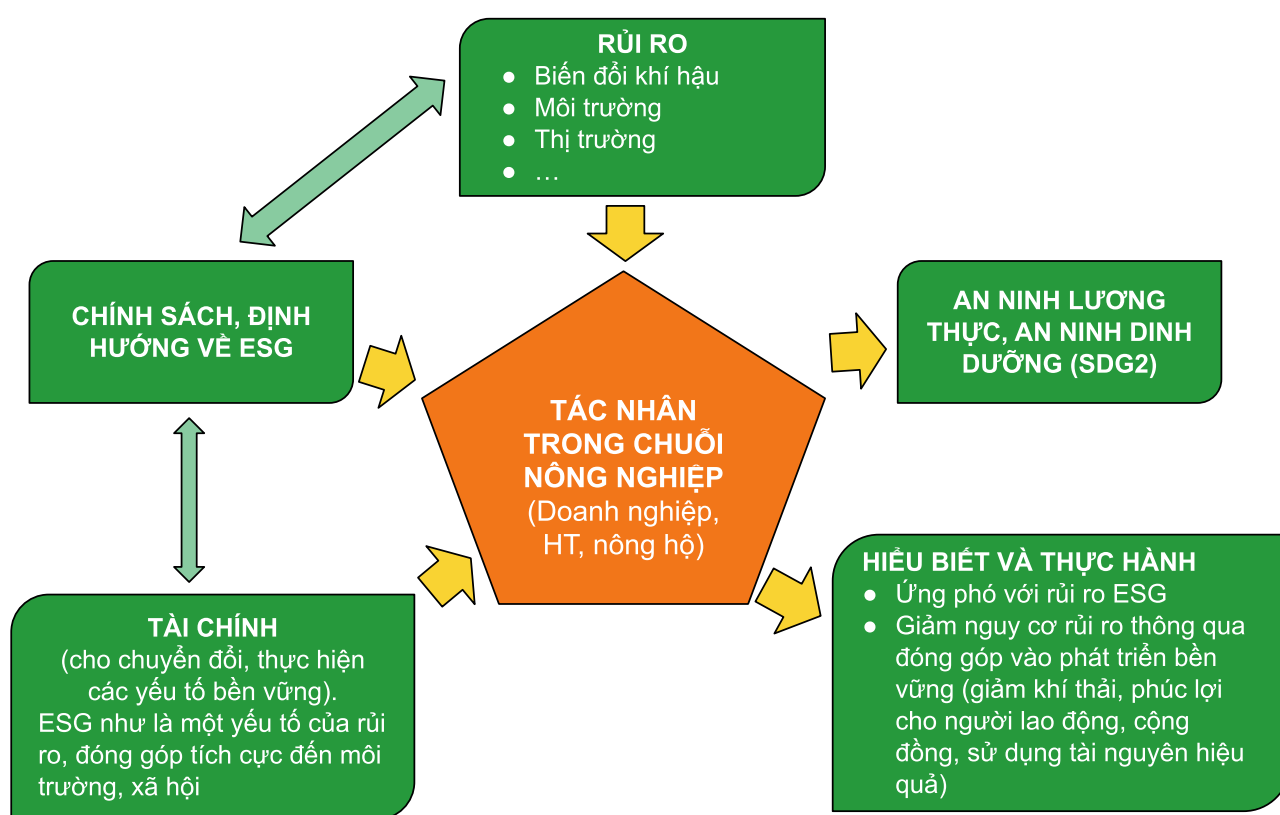
[31] Cục Tài chính, Bộ Tài chính (2025). Sách trắng Hợp tác xã Việt Nam 2025. Nhà xuất bản Thống kê. Truy cập tại: <https://www.nso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/11/Sach-trang-HTX-2025-PDF.pdf>

[32] Hồng Hạnh (2023). Chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp còn thiếu tính bền vững. Tạp chí điện tử Thiên nhiên và Môi trường. Truy cập tại:

<https://thiennhienvaomoi.vn/chuoi-lien-ket-san-xuat-nong-nghiep-con-thieu-tinh-ben-vung.htm>

Để đáp ứng những nhu cầu cho chuyển đổi theo hướng bền vững của toàn ngành và có tính bền vững đòi hỏi các giải pháp tài chính linh hoạt, có khả năng tiếp cận đến các nhân tố nhỏ và vừa tham gia trong chuỗi giá trị của ngành này, đặc biệt là HTX, MSMEs có thể tiếp cận được. Một trong những giải pháp đó là tài chính bền vững, gồm tài chính chuyển đổi và tài chính xanh. Tài chính bền vững vừa có vai trò khuyến khích các tác nhân nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị

nông nghiệp gồm HTX, doanh nghiệp, nông hộ có nguồn vốn để chuyển đổi sang thực hành nông nghiệp bền vững theo khung Môi trường - Xã hội - Quản trị hay viết tắt là ESG (tài chính chuyển đổi). Đồng thời, với những tác nhân đang thực hành ESG trong nông nghiệp có cơ hội tiếp cận đến nguồn tài chính này với những ưu đãi như giảm lãi suất (tài chính xanh).



Hình 1: Các yếu tố tác động đến các tác nhân trong chuỗi về ESG

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu “Hướng tới nông nghiệp bền vững: Thực hành khung Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) và Tiếp cận tài chính bền vững của các tác nhân nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị nông nghiệp” được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng (i) hiểu biết và thực hành nông nghiệp theo khung ESG và tiếp cận đến tài chính bền vững của các tác nhân nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị nông nghiệp. Các tác nhân này gồm hợp HTX, MSMEs.

Kết quả của nghiên cứu nhằm cung cấp bằng chứng thực tiễn và khuyến nghị đến các bên liên quan chính sách để tăng cường khả năng tiếp cận tài chính bền vững, thúc đẩy thực hành nông nghiệp theo khung ESG cho MSMEs, HTX và nông hộ.

1.3. Kết cấu của báo cáo

Báo cáo này trình bày kết quả nghiên cứu với cấu trúc như sau:

Chương 1. Giới thiệu: Giới thiệu và trình bày về vai trò của nông nghiệp và những thách thức chung và về môi trường, xã hội trong ngành;

Chương 2. Phương pháp: Trình bày cách tiếp cận, câu hỏi nghiên cứu phương pháp thu thập dữ liệu, hạn chế của nghiên cứu;

Chương 3. Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững: Trình bày những chính sách, chiến lược chính trong phát triển ngành nông nghiệp bền vững dựa trên rà soát tài liệu;

Chương 4. Khung môi trường - xã hội - quản trị trong ngành nông nghiệp: Trình bày khung môi trường - xã hội - quản trị trong ngành nông nghiệp và trình bày kết quả về nhận thức, thực hành của các tác nhân trong ngành nông nghiệp dựa trên rà soát tài liệu, khảo sát và phỏng vấn sâu;

Chương 5. Ngành nông nghiệp và tiếp cận tài chính bền vững: Trình bày những chính sách về tài chính thúc đẩy nông nghiệp bền vững và tiếp cận nguồn tài chính này của các tác nhân trong ngành nông nghiệp dựa trên rà soát tài liệu, khảo sát, phỏng vấn sâu; và

Chương 6. Kết luận và khuyến nghị: Dựa trên những phát hiện được trình bày ở các phần trước, từ đó đưa ra những khuyến nghị về chính sách và thực hành đối với các bên liên quan để thúc đẩy tài chính cho phát triển nông nghiệp bền vững.

CHƯƠNG 02

Phương pháp

- 2.1 Mục tiêu nghiên cứu
- 2.2 Cách tiếp cận
- 2.3 Phạm vi của nghiên cứu
- 2.4 Phương pháp thu thập dữ liệu
- 2.5 Đơn vị tham gia khảo sát
- 2.6 Đạo đức nghiên cứu
- 2.7 Hạn chế nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm tìm hiểu thực trạng (i) hiểu biết và thực hành nông nghiệp theo khung ESG và tiếp cận đến tài chính bền vững của các tác nhân nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị nông nghiệp tại Việt Nam. Các tác nhân này gồm HTX, MSMEs.

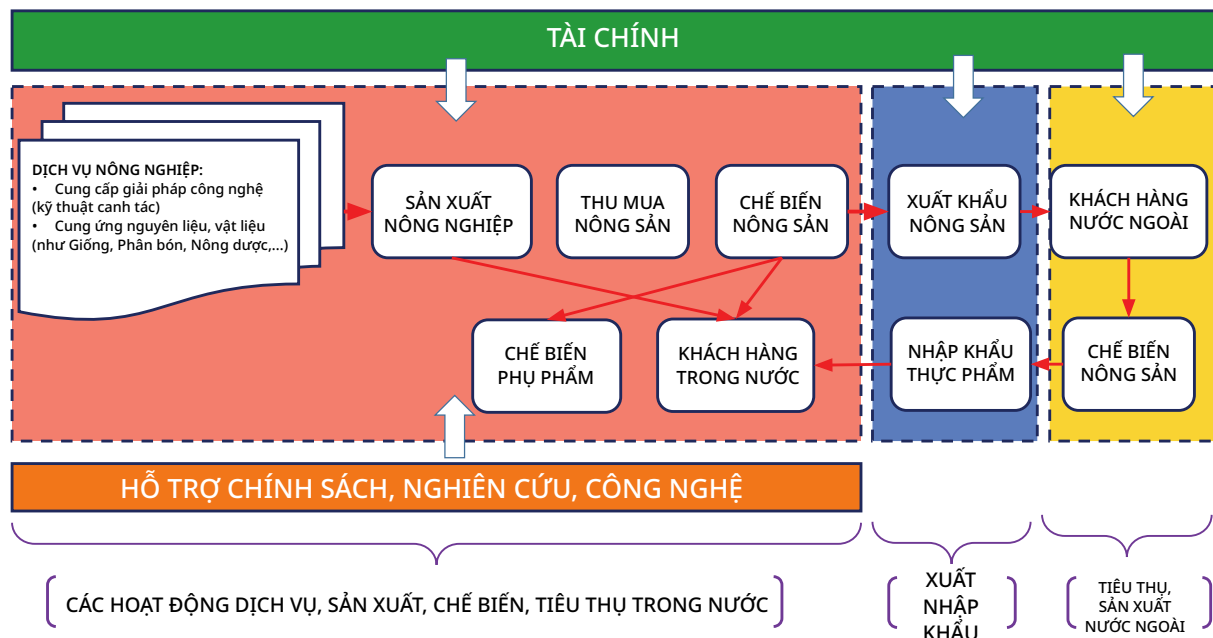
Cụ thể, nghiên cứu tìm hiểu:

- Bối cảnh chính sách về nông nghiệp bền vững và tài chính bền vững trong ngành này
- Nhận thức và thực hành của các HTX, doanh nghiệp trong thực hành nông nghiệp theo khung ESG; và
- Tiếp cận tài chính bền vững của các HTX, doanh nghiệp

2.2. Cách tiếp cận

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận hệ thống trong chuỗi giá trị nông nghiệp. Theo đó, cách tiếp cận hệ thống nhận diện các bên liên quan, vai trò, mối tương tác giữa các bên trong chuỗi nông nghiệp, phân tích những tác động của các yếu tố liên quan đến môi trường - xã hội đến các nhân tố trong chuỗi giá trị, bao gồm các tổ chức tài chính.

Hình 2 bên dưới trình bày chức năng trong chuỗi giá trị, theo đó, mô tả các chức năng chính của chuỗi sản xuất – thu mua – chế biến – thị trường cùng với các yếu tố hỗ trợ như dịch vụ đầu vào, tài chính, công nghệ và môi trường chính sách. Trong thực tế, một tác nhân trong chuỗi có thể thực hiện nhiều chức năng như HTX vừa thực hiện sản xuất, vừa thực hiện cung ứng nguyên vật tư canh tác (giống, phân bón), do vậy, biểu đồ đề cập gián tiếp đến tác nhân.



Hình 2: Các chức năng chính trong chuỗi giá trị nông nghiệp

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp dựa trên nghiên cứu tài liệu và phỏng vấn sâu.^[33]

[33] Springer-Heinze, A. (2018). ValueLinks 2.0. Manual on Sustainable Value Chain Development - Volume 1: Value chain analysis, Strategy and Implementation. GIZ & Value links. Truy cập tại: <https://valuelinks.org/material/manual/ValueLinks-Manual-2.0-Vol-1-January-2018.pdf>. Và Phỏng vấn sâu: PVS-PCP01, PVS-HTX01, PVS-HTX02, PVS-CG03, PVS-DN02.

2.3. Phạm vi của nghiên cứu

Dựa trên đặc thù xuất khẩu nông nghiệp tại Việt Nam, nghiên cứu tập trung vào các chức năng sản xuất, chế biến, thương mại, xuất khẩu trong chuỗi giá trị nông nghiệp. Các ngành hàng tập trung gồm cà phê, gạo,

thủy sản, rau quả và dịch vụ nông nghiệp nói chung (gồm cung cấp đầu vào cho canh tác, giải pháp công nghệ, nguyên vật tư khác).

2.4. Phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (Mixed-methods) gồm cả phương pháp định tính và định lượng. Về định tính, nghiên cứu thực hiện (i) Nghiên cứu bàn và (ii) Phỏng vấn sâu. Về định lượng, nghiên cứu thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi với đại

diện của các đơn vị là HTX, doanh nghiệp, trung tâm. Thời gian thu thập dữ liệu qua phỏng vấn sau và khảo sát diễn ra trong 3 tuần từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2025.

2.4.1. Phương pháp định tính

Dữ liệu thứ cấp thực hiện rà soát và tổng quan 74 tài liệu bao gồm 23 tài liệu là chính sách trong ngành nông nghiệp, tài chính như luật, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, chiến lược của Chính phủ và Bộ, ban ngành liên quan trong ngành nông nghiệp, tài chính, báo cáo của các tổ chức trong nước và quốc tế (như Ngân hàng Thế giới), bài báo về các chủ đề liên quan trong nước và trên thế giới. Những tài liệu được chọn lọc dựa trên việc sử dụng công cụ tìm kiếm trực tuyến là Google, Google scholar, và do những chuyên gia trong ngành giới thiệu, đề cập. Những từ chính trong quá trình tìm kiếm tài liệu bao gồm “nông nghiệp bền vững”, “lúa gạo”, “cà phê”, “thủy sản”; “trái cây”, “rau quả”, “nông nghiệp xanh”, “tiêu chuẩn bền vững”, “ESG”, “tài chính cho ngành nông nghiệp”, “thị trường xuất khẩu”, “nông sản”, “tín dụng xanh”, “chính sách trong ngành nông nghiệp”, “tài chính bền vững”.

Dữ liệu sơ cấp định tính được thu thập từ 15 cuộc phỏng vấn sâu với nông hộ, HTX, tổ chức tài chính, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp. Phương pháp chọn mẫu cho phỏng vấn sâu là có chủ đích và quả tuyết lăn (snow-ball) nhằm làm rõ thêm những thông tin từ dữ liệu thứ cấp thu thập trong quá trình rà soát tài liệu và tìm hiểu sâu hơn về bối cảnh và thực hành cho kết quả khảo sát.

2.4.2. Phương pháp định lượng

Về định lượng, nghiên cứu thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi với 97 đại diện các HTX, doanh nghiệp nằm trong chuỗi giá trị nông nghiệp. Những đơn vị này tham gia vào chuỗi với các chức năng như sản xuất, thương mại và thực hiện xuất khẩu hàng nông sản (upstream) hoặc cung cấp dịch vụ nông nghiệp. Cho khảo sát, nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu cho khảo sát là thuận tiện và quả tuyết lăn (snow-ball). Hình thức tham gia khảo sát thông qua trả lời hình thức bảng hỏi trực tiếp và trực tuyến.

Hộp 1: Tiêu chí chọn mẫu cho phỏng vấn và khảo sát

Phỏng vấn sâu

- Doanh nghiệp, HTX tham gia vào chuỗi giá trị nông nghiệp với chức năng sản xuất, chế biến, thương mại, xuất khẩu trong ngành cà phê, thủy sản, lúa gạo, rau quả;
- Nông hộ là thành viên của HTX tham gia vào chuỗi giá trị nông nghiệp với chức năng sản xuất, chế biến, thương mại, xuất khẩu trong ngành cà phê, thủy sản, lúa gạo, rau quả;
- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nông nghiệp (gồm cung cấp đầu vào cho canh tác, giải pháp công nghệ, nguyên vật tư khác);
- Chuyên gia đến từ các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp tư vấn, hỗ trợ cho nông hộ, HTX, doanh nghiệp trong ngành cà phê, thủy sản, lúa gạo, rau quả;
- Tổ chức tài chính như ngân hàng, quỹ đầu tư, quản lý tài sản;
- Cơ quan nhà nước về nông nghiệp cấp trung ương và địa phương.

Khảo sát

- HTX, doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị nông nghiệp với chức năng sản xuất, chế biến, thương mại, xuất khẩu trong ngành cà phê, thủy sản, lúa gạo, rau quả;
- HTX, doanh nghiệp, trung tâm cung cấp dịch vụ nông nghiệp (gồm cung cấp đầu vào cho canh tác, giải pháp công nghệ, nguyên vật tư khác).

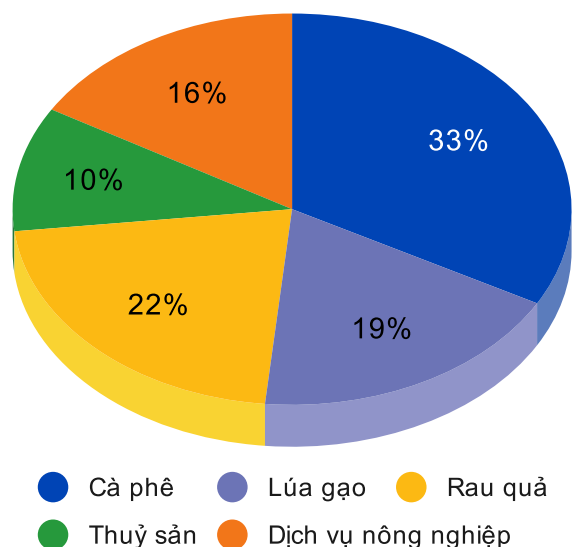
2.5. Đơn vị tham gia khảo sát

Tổng số mẫu đạt yêu cầu sau khi thực hiện quá trình làm sạch dữ liệu là 97 mẫu gồm HTX, MSMEs, doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn nước ngoài và trung tâm. 54% đơn vị là do phụ nữ làm chủ.

Có 93% đơn vị tham gia khảo sát là HTX và MSMEs.

Điều này cho thấy, kết quả khảo sát thể hiện quan điểm chủ yếu của nhóm HTX và MSMEs trong ngành nông nghiệp. Đây cũng là đặc thù chung của ngành nông nghiệp tại Việt Nam khi chủ yếu doanh nghiệp là siêu nhỏ, nhỏ và vừa, như đã đề cập ở trên.

Đơn vị tham gia khảo sát theo ngành (n=97)



Hình 3: Phân bố đơn vị tham gia khảo sát theo loại hình

Theo ngành hàng, như hình 4

33% là đơn vị trong ngành cà phê

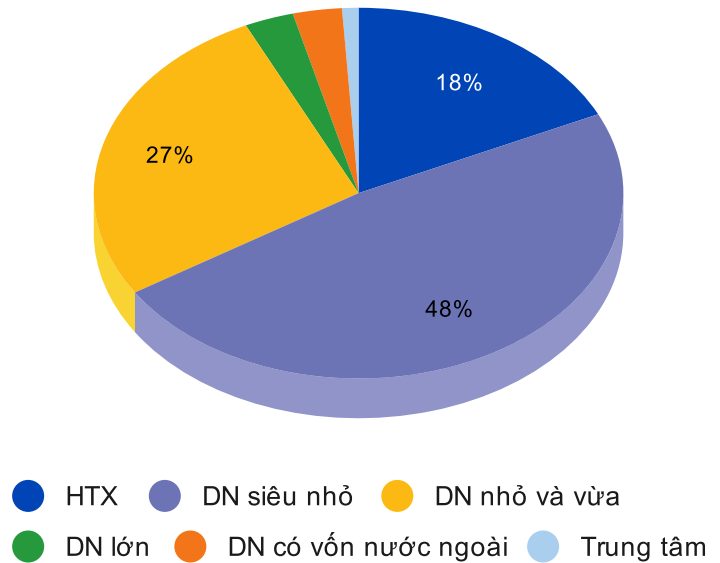
19% đơn vị trong ngành lúa gạo

22% đơn vị trong ngành rau quả

10% đơn vị trong ngành thủy sản; và

16% đơn vị thuộc dịch vụ nông nghiệp nói chung

Loại hình đơn vị tham gia khảo sát (n=97)



Hình 4: Số đơn vị tham gia khảo sát theo ngành hàng

2.6. Đạo đức nghiên cứu

Những thông tin từ khảo sát và phỏng vấn sâu được ghi lại và được mã hoá. Danh tính và thông tin cá nhân của những người tham gia được bảo mật và không công khai.

2.7. Hạn chế nghiên cứu

Kết quả của nghiên cứu mang tính gợi mở, cung cấp những thực tế của một nhóm tham gia khảo sát do số mẫu nhỏ. Do vậy, việc diễn giải kết quả nghiên cứu và suy rộng ra cho tổng thể của ngành nông nghiệp cần được thực hiện thận trọng. Ngoài ra, khảo sát được thực hiện vào thời gian cuối năm 2025 trong khi có những chính sách về nông nghiệp và tài chính mới được đưa ra thời điểm đầu và giữa năm 2025, do vậy, việc diễn giải thực hành những chính sách mới này cũng cần được lưu ý cẩn thận. Tuy vậy, kết quả nghiên cứu sẽ có ý nghĩa trong việc triển khai những chính sách này phù hợp với thực tiễn trong thời gian tới.

Ngoài ra, do điều kiện về thời gian, khảo sát có hạn chế trong việc tiếp cận với nhiều doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp xuất khẩu. Đặc biệt, trong ngành thủy sản, số lượng mẫu khảo sát chưa lớn, dù phỏng vấn viên có tiếp cận tới một số đơn vị nhưng chưa thực hiện được khảo sát do họ quan niệm e ngại rằng khi tham gia trả lời bằng hỏi, hoạt động nuôi trồng thủy sản hay kinh doanh của đơn vị sẽ gặp điều không may mắn^[34]. Do tỷ trọng số lượng mẫu đối với mỗi ngành có sự chênh lệch nên các thông tin này chỉ mang tính tham khảo, không đại diện cho nhóm ngành đó.

[34] Phỏng vấn viên thực hiện khảo sát

CHƯƠNG 03

Tổng quan chính sách phát triển nông nghiệp bền vững

- 3.1 Mục tiêu nghiên cứu
- 3.2 Lúa gạo
- 3.3 Cà phê
- 3.4 Rau quả
- 3.5 Thủy sản

3.1. Chính sách định hướng chung

Cam kết chính trị của Việt Nam về nông nghiệp bền vững được thể hiện trong Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, ngày 16/6/2022 về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Những chính sách và chiến lược đưa ra những định hướng cho toàn ngành nông nghiệp, cho từng ngành hàng hướng tới bền vững.

Nghị quyết số 26/NQ-CP^[35] của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, ngày 16/6/2022 về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”^[36] thể hiện quan điểm và đưa ra định hướng phát triển nông nghiệp – nông thôn theo hướng bền vững, hiện đại và gắn với thị trường. Những chính sách và chiến lược của Chính phủ đã đưa ra một cách nhìn toàn diện về phát triển nông nghiệp bền vững, gồm bền vững về kinh tế, môi trường, xã hội với vai trò quan trọng của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ^[37] đề cập đến những chuyển đổi về tư duy từ “chuỗi cung ứng nông sản” sang “chuỗi giá trị ngành hàng”, ưu tiên hoàn thiện chuỗi giá trị cho các ngành hàng chủ lực quốc gia và địa phương, mở rộng liên kết với doanh nghiệp chế biến và thương mại để tạo không gian kinh tế liên vùng và bảo đảm phân chia lợi ích minh bạch giữa các tác nhân. Môi trường và biến đổi khí hậu là trụ cột trong phát triển nông nghiệp bền vững với yêu cầu chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái, xanh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông dân

và HTX là trung tâm trong quá trình chuyển đổi. Chính phủ cũng đã ban hành những chính sách khuyến khích, hỗ trợ như khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ,^[38] về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như trong Nghị định số 57/2018/NĐ-CP^[39] của Chính phủ.

Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) (nay là Bộ NN&MT) về thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030^[40] đặt ra mục tiêu phát triển nền nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn và phát thải các-bon thấp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, gia tăng giá trị, cải thiện năng lực cạnh tranh và bảo đảm phát triển bền vững. Định hướng này cũng góp phần giảm ô nhiễm môi trường nông nghiệp – nông thôn và tiến tới nền kinh tế trung hòa các-bon vào năm 2050. Về trồng trọt, Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050^[41] nhấn mạnh sản xuất trồng trọt theo hướng xanh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp và phù hợp với những cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Tài nguyên thiên nhiên được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, và bền vững. Chiến lược cũng nhấn mạnh đến liên kết giữa các đối tác và lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Một số cây trồng chủ lực theo chiến lược gồm lúa gạo, cà phê, cây ăn quả.

[35] Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Truy cập tại: <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207507>

[36] Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Truy cập tại: <https://xaydungchinhphusach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-19-nq-tw-ve-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-119220626164012907.htm>

[37] Quyết định số 150/QĐ-TTg, ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Truy cập tại: <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205277>

[38] Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, ngày 05 tháng 7 năm 2018. Truy cập tại: <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2018/07/98-2018-nd-cp-signed.pdf>

[39] Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, ngày 17 tháng 4 năm 2018. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=193514>

[40] Quyết định số 3444/QĐ-BNN-KH do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), ngày 12/9/2022. Truy cập tại: <https://khuyennong.danang.gov.vn/Default.aspx?tabid=1111&ni=151>

[41] Quyết định số 1748/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ngày 30 tháng 12 năm 2023 Truy cập tại: <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209347>

3.2. Lúa gạo

Lúa gạo là lương thực chính của người Việt Nam và tại nhiều quốc gia khác. Từ khi áp dụng chính sách đổi mới, Việt Nam đã hoàn toàn tự túc được lúa gạo và không ngừng phát triển, gia tăng sản lượng, năng suất và xuất khẩu ra thế giới.

Tuy nhiên, xuất khẩu gạo đang phải đối mặt với nhiều thách thức bao gồm giá thấp do lượng cung lớn hơn cầu, từ đó ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân^[42]. Lúa gạo đóng góp vào lượng khí thải khí nhà kính trong ngành nông nghiệp lớn nhất, chiếm khoảng 48%, tiếp theo là chăn nuôi (15,3%), quản lý việc bón phân tổng hợp (12,9%), quản lý phân xanh (9,5%) và các hoạt động khác^[43].

Những định hướng và thực thi hướng tới nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững được đề cập trong Đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam đến năm 2025 và 2030^[44] theo Quyết định số 555/QĐ-BNN-TT của Bộ NN&PTNT (nay là Bộ NN&MT) và Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam đến năm 2030^[45] theo Quyết định số 583/QĐ-TTg. Một số mục tiêu trọng tâm gồm đảm bảo an ninh lương thực, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái. Về mặt xã hội, mục tiêu đặt ra nhằm nâng cao thu nhập của nông dân và lợi ích cho người tiêu

dùng. Về mặt sản xuất, tập trung vào sản xuất chất lượng cao bao gồm giống lúa có tính chống chịu cao về biến đổi khí hậu, giảm tác động tiêu cực đến môi trường, phát triển thương hiệu gạo thân thiện môi trường. Về mặt thị trường, mục tiêu về hiệu quả chuỗi giá trị lúa gạo bao gồm “gắn thị trường xuất khẩu với sản xuất trong nước theo chuỗi giá trị”.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là 'vựa lúa' của cả nước, chiếm hơn 50% sản lượng và 90% xuất khẩu^[46] và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Tuy nhiên, khu vực này cũng là nơi phải đối mặt với những rủi ro về biến đổi khí hậu nghiêm trọng, như xâm nhập mặn, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất lúa, gạo^[47]. Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ đưa bốn chương trình ưu tiên về (i) nâng cao năng lực cho HTX, doanh nghiệp; (ii) tín dụng hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa HTX với các doanh nghiệp; (iii) hiện đại hoá hạ tầng sản xuất, và (iv) thí điểm chi trả các-bon dựa vào kết quả^[48].

[42] Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). V/v trả lời, giải quyết kiến nghị của cử tri gửi tới Quốc hội trước Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV. Truy cập tại:

https://dong.nmg.gov.vn/Document/865d8f7b-2d7e-7305-1c7c-694c4607350e/2025/11/24/Tr%E1%BA%A3%20l%E1%BB%9D%20c%E1%BB%AD%20tr%20-%20C%3%A2u%2086%20VB%208680_251124093351_24112025093451_signed_8a324ee6ac.pdf

[43] Ngân hàng Thế giới (2022) Hướng Tới Chuyển Đổi Nông nghiệp Xanh ở Việt Nam: Chuyển sang mô hình lúa gạo carbon thấp. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới. Truy cập: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/09973500422218115/pdf/P1744820915fc203f0910008de36865074b.pdf>

[44] Quyết định số 555/QĐ-BNN-TT, ký ngày 26/1/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về phê duyệt "Đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam đến năm 2025 và 2030". Xem thấy: <http://luatvietnam.vn/nong-nghiep/quoct-dinh-555-de-an-tai-co-cau-nganh-lua-gao-viet-nam-den-nam-2025-va-2030-197836-d1.html>

[45] Quyết định số 583/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030, ngày 26 tháng 5 năm 2023. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207963>

[46] Ngân hàng Thế giới (2019), Vietnam Agriculture Finance Diagnostic Report: Financial Inclusion Support Framework – Vietnam Country Support Program. Truy cập tại: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/884321587357455934/pdf/Vietnam-Agriculture-Finance-Diagnostic-Report-Financial-Inclusion-Support-Framework-Country-Support-Program.pdf>

[47] Doan, Quang Hong; Eckardt, Sebastian; Morisset, Jacques (2020) Việt Nam Nâng Đứng : Tạo Nền Tảng Cho Một Nền Kinh Tế Thu Nhập Cao - Các Nghiên Cứu Chuyên Đề (Vietnamese). Washington, D.C. : World Bank Group. <http://documents.worldbank.org/curated/en/099107006102230071>

Quyết định số 149/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Phát triển bền vững môi trường hóa chất chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" ngày 27 tháng 11 năm 2023. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/qaacid=27160&docid=209054>

[48] Quyết định số 1490/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Phát triển bền vững một triệu hecta cây chuyển canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" ngày 27 tháng 11 năm 2023. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/psaeid=27160&docId=209054>

3.3. Cà phê

Cà phê được xem là một trong những loại nông sản chủ lực có giá trị xuất khẩu cao của Việt Nam. Việt Nam được xếp hạng là quốc gia xuất khẩu cà phê đứng thứ 2 trên thế giới, chỉ sau Brazil và là nước sản xuất cà phê robusta lớn nhất thế giới^[49]. Tây Nguyên và Tây Bắc được xem là địa bàn trọng điểm trồng cây cà phê.

Cà phê là một trong sáu cây công nghiệp chủ lực được chú trọng phát triển trong Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực theo Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT của Bộ NN&PTNT (nay là Bộ NN&MT)^[50] với chỉ tiêu phát triển “diện tích cà phê sản xuất theo hướng hữu cơ đạt khoảng 2%, cà phê đặc sản khoảng 3%, diện tích cà phê đạt các tiêu chuẩn sản xuất (RA, 4C, Flo, C.A.F.E. Practices...) khoảng 35-40%...”. Phát triển cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc được nhấn mạnh trong Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực^[51], và Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050^[52]. Đề án tái canh cà phê giai đoạn 2021- 2025 thực hiện theo Quyết định 1178/QĐ-BNN-TT của Bộ NN&PTNT^[53] (nay là Bộ NN&MT) thúc đẩy phát triển ngành cà phê theo hướng bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của cà phê dựa vào tái canh, ghép cải tạo các vườn cà phê già cỗi thay bằng các giống cà phê mới cho năng suất cao và có khả năng chống chịu sâu bệnh (giảm thiểu sử dụng thuốc trừ sâu hóa học),

thích ứng với các điều kiện biến đổi khí hậu như khả năng chịu hạn vào mùa khô.

Cà phê là một trong những ngành hàng chủ lực của Việt Nam bị ảnh hưởng bởi Quy định của Liên minh Châu Âu về việc sản xuất và thương mại các sản phẩm hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng (EUDR)^[54]. Ngay sau khi Ủy ban châu Âu thông qua quy định này vào tháng 5 năm 2023, Bộ NN&PTNT (nay là Bộ NN&MT) đã ra văn bản số 5179/BNN-HTQT vào ngày 1 tháng 8 năm 2023^[55] gửi đến các địa phương về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với quy định không gây mất rừng EU. Theo đó, bộ đưa ra năm nhiệm vụ chính gồm (i) Xây dựng khung hợp tác công - tư trong thực hiện EUDR; (ii) Tuyên truyền, vận động; (iii) Các giải pháp kỹ thuật như cơ sở dữ liệu quốc gia về vùng trồng; (iv) Cơ chế đối thoại và đàm phán với EU và các quốc gia thành viên về EUDR; (v) Huy động nguồn lực tài chính, kỹ thuật trong và ngoài nước. Ngày 20/10/2025, Bộ NN&MT đã ban hành Quyết định số 4316/QĐ-BNNMT về việc kiện toàn "Nhóm Công tác chung điều phối các hành động thích ứng với EUDR" (JWG) với sự tham gia của nhiều ban ngành cấp trung ương và cấp tỉnh^[56].

[49] Tổ chức Lao động Thế giới (2024) Thúc đẩy chính thức hóa trong ngành cà phê Việt Nam. Quan điểm của người sử dụng lao động về hỗ trợ cho các nông hộ. Báo cáo tóm tắt. Xem tại: <https://www.ilo.org/sites/default/files/2024-08/Out%20book%202.%20chinh%20thuc%20hoat%20nghanh%20coffee%20vie%2014.8.pdf>

[50] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) (2024) Quyết định 431/QĐ-BNN-TT Phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (Gồm các cây: cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu, dừa). Truy cập tại: <https://www.mard.gov.vn/VanBan/Pages/431-qd-bnn-tt.aspx>

[51] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) (2024) Quyết định 431/QĐ-BNN-TT Phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (Gồm các cây: cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu, dừa). Truy cập tại: <https://www.mard.gov.vn/VanBan/Pages/431-qd-bnn-tt.aspx>

[52] Quyết định số 1748/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ngày 30 tháng 12 năm 2023. Truy cập tại: <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209347>

[53] Quyết định 1178/QĐ-BNN-TT của Bộ NN&PTNT# (nay là Bộ NN&MT) về phê duyệt đề án Phê duyệt Đề án tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025, ngày 31 tháng 3 năm 2022. Truy cập tại: [https://qppl.dienbien.gov.vn/qlvb/vbpq.nsf/3d0f058120469ad34725726600365420/32D5D9576F1E13B34725881700021FB1/\\$file/dongdau1498_31-03-2022-15-11-24_D%1%BB%B1%20th%1%BA%A3o%20Q%4%90%20C%4%90%1%BB%81%20C%3%A1n%20t%3%A1%20canh%20c%3%A0%20ph%3%AA%2025.%2003.pdf](https://qppl.dienbien.gov.vn/qlvb/vbpq.nsf/3d0f058120469ad34725726600365420/32D5D9576F1E13B34725881700021FB1/$file/dongdau1498_31-03-2022-15-11-24_D%1%BB%B1%20th%1%BA%A3o%20Q%4%90%20C%4%90%1%BB%81%20C%3%A1n%20t%3%A1%20canh%20c%3%A0%20ph%3%AA%2025.%2003.pdf)

[54] Văn bản số 5179/BNN-HTQT vào ngày 1 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) gửi đến các địa phương về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với quy định không gây mất rừng EU. Truy cập tại: [https://qppl.dienbien.gov.vn/qlvb/vbpq.nsf/3d0f058120469ad34725726600365420/ACFF023B57D6536247258A040003948F/\\$file/dongdau3375_01-08-2023-15-47-42_CV-g%1%BB%ADi-c%3%A1c-t%1%BB%89nh-EUDR-final.pdf](https://qppl.dienbien.gov.vn/qlvb/vbpq.nsf/3d0f058120469ad34725726600365420/ACFF023B57D6536247258A040003948F/$file/dongdau3375_01-08-2023-15-47-42_CV-g%1%BB%ADi-c%3%A1c-t%1%BB%89nh-EUDR-final.pdf)

[55] Văn bản số 5179/BNN-HTQT vào ngày 1 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) gửi đến các địa phương về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với quy định không gây mất rừng EU. Truy cập tại: [https://qppl.dienbien.gov.vn/qlvb/vbpq.nsf/3d0f058120469ad34725726600365420/ACFF023B57D6536247258A040003948F/\\$file/dongdau3375_01-08-2023-15-47-42_CV-g%1%BB%ADi-c%3%A1c-t%1%BB%89nh-EUDR-final.pdf](https://qppl.dienbien.gov.vn/qlvb/vbpq.nsf/3d0f058120469ad34725726600365420/ACFF023B57D6536247258A040003948F/$file/dongdau3375_01-08-2023-15-47-42_CV-g%1%BB%ADi-c%3%A1c-t%1%BB%89nh-EUDR-final.pdf)

[56] Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). Thích ứng với EUDR: Công nghệ viễn thám mở đường cho kỷ nguyên nông nghiệp minh bạch, bền vững của Việt Nam. Truy cập tại: <https://nrsd.mae.gov.vn/thich-ung-voi-eudr-cong-nghe-vien-tham-mo-duong-cho-ky-nguyen-nong-nghiep-minh-bach-ben-vung-cua-viet-nam-2711.htm>

3.4. Rau quả

Nhờ lợi thế ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, khí hậu nóng và ẩm nên Việt Nam rất đa dạng về chủng loại trái cây theo mùa hoặc các tháng trong năm.

Trái cây là 1 trong 3 ngành hàng sản xuất mạnh của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cũng là xu hướng chuyển đổi diện tích sản xuất của khu vực này. Đồng bằng sông Cửu Long là vựa trái cây lớn nhất cả nước chiếm khoảng 70% sản lượng trái cây của Việt Nam^[57]. Năm 2022, ĐBSCL có khoảng 390.000 ha diện tích cây ăn trái, chiếm tỷ lệ 33% diện tích cây ăn trái cả nước, với sản lượng hơn 4 triệu tấn/năm^[58]. Trái cây Việt Nam có nhiều thách thức trong chế biến, xuất khẩu, đặc biệt sang thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn cao như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản ... Hiện nay, diện tích sản xuất rau quả tại ĐBSCL theo tiêu chuẩn GlobalGAP chỉ khoảng 0,14% diện tích trồng trái cây của cả vùng ĐBSCL^[59].

Định hướng phát triển cây ăn trái theo Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm tăng nhanh các vùng tăng nhanh các vùng sản xuất an toàn được chứng nhận, cấp mã số vùng trồng, áp dụng khoa học -

công nghệ. Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực toàn quốc đến năm 2025, định hướng năm 2030 của Bộ NN&PTNT (nay là Bộ NN&MT) theo quyết định số 4085/QĐ-NN-TT nhằm phát triển bền vững cây ăn quả bao gồm tăng cường thực hành nông nghiệp tốt, tiết kiệm nước^[60]. Đồng thời, chuyển đổi lĩnh vực sản xuất cây ăn trái ở Vùng ĐBSCL theo hướng “Hợp tác - Liên kết - Thị trường - Giảm chi phí - Tăng chất lượng - Đa dạng hóa sản phẩm chế biến”^[61].

[57] Trọng Khang (2025). Trái cây Đồng bằng sông Cửu Long: Tiềm năng lớn, thách thức không nhỏ. Tạp chí điện tử Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam. Truy cập tại:

<https://nongnghiepuco.vn/trai-cay-dong-bang-song-cuu-long-tiem-nang-lon-thach-thuc-khong-nho-4401.html>

[58] An Hòa (2022). Xuất khẩu trái cây của vùng ĐBSCL còn khiêm tốn. Tạp chí điện tử Nhà đầu tư. Truy cập:

<https://nhadautu.vn/xuat-khau-trai-cay-cua-vung-dong-bang-song-cuu-long-con-khiem-ton-d72991.html#:~:text=Theo%20s%E1%BB%91%20li%E1%BB%87u%20t%E1%BB%AB%20C%E1%BB%A5c,%2C%20cam%2C%20b%C6%B0%E1%BB%9F>

[59] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2012). Đồng bằng sông Cửu Long thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất cây ăn trái. Cổng thông tin Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Truy cập:

<https://www.mard.gov.vn/Pages/dong-bang-song-cuu-long-thuc-hanh-nong-nghiep-tot-trong-san-xuat-cay-an-trai-16228.aspx#:~:text=%C4%90%E1%BA%BFn%20nay%2C%20to%C3%A0n%20v%C3%B9ng%20C4%90BSCl,s%E1%BA%A3n%20GAP%20chuy%C3%AAn%20bi%E1%BB%87t/>

[60] Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (nay là Bộ NN-MT) (2022) Quyết định số 4085/NĐ-NN-TT về Phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030 vào ngày 27/10/2022. Truy cập: <https://qpl.dienbien.gov.vn/qlvb/vbpq.nsf/3d0f058120469ad34725726600365420/d18e54ee249ee02e472588ea002a5643?OpenDocument>

[61] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), Tài liệu hỏi đáp Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, truy cập từ https://ispae.vn/vn/tlD10116_gioi-thieu-tai-lieu-hoi-dap-chien-luoc-phat-trien-nong-nghiep-va-nong-thon-ben-vung-20212030-tam-nhin-2050-ban-so-hoa.html

3.5. Thủy sản

Việt Nam là một quốc gia có thể mạnh đánh bắt và nuôi trồng thủy sản nhờ có một bờ biển dài và rộng, mạng lưới sông rạch, đầm phá nội địa lớn.

Năm 2024, tổng sản lượng thủy sản cả nước ước đạt 9,6 triệu tấn, tăng 2,4%; trong đó khai thác 3,86 triệu tấn, tăng 0,6% và nuôi trồng 5,75 triệu tấn, tăng 3,7%^[62]. Các vùng khai thác quan trọng nhất là ĐBSCL, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, chiếm khoảng 80% tổng sản lượng. Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận là các tỉnh khai thác thủy sản trọng điểm của miền Trung, trong khi đó Kiên Giang là tỉnh đánh bắt chính của khu vực ĐBSCL^[63].

Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 339/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm hướng tới phát triển ngành này bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế, đảm bảo thu nhập của 3,5 triệu người tương đương với thu nhập bình quân chung lao động cả nước^[64]. Về môi trường, chiến lược nhấn mạnh đến bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản, chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định; nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ngoài ra, chiến lược đề cập đến thu hút doanh nghiệp đầu tư và ứng dụng khoa học - công nghệ. Về xã hội, chiến lược đưa ra định hướng đảm bảo điều kiện sống và làm việc phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Áp dụng những tiêu chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP) để phát triển bền vững. Một số chương trình, đề án tập trung vào ngành thủy sản bền vững như chương trình quốc gia phát triển, khai thác thủy sản

hiệu quả, bền vững, đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản.

Việt Nam đang có những nỗ lực 'gỡ thẻ vàng' theo quy định của Ủy ban châu Âu về chống đánh bắt hải sản bất hợp pháp, không khai báo, và không theo quy định (IUU). Năm 2019, Thủ tướng đã ra quyết định số về thành lập ban chỉ đạo quốc gia về IUU^[65]. Năm 2024 Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động và Kế hoạch của Chính phủ triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và phát triển bền vững ngành thủy sản (Nghị quyết 52/NQ-CP). Một số giải pháp dài hạn bao gồm (i) Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật; (ii) Đầu tư nguồn lực, (iii) Ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng chuỗi sản xuất bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, thân thiện với môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, sinh kế bền vững; (iv) Tăng cường hợp tác quốc tế. Việc gỡ được 'thẻ vàng' IUU sẽ giúp doanh nghiệp giảm chi phí vì hàng xuất khẩu sang EU sẽ bị kiểm tra xác suất thay vì 100% như hiện tại.^[66]

Như vậy, cam kết chính trị của Việt Nam về nông nghiệp bền vững được thể hiện trong Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII ngày 16/6/2022 về "nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"^[67]. Theo đó, Nghị quyết đưa ra định hướng phát triển nông nghiệp – nông thôn theo hướng bền vững, hiện đại và gắn với thị trường.

[62] Người Nuôi Tôm (2025). Tổng quan kết quả sản xuất ngành thủy sản năm 2024. Truy cập từ <https://nguoinuoi.com.vn/tong-quan-ket-qua-san-xuat-nganh-thuy-san-nam-2024/>

[63] Cơ quan Thống kê Quốc gia (2025). Phát triển thủy sản theo hướng bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2016 – 2024. Truy cập tại <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/phet-trien-thuy-san-theo-huong-ben-vung-o-viet-nam-giai-doan-2016-2024/>

[64] Quyết định số 339/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2021). Phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ngày 11 tháng 3 năm 2021. Truy cập tại <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2021/03/339.signed.pdf>

[65] Thủ tướng Chính phủ (2019) Quyết định số 596/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Quốc gia về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, ngày 20/5/2019. Truy cập tại <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=197052>

[66] Đinh Thị Bích Liên (2022) Thủy sản Việt Nam và quá trình thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban châu Âu để tháo gỡ thẻ vàng IUU. Viện nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương. Truy cập: <https://viot.org.vn/vn/chien-luoc-chinh-sach/thuy-san-viet-nam-va-qua-trinh-thuc-hien-cac-khuyen-nghi-cua-uy-ban-chau-au-de-thao-go-the-vang-iuu-4843.4050.html>

[67] Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Truy cập tại: <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-19-nq-tw-ve-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-119220626164012907.htm>

Ở cấp độ chính sách, Chính phủ đã đưa ra những chiến lược, đề án ngành nông nghiệp nói chung và từng ngành hàng cụ thể, hướng tới bền vững. Phát triển nông nghiệp bền vững được nhìn nhận một cách toàn diện gồm bền vững về kinh tế, môi trường, xã hội với vai trò quan trọng của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nông nghiệp bền vững thể hiện trong các chính sách về nông nghiệp bền vững bao gồm các yếu tố trong khung ESG như:

- **Về môi trường:** bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, nguồn gốc sản phẩm qua mã số vùng trồng, phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên (nước, đất);
- **Về xã hội:** đảm bảo điều kiện sống và làm việc phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao thu nhập của nông dân, lợi ích cho người tiêu dùng, đảm bảo tính công bằng trong chuỗi giá trị;
- **Về quản trị:** quản trị theo chuỗi liên kết, chuỗi giá trị
- **Về canh tác bền vững:** sản xuất, canh tác theo hướng xanh, hữu cơ, tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, áp dụng khoa học - công nghệ; và
- **Áp dụng những tiêu chuẩn chứng nhận**

Để các tác nhân trong chuỗi giá trị hiện thực hóa nông nghiệp bền vững vào thực tế, một trong những cách tiếp cận là thực hành nông nghiệp theo khung ESG.



Nguồn ảnh: https://www.magnific.com/free-ai-image/view-woman-working-agricultural-sector-celebrate-labour-day-women_138704068.htm

CHƯƠNG 04

Khung Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) trong ngành nông nghiệp

- 4.1 Xu hướng khung ESG
- 4.2 Sáng kiến về khung ESG trong nông nghiệp
- 4.3 Hiểu biết và thực hành Khung ESG trong Nông nghiệp
- 4.4 Yếu tố tác động nhận thức và thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp

4.1. Xu hướng khung ESG

Cần nhắc đến rủi ro về môi trường và xã hội trong đầu tư không phải mới xuất hiện gần đây, tuy vậy, năm 2004, thuật ngữ 'ESG' lần đầu tiên được đặt ra trong báo cáo của Liên hợp quốc có tên "Ai quan tâm sẽ dành chiến thắng" (Who Cares Win)^[68]. Trong báo cáo, các định chế tài chính đã đưa ra những khuyến nghị về việc lồng ghép tốt hơn những yếu tố Môi trường, Xã hội, Quản trị vào trong phân tích, quản lý tài sản và môi giới chứng khoán. Sau đó, đến năm 2006, những nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm của Liên hợp quốc (UN-PRI) được xây dựng và đưa ra khung ESG^[69]. Trong những năm gần đây, không còn giới hạn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thuật ngữ ESG đã trở thành đề tài thảo luận rộng rãi, và được mở rộng đến những ngành khác, gồm ngành nông nghiệp.

Khung ESG được thể hiện như là một cách tiếp cận trong kinh doanh với ba yếu tố 'Con người' (People), 'Hành tinh' (Planet), và Lợi nhuận (Profit) như đề cập trong cách tiếp cận Triple Bottom Line của John Elkington (1994)^[70]. Theo đó, doanh nghiệp không chỉ tập trung vào lợi nhuận mà còn cân nhắc đến yếu tố môi trường và xã hội trong việc ra quyết định, vận hành, kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp chuyển đổi hành vi từ việc kinh doanh chỉ tập trung đến việc mang lại lợi ích cho cổ đông, mà còn cho những bên liên quan khác như người lao động, khách hàng, cộng đồng, chính phủ, nhà đầu tư và những nhà cung cấp trong chuỗi giá trị, dưới cách tiếp cận về các bên liên quan. Đây là cách tiếp cận có lồng ghép đến các yếu tố ESG trong quản trị rủi ro, mô hình kinh doanh, tạo tác động bền vững, đóng góp cho việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)^[71].

Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến những yếu tố môi trường, xã hội khi đưa ra quyết định mua sắm và đòi hỏi doanh nghiệp có những chính sách, hành động, mô hình kinh doanh mang tính bền vững đối với xã hội và môi trường. Tại Việt Nam, theo khảo sát "Nhận thức và hành vi tiêu dùng xanh 2024" do Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam thực hiện, 55% người tiêu dùng được hỏi đã chọn mua sản phẩm xanh căn cứ vào quy trình sản xuất bền vững, có nguồn gốc thiên nhiên, thân thiện môi trường; 59% người tiêu dùng cho biết họ sẽ gia tăng sử dụng sản phẩm xanh và tiêu dùng xanh trong thời gian tới^[72]. Đối với doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp, việc lồng ghép khung ESG trong ngành này mang lại những tác động tích cực đến tính bền vững, danh tiếng, lợi nhuận và khả năng cạnh tranh, cũng như thúc đẩy việc quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên^[73]. Đây được xem là cơ hội để doanh nghiệp giới thiệu và quảng bá thương hiệu bền vững, tăng tính cạnh tranh của nông sản Việt Nam ra thị trường quốc tế và có thể tiếp cận nguồn vốn tài chính bền vững.

Một số nghiên cứu (như của Filho và Oliveria, 2024; dos Santos & Riberio, 2024; Zeng & Jiang, 2023) chỉ ra rằng áp dụng các yếu tố ESG có lợi ích về tăng trưởng, hiệu quả về tài chính các doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp cho các doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp. Nghiên cứu về mối liên hệ giữa việc đầu tư có chiến lược về ESG với hiệu quả tài chính của doanh nghiệp nông nghiệp có trụ sở tại châu Âu cho thấy thực hiện các chính sách, chiến

[68] The Global Compact (2004). Who Cares Wins. Truy cập tại: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/280911488968799581/pdf/113237-WP-WhoCaresWins-2004.pdf>

[69] Filho, E. S. de C., & Oliveira, E. C. de. (2024). ESG and agribusiness: A possible combination?. Seven Editora. <https://sevenpubl.com.br/editora/article/view/3362>

[70] Elkington, J. (1994). Enter the Triple Bottom Line. Xem tại <https://www.johnelkington.com/archive/TBL-elkington-chapter.pdf>

[71] dos Santos, J. P., & Ribeiro, L. S. (2024). SUSTENTABILIDADE NO AGRONEGÓCIO: REVISÃO SISTEMÁTICA DAS PRÁTICAS ESG. Revista Sistemática, 14(6), 1366-1378. <https://doi.org/10.56238/rcsv14n6-001>

[1] John Elkington (1994). Enter the Triple Bottom Line. Xem tại <https://www.johnelkington.com/archive/TBL-elkington-chapter.pdf>

[72] Văn Nguyễn (2024). Giá cao vẫn là rào cản lớn đối với sản phẩm xanh. VN Economy. Truy cập tại: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/27858-gia-cao-van-la-rao-can-lon-voi-san-pham-xanh>

[73] Filho, E. S. de C., & Oliveira, E. C. de. (2024). ESG and agribusiness: A possible combination?. Seven Editora. <https://sevenpubl.com.br/editora/article/view/3362>

lược về bền vững mang lại lợi ích cho doanh nghiệp nông nghiệp. Những chính sách, chiến lược này về sử dụng nguồn nước có hiệu quả, thu nhập thỏa đáng cho người lao động, đánh giá lại hệ thống quản trị, sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường. Cụ thể, các chủ đề thuộc yếu tố Môi trường (E) như chính sách giảm hoá chất độc hại, tái chế chất thải, giảm tác hại đến đa dạng sinh học và các sản phẩm có thiết kế thân thiện với môi trường có tác động mạnh mẽ đến kết quả tài chính của những doanh nghiệp này. Trong khi đó, các yếu tố về thu nhập của người lao động như tiền lương thuộc yếu tố xã hội (S) chỉ có ảnh hưởng đến mức lợi tức thu được của cổ đông. Trong khi đó, các yếu tố thuộc yếu tố Quản trị (G) gồm thu nhập của lãnh đạo cấp cao, cơ cấu ban quản trị, sự đa dạng về giới của các thành viên thuộc hội đồng quản trị có tác động đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp^[74]. Nghiên cứu của Zeng và Jiang chỉ ra yếu tố Xã hội và Quản trị giúp thúc đẩy sự tăng trưởng của doanh nghiệp trong ngành nông, lâm nghiệp^[75].

Các chủ đề thuộc khung ESG bao gồm, nhưng không giới hạn^[76]:

- **Môi trường:** Quản lý, bảo vệ, sử dụng, nguồn tài nguyên hiệu quả; Quản lý chất thải; nước thải; Bảo vệ rừng; Giảm phát thải khí nhà kính; Đa dạng sinh học; Thích ứng và ứng phó với Biến đổi khí hậu; Sử dụng thuốc trừ sâu;

- **Xã hội:** Điều kiện lao động, quan hệ với cộng đồng và các bên liên quan; Quyền con người; Quyền lao động (như không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức);
- **Quản trị:** Phòng, chống tham nhũng; Trách nhiệm giải trình và minh bạch của doanh nghiệp; Chính sách và chiến lược về ESG; Truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng.

Ngoài ra, thực hành canh tác bền vững theo khung ESG trong ngành nông nghiệp, bao gồm áp dụng công nghệ trong nông nghiệp chính xác, nông nghiệp trong môi trường được kiểm soát (CEA), cải tạo giống cây trồng, công nghệ sinh học nông nghiệp, đổi mới về đóng gói, giảm lãng phí thực phẩm, thực hành nông nghiệp tái sinh nhằm mục đích tăng năng suất, giảm tác động tiêu cực đến môi trường và tối ưu hoá việc sử dụng nguồn tài nguyên^[77].

[74] Cristea, M., Noja, G. G., Drăcea, R. M., Iacobuță-Mihăiță, A.-O., & Dorożyński, T. (2024). ESG investment strategies and the financial performance of European agricultural companies: a new modelling approach. *Journal of Business Economics and Management*, 25(6), 1283–1307. Truy cập tại: <https://doi.org/10.3846/jbem.2024.23010>

[75] Zeng L, Jiang X. (2023) ESG and corporate performance: Evidence from agriculture and forestry listed companies. *Sustainability* 2023; 15(8): 6723. doi: 10.3390/su15086723

[76] Shockley, J. (2024). Understanding ESG and Its Impact on Agriculture. *Economic and Policy Update* (24):9, Department of Agricultural Economics, University of Kentucky, September 27, 2024. Và GRI (2022) GRI 13: Agriculture, Aquaculture and Fishing Sectors 2022. Truy cập tại:

<https://www.globalreporting.org/standards/standards-development/sector-standard-for-agriculture-aquaculture-and-fishing-gri-13/>

[77] Yap, C., & Leow, C. (2023). Environment, social and governance in sustainable agricultural practices in developing countries: A short note. *Sustainable Social Development*, 1(3), 2337. doi:<http://dx.doi.org/10.54517/ssd.v1i3.2337>

4.2. Sáng kiến về khung ESG trong nông nghiệp

Một số sáng kiến về ESG mang tính chất tự nguyện mà các doanh nghiệp tham gia như sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI) tập trung vào báo cáo bền vững theo các yếu tố ESG, những chứng nhận sản xuất nông nghiệp bền vững như Rainforest Alliance, 4C, GlobalGAP.

Hệ thống báo cáo bền vững GRI được doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới để công bố thông tin về tác động môi trường, xã hội và kinh tế. Bên cạnh những tiêu chuẩn mang tính phổ quát để báo cáo như GRI 1, GRI 2, GRI 3, doanh nghiệp và tổ chức trong ngành nông nghiệp sử dụng tiêu chuẩn GRI 13 cho những chủ đề về kinh tế, môi trường, con người bao gồm quyền con người trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. GRI 13 nhìn nhận các hoạt động trong ngành nông nghiệp bao gồm sản xuất, chế biến, thu mua, lưu trữ, vận tải, kinh doanh, thương mại. GRI 13 gồm 26 chủ đề thuộc ESG như phát thải, đa dạng sinh học, cộng đồng địa phương, quyền lao động, truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng^[78].

Hệ thống chứng nhận quốc tế (như Global G.A.P, Rainforest Alliance, 4C) và trong nước như VietGAP có vai trò thúc đẩy sản xuất và chuỗi cung ứng nông nghiệp theo hướng bền vững và có trách nhiệm. Những chứng nhận này thường được thực hiện ở cấp độ sản xuất - quá trình canh tác, doanh nghiệp trong chuỗi ngành hàng và thường được yêu cầu ở một số thị trường nhập khẩu. Nhìn chung, những tiêu chuẩn theo những chứng nhận này tập trung vào yếu tố kinh tế, môi trường, xã hội và quản trị trong chuỗi tùy thuộc vào ngành hàng. Truy xuất nguồn gốc cũng đặc biệt được chú trọng trong những chứng nhận này.

Yếu tố xã hội gồm các chủ đề như phúc lợi và sức khỏe người lao động, cộng đồng, quyền con người, điều kiện làm việc.

Yếu tố môi trường gồm các chủ đề về quản lý đa dạng sinh học và môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiêu thụ năng lượng, quản lý nước, quản lý chất thải, chất lượng đất, quản lý sâu bệnh, quản lý thuốc bảo vệ thực vật, kiểm soát đầu vào sản xuất, cũng như các hoạt động thu hoạch và sau thu hoạch.

Yếu tố quản trị gồm các chủ đề như quản trị rủi ro, chia sẻ trách nhiệm. Yếu tố về canh tác bền vững gồm chất lượng đất, quản lý sâu bệnh, quản lý thuốc bảo vệ thực vật, kiểm soát đầu vào sản xuất, cũng như các hoạt động thu hoạch và sau thu hoạch.

Trong những năm gần đây, xu hướng áp dụng khung ESG không còn mang tính tự nguyện mà đã dần mang tính bắt buộc trước kia, các tiêu chuẩn môi trường về môi trường và xã hội thường được các doanh nghiệp tuân thủ chủ yếu theo các quy định, chính sách pháp luật chuyên biệt về môi trường và xã hội như Luật Bảo vệ môi trường, Luật Lao động. Giờ đây, các chính sách về bền vững, về ESG đối với doanh nghiệp đã có những quy định hệ thống hơn, thậm chí áp dụng cho chuỗi giá trị. Tại Việt Nam, những doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán thực hiện báo cáo ESG theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán^[79].

Là một thị trường nhập khẩu quan trọng và đầy tiềm năng đối với hàng nông sản của Việt Nam, trong những năm gần đây, Ủy ban châu Âu ban hành những quy định về ESG áp dụng trong chuỗi giá trị như Chỉ thị về Thẩm định Phù hợp về Tính bền vững

[78] GRI (2022) GRI 13: Agriculture, Aquaculture and Fishing Sectors 2022. Truy cập tại:

<https://www.globalreporting.org/standards/standards-development/sector-standard-for-agriculture-aquaculture-and-fishing-gri-13/>

[79] Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=201902>

của Doanh nghiệp (Corporate Sustainability Due Diligence and amending Directive – CS3D) và Quy định Báo cáo bền vững của doanh nghiệp (CSRD) và Quy định chống phá rừng (EUDR). Những quy định này nhằm thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm của các công ty cũng như trong toàn bộ chuỗi giá trị toàn cầu của họ. Các quy định này đảm bảo rằng các doanh nghiệp xác định và giải quyết các ảnh hưởng đến cộng đồng và môi trường do hoạt động của họ gây ra, cả trong và ngoài khu vực châu Âu. Chính vì vậy, có tác động điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp nhập khẩu vào thị trường châu Âu và tại các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất khẩu nằm trong chuỗi giá trị. Các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản tại Việt Nam sang châu Âu chịu ảnh hưởng bởi những chính sách này.

Quy định về không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) được Ủy ban Châu Âu – EC thông qua 16/5/2023 có hiệu lực ngày 29/6/2023 nhằm giảm thiểu sự đóng góp của EU vào nạn phá rừng và suy thoái rừng. Theo đó, các hàng hóa nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường EU phải đáp ứng các điều kiện (i) không gây ra mất rừng và suy thoái rừng kể từ ngày 31/12/2020 và (ii) được sản xuất một cách hợp pháp theo quy định hiện hành tại quốc gia sản xuất, bao gồm các yếu tố về con người, quyền lao động cũng như sự tự nguyện và đồng thuận trước (FPIC)... (iii) được khai báo bằng tuyên bố trách nhiệm giải trình (DDS), và (iv) nghĩa vụ duy trì hậu kiểm (lưu trữ hồ sơ ít nhất 5 năm và sẵn sàng cho kiểm tra hậu kiểm). Bằng chứng về việc không phá rừng được thể hiện bằng các điểm: (i) Không canh tác, sản xuất trên đất rừng bị chặt phá hoặc chuyển đổi từ đất rừng sang đất nông nghiệp, đất nông lâm kết hợp kể từ sau ngày 31/12/2020; và (ii) Đối với đất trồng trọt có diện tích nhỏ hơn 4ha cần xác định tọa độ điểm, và xác định tọa độ đa điểm (polygon) đối với diện tích canh tác lớn hơn 4ha. Việt Nam có 3/7 ngành hàng xuất khẩu chủ lực

chịu tác động của EUDR gồm cà phê, gỗ và cao su. Thời điểm áp dụng EUDR đối với các doanh nghiệp lớn và vừa từ 30/12/2026, và cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là 30/6/2027^[80].

Báo cáo bền vững của doanh nghiệp (CSRD): Quy định này (chỉ thị số 2022/2464) của châu Âu vào năm 2022^[81], nằm trong Thỏa thuận Xanh châu Âu, yêu cầu các doanh nghiệp lớn niêm yết, tổ chức tài chính công bố thông tin về rủi ro và cơ hội liên quan đến yếu tố môi trường và xã hội tác động đến doanh nghiệp và những tác động trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đối với con người và môi trường. Nhóm doanh nghiệp lớn châu Âu và ngoài Châu Âu thực hiện báo cáo bền vững cho năm tài chính 2027 (công bố năm 2028^[82]). Những thông tin phi tài chính được công bố này giúp cho những nhà đầu tư, các tổ chức xã hội, người tiêu dùng và các bên liên quan khác đánh giá về hoạt động bền vững của doanh nghiệp. Nội dung báo cáo gồm thông tin về các yếu tố Môi trường, Xã hội, và Quản trị tuân theo tiêu chuẩn Báo cáo bền vững châu Âu (ESRS)^[83]. Đây là những thông tin về tác động, rủi ro và cơ hội không chỉ trong hoạt động riêng của doanh nghiệp mà còn cả mối quan hệ kinh doanh trong chuỗi giá trị (trên và dưới), không giới hạn chỉ là mối quan hệ kinh doanh theo hợp đồng^[84]. Những doanh nghiệp gồm cả doanh nghiệp xuất khẩu, HTX, nông hộ có mối quan hệ kinh doanh với những doanh nghiệp lớn thực hiện báo cáo bền vững là nhóm chịu tác động gián tiếp của quy định này thông qua việc cung cấp dữ liệu cho bên chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo. Áp dụng công nghệ và hỗ trợ nông hộ, HTX chuyển đổi sang canh tác nông nghiệp bền vững sẽ giúp cho các doanh nghiệp tuân thủ quy định này^[85].

[80] Hội đồng Liên minh châu Âu (2025). EU deforestation law: Council and Parliament reach a deal on targeted revision. Truy cập tại:

<https://www.consilium.europa.eu/en/press/press-releases/2025/12/04/eu-deforestation-law-council-and-parliament-reach-a-deal-on-targeted-revision/>

[81] Chỉ thị (EU) 2022/2464 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng châu Âu ngày 14 tháng 12 năm 2022 sửa đổi Quy định (EU) số 537/2014, Chỉ thị 2004/109/EC, Chỉ thị 2006/43/EC và Chỉ thị 2013/34/EU, liên quan đến báo cáo bền vững của doanh nghiệp <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32022L2464>

[82] Ủy ban châu Âu (2025) Báo cáo bền vững của doanh nghiệp. Truy cập tại: https://www.europarl.europa.eu/doceo/document/TA-10-2025-0324_EN.pdf và

https://finance.ec.europa.eu/capital-markets-union-and-financial-markets/company-reporting-and-auditing/company-reporting/corporate-sustainability-reporting_en và

https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_25_614 và

<https://www.europarl.europa.eu/news/en/press-room/20251211IPR32164/simplified-sustainability-reporting-and-due-diligence-rules-for-businesses>

[83] Những tiêu chuẩn này được Ủy ban châu Âu phê duyệt vào 31/7/2023. Truy cập tại https://eur-lex.europa.eu/eli/reg_del/2023/2772/oj/eng. Tuy vậy, ESRS đang được đề xuất đơn giản hoá để giảm gánh

nặng báo cáo cho doanh nghiệp. Xem thêm tại: <https://www.efrag.org/en/draft-simplified-esrs>

[84] EFRAG (2024) EFRAG IG 2: Value Chain Implementation Guidance. Truy cập tại: https://www.efrag.org/sites/default/files/sites/webpublishing/SiteAssets/EFRAG%20IG%202%20Value%20Chain_final.pdf

[85] ACCLYM (2024) CSRD and the food value chain. Truy cập tại: <https://resources.acclym.com/hubfs/whitepaper/acclym-csrd-white-paper.pdf>

Thẩm định tính bền vững của doanh nghiệp (CS3D): Năm 2024, EU đã ban hành Quy định về thẩm định tính bền vững của doanh nghiệp (Chỉ thị 2024/1760)^[86] nhằm “thúc đẩy hành vi của doanh nghiệp theo hướng bền vững và có trách nhiệm trong hoạt động của các công ty cũng như trong toàn bộ chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp”. Quy định này yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm thẩm tra của doanh nghiệp bằng việc xác định và giải quyết những tác động tiêu cực về môi trường và quyền con người trong hoạt động của doanh nghiệp, các bên

trong chuỗi giá trị và đối tác kinh doanh trong và ngoài khu vực châu Âu. Quy định này áp dụng đối với doanh nghiệp lớn của châu Âu và ngoài châu Âu này vào tháng 7/2029. Quy định này không áp dụng cho nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa của châu Âu^[87].

Thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp vì vậy không chỉ là một định hướng tự nguyện về phát triển bền vững mà đang từng bước trở thành điều kiện để duy trì và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường đối với nhiều ngành hàng nông sản chủ lực của quốc gia.

4.3. Hiểu biết và thực hành khung ESG trong nông nghiệp

Canh tác bền vững theo ESF	Áp dụng công nghệ trong nông nghiệp chính xác, nông nghiệp trong môi trường được kiểm soát (CEA), cải tạo giống cây trồng, công nghệ sinh học nông nghiệp, đổi mới về đóng gói, giảm lãng phí thực phẩm, thực hành nông nghiệp tái sinh nhằm mục đích tăng năng suất, giảm tác động tiêu cực đến môi trường và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn tài nguyên.
Yếu tố Môi trường (E)	- Sử dụng đúng các chất bảo vệ thực vật, phân bón hoá học trong quá trình canh tác - Xử lý đúng bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoá học - Bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước - Xử lý chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường - Bảo vệ nguồn đất, chất lượng đất - Không lấn chiếm đất rừng để mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp - Quan trắc môi trường định kỳ - Kiểm kê khí nhà kính
Yếu tố Xã hội (S)	- Không sử dụng lao động trẻ em - Không sử dụng lao động cưỡng bức - An sinh xã hội cho người lao động
Yếu tố Quản trị (G)	- Nhật ký hoặc lưu trữ hồ sơ về quá trình canh tác (như thời gian, cách thức sử dụng nguyên liệu, vật tư) - Đánh giá rủi ro ESG trong hoạt động của đơn vị và với nhà cung cấp

Hộp 2: Khung ESG trong ngành nông nghiệp

[86] Directive (EU) 2024/1760 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 on corporate sustainability due diligence and amending Directive (EU) 2019/1937 and Regulation (EU) 2023/2859. Truy cập tại: <https://eur-lex.europa.eu/eli/dir/2024/1760/oj>

[87] European Parliament (2025). Press release: Simplified sustainability reporting and due diligence rule for businesses. Truy cập tại: https://commission.europa.eu/business-economy-euro/doing-business-eu/sustainability-due-diligence-responsible-business/corporate-sustainability-due-diligence_en và https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_25_2981

4.3.1. Hiểu biết và thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp

Hiểu biết về thực hành nông nghiệp khung ESG (n=97)



Thực hành nông nghiệp khung ESG (n=97)



Hình 5: Hiểu biết và thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp

Canh tác nông nghiệp bền vững có mức độ hiểu biết (58%) cao hơn thực hành (47%)

Yếu tố Môi trường (E) có mức độ hiểu biết cao hơn thực hành:

- **85%** đơn vị đã nghe nói đến ít nhất một chủ đề thuộc yếu tố Môi trường (E).
- **76%** đơn vị đã thực hành ít nhất một chủ đề thuộc yếu tố Môi trường (E).

Yếu tố Xã hội (S) có mức độ thực hành cao hơn hiểu biết:

- **72%** đơn vị đã nghe nói đến ít nhất một chủ đề thuộc yếu tố Xã hội (S).
- **80%** đơn vị đã thực hành ít nhất một chủ đề thuộc yếu tố Xã hội (S).

Yếu tố Quản trị (G) có mức độ hiểu biết cao hơn thực hành:

- **55%** đơn vị đã nghe nói đến ít nhất một chủ đề thuộc yếu tố Quản trị (G).
- **36%** đơn vị đã thực hành ít nhất một chủ đề thuộc yếu tố Quản trị (G).

Các đơn vị có hiểu biết và thực hành về yếu tố G thấp hơn so với các yếu tố E và yếu tố S, cho thấy năng lực quản trị còn hạn chế của các đơn vị tham gia khảo sát, đặc biệt là của HTX và MSMEs.

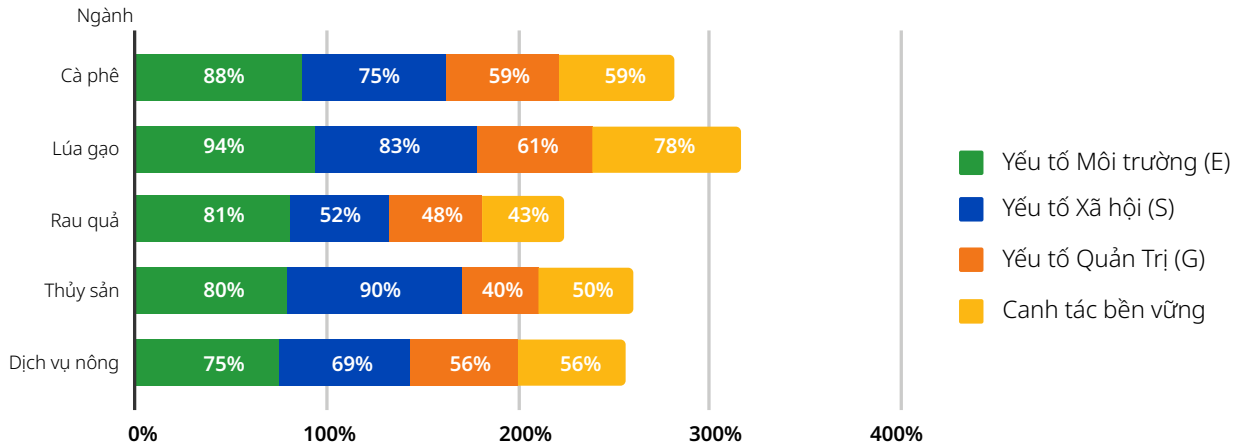
Mức độ hiểu biết về yếu tố E cao nhất, hơn yếu tố S và G thể hiện mức độ tiếp cận thông tin về lĩnh vực môi trường được ưu tiên hơn, đặc biệt trong nhóm HTX và MSMEs. Nhiều chương trình, dự án tăng cường năng lực về sản xuất và thương mại bền vững gắn với bảo vệ môi trường thường dành cho nông hộ, HTX, doanh nghiệp thương mại.

Đặc biệt, với một số doanh nghiệp, HTX sản xuất và thương mại ngành hàng cà phê có tham gia chứng nhận 4C, RA thì thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn về sản xuất bền vững bao gồm nội dung như tuân thủ quy định môi trường, xã hội: không trồng lấn đất rừng, sử dụng đúng và hiệu quả phân bón hay không sử dụng thuốc cấm, không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức^[88].

[88] Theo nội dung phỏng vấn sâu PVS-DN02

Theo ngành hàng

Hiểu biết về khung ESG, theo ngành (n=97)

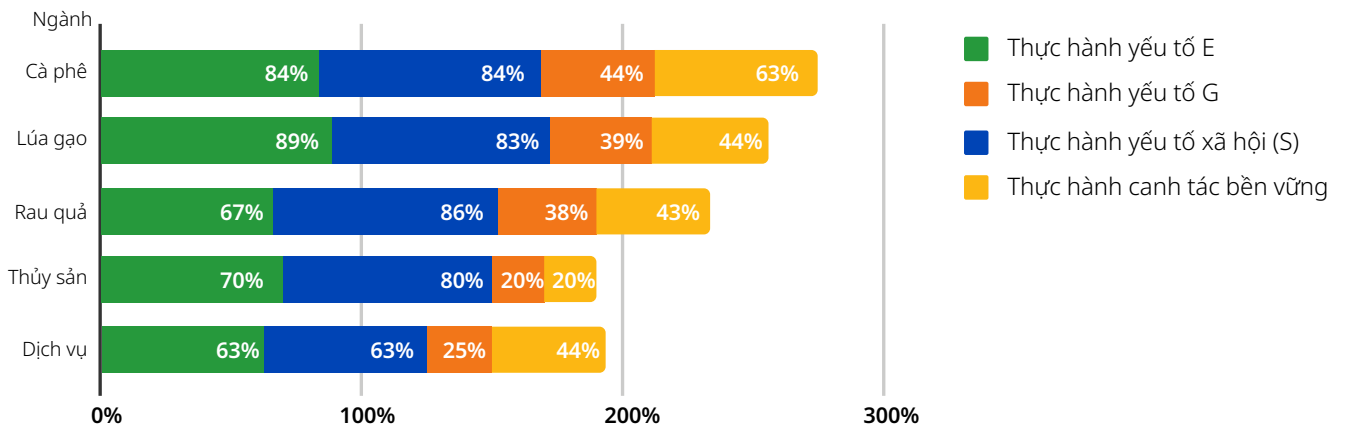


Hình 6: Hiểu biết về khung ESG, theo ngành

Như hình 6 cho thấy:

Các đơn vị trong ngành lúa gạo có hiểu biết cao nhất về yếu tố E (94%), yếu tố G (61%) và canh tác bền vững (78%). Điều này cho thấy những chiến lược và chính sách gần đây về phát triển bền vững ngành lúa gạo đã có những tác động trong nhận thức ở mức độ nhất định.

Các đơn vị trong ngành thủy sản có hiểu biết cao nhất về yếu tố S (90%).



Hình 7: Thực hành về khung ESG, theo ngành

Như hình 7 cho thấy:

Thực hành yếu tố E cao nhất (89%) ở các đơn vị trong ngành lúa gạo.

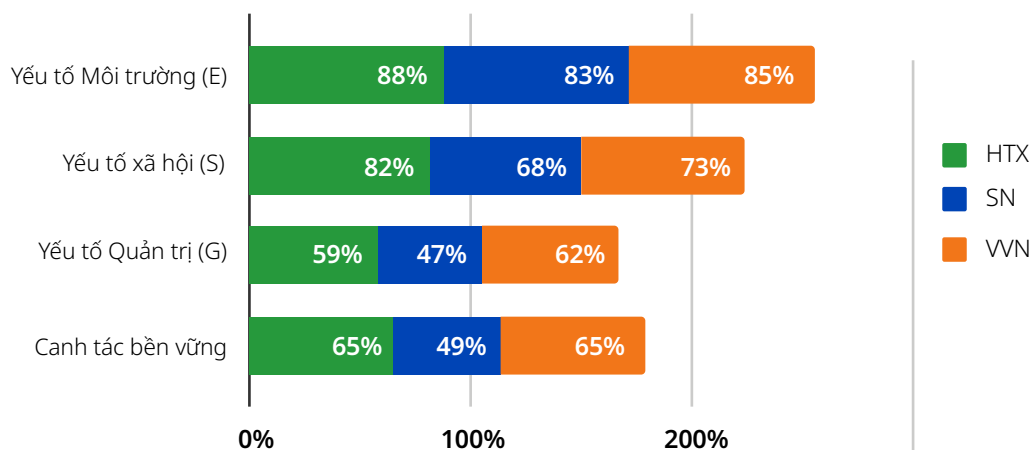
Thực hành yếu tố S cao nhất (86%) ở các đơn vị trong ngành rau quả.

Thực hành yếu tố G cao nhất (44%) và thực hành canh tác bền vững cao nhất (63%) ở các đơn vị trong ngành cà phê.

Một số doanh nghiệp và HTX tham gia chứng nhận quốc tế về canh tác bền vững, do vậy, đã thực hành canh tác bền vững và một số chủ đề về G như nhật ký nông hộ.

Theo loại hình đơn vị HTX, doanh nghiệp siêu nhỏ (DNSN), doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN)

Hiểu biết về khung ESG, theo loại hình



Hình 8: Hiểu biết về khung ESG, theo loại hình

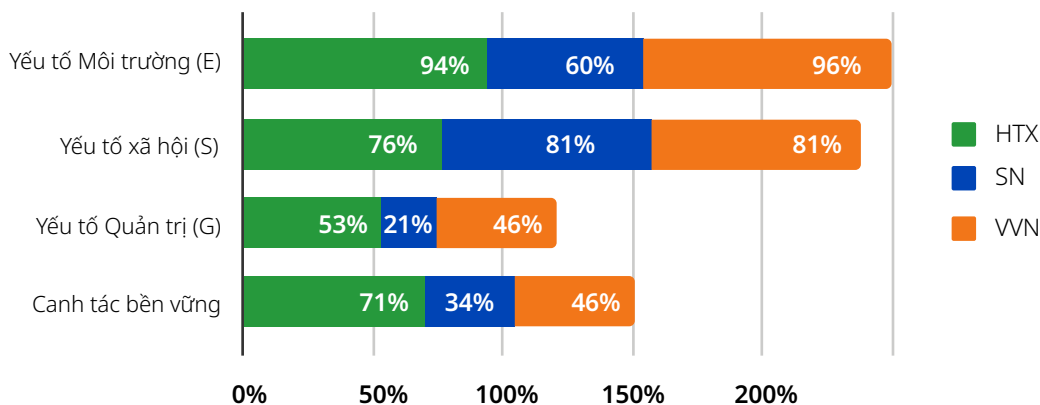
Như hình 8 cho thấy:

HTX có hiểu biết cao nhất về yếu tố E (88%), yếu tố S (61%).

HTX và DNVVN có hiểu biết cao nhất về Canh tác bền vững (65%).

DNVVN có hiểu biết cao nhất về yếu tố G (62%).

Hiểu biết về khung ESG, theo loại hình



Hình 9: Thực hành khung ESG, theo loại hình

- HTX có thực hành canh tác bền vững (71%) và yếu tố G cao nhất (53%).
- DNSN và DNVVN có thực hành yếu tố S cao nhất (81%).
- DNVVN có thực hành yếu tố E cao nhất (96%).
- HTX và DNVVN có mức độ thực hành yếu tố E (94% và 96%) cao hơn mức độ hiểu biết (88% và 85%).
- HTX có mức độ thực hành canh tác bền vững cao hơn mức hiểu biết (71% so với 65%).
- MSMEs có mức độ thực hành yếu tố S cao hơn mức độ hiểu biết (81% so với 68%).
- HTX và MSMEs có mức độ thực hành về yếu tố G thấp hơn so với hiểu biết.

Tỷ lệ các HTX, MSMEs có mức độ thực hành về một số chủ đề thuộc yếu tố E, yếu tố S cao hơn so với mức độ hiểu biết cho thấy thực tế trong sản xuất và thương mại nhiều HTX và doanh nghiệp đã thực hành một phần hoặc toàn phần nông nghiệp bền vững nhưng chưa nhận diện hoạt động của mình theo khung ESG. Một phần là do những đơn vị này chưa được tiếp cận/truyền thông đầy đủ về định nghĩa cũng như kiến thức hoặc có khoảng cách giữa nội dung và ngôn ngữ, định nghĩa mang tính học thuật với việc áp dụng thực tế trong đời sống sản xuất. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp và HTX (54%) đã tham gia chứng nhận nông nghiệp trong nước và quốc tế như chứng nhận về canh tác bền vững để có thể bán sản phẩm với giá cao hơn.

Những đơn vị này đã và đang tuân thực hành các yếu tố của nông nghiệp bền vững. Điều này cũng giải thích tại sao việc thực hành các chủ đề khung ESG cao hơn mức độ hiểu biết như đã đề cập ở trên. Ví dụ, một doanh nghiệp cà phê đã thực hành về kinh tế tuần hoàn bằng việc sử dụng những phế phẩm trong quá trình chế biến để sản xuất ống hút, thìa dùng một lần, không sử dụng nhựa. Nhưng chỉ đến khi được chia sẻ về kinh tế tuần hoàn thì doanh nghiệp đó mới nhận diện được các thực hành của đơn vị thuộc về chủ đề này^[89]. Ngoài ra, mức độ thực hành yếu tố E, S cao hơn yếu tố G cho thấy phần lớn HTX và doanh nghiệp thực hành khung ESG như một “xu hướng thời vụ” hoặc hoạt động theo truyền thông, chưa gắn kết chặt chẽ với chiến lược cốt lõi hay định hướng dài hạn.

4.3.2. Hiểu biết và thực hành các chủ đề của yếu tố Môi trường (E)

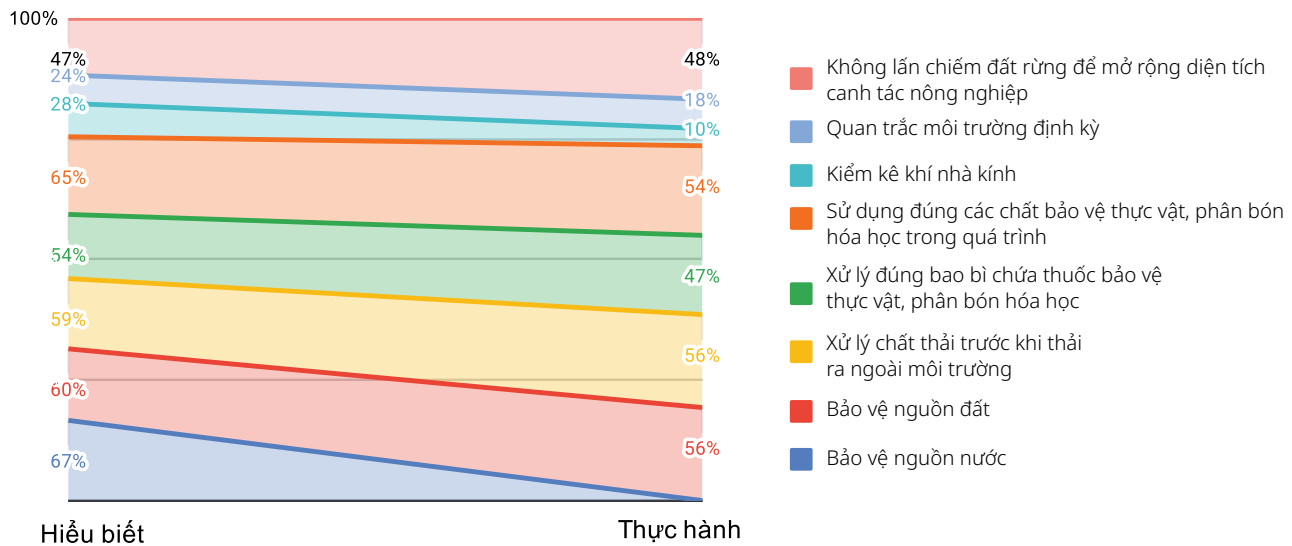
Yếu tố	Chủ đề cụ thể
Yếu tố Môi trường (E)	- Sử dụng đúng các chất bảo vệ thực vật, phân bón hoá học trong quá trình canh tác - Xử lý đúng bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoá học - Bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước - Xử lý chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường - Bảo vệ nguồn đất, chất lượng đất - Không lấn chiếm đất rừng để mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp - Quan trắc môi trường định kỳ - Kiểm kê khí nhà kính

Hộp 3: Những chủ đề thuộc yếu tố môi trường (E) trong khảo sát

7/8 chủ đề thuộc yếu tố E có mức độ hiểu biết cao hơn mức độ thực hành, tuy nhiên, ở các mức độ không đồng đều. Chỉ có duy nhất 1 chủ đề có mức độ thực hành cao hơn mức hiểu biết, nhưng không đáng kể.

[89] Phỏng vấn sâu - PVS-DN01

Hiểu biết và thực hành các chủ đề thuộc E (n=97)



Hình 10: Hiểu biết và thực hành các chủ đề thuộc E

Chủ đề Không lấn chiếm đất rừng để mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp được các đơn vị thực hành (48%) cao hơn mức độ hiểu biết (47%) nhưng không đáng kể, như hình 10. Bên cạnh những chính sách bảo vệ rừng đã có, các tác nhân tham gia trong chuỗi sản xuất thương mại ngành hàng cà phê quan tâm hơn khi quy định EUDR được ban hành, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường châu Âu. Có 78,1% các đơn vị trong ngành cà phê đang thực hành canh tác nông nghiệp trên đất không lấn chiếm rừng.

Các chủ đề còn lại đều có mức độ hiểu biết cao hơn mức độ thực hành, tuy nhiên, ở các mức độ không đồng đều.

- Bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước: được nhiều đơn vị biết đến nhất (67%), tuy vậy, trong thực hành, chưa có đơn vị nào thực hành (0%). Đây là điều đáng lưu ý và đặt ra câu hỏi về tính thực tiễn của những nội dung được truyền thông, thông tin đến các đơn vị hay những rào cản cho việc thực hành;
- Bảo vệ đất, chất lượng đất: 60% đơn vị biết đến và 56% đơn vị thực hành;
- Xử lý chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường: 59% đơn vị biết đến và 56% đơn vị thực hành;

- Xử lý đúng bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoá học: 54% đơn vị biết đến và 47% đơn vị thực hành;
- Sử dụng đúng các chất bảo vệ thực vật, phân bón trong canh tác ở mức: 65% đơn vị biết đến và 54% đơn vị thực hành;
- Quan trắc môi trường định kỳ: 24% đơn vị biết đến và 18% đơn vị thực hành;
- Kiểm kê khí nhà kính: 28% đơn vị biết đến và 10% đơn vị thực hành.

Hai chủ đề về Quan trắc môi trường định kỳ và Kiểm kê khí nhà kính ít được biết đến và được thực hành do đặc thù những đơn vị tham gia khảo sát là HTX, doanh nghiệp MSMEs với năng lực quản trị còn hạn chế.

Những chủ đề còn lại thường được tập huấn cho nhóm nông hộ, HTX, MSMEs trong các chương trình tuyên truyền của cơ quan khuyến nông, hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ.

Hai chủ đề về Sử dụng đúng các chất bảo vệ thực vật, phân bón trong canh tác thường và Xử lý đúng bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoá học thường được các đơn vị thực hành cùng nhau. Điều này cho thấy hai chủ đề này thường được đề cập trong quá trình truyền thông, nâng cao năng lực và thực tế thực hiện.

4.3.3. Hiểu biết và thực hành các chủ đề của yếu tố Xã hội (S)

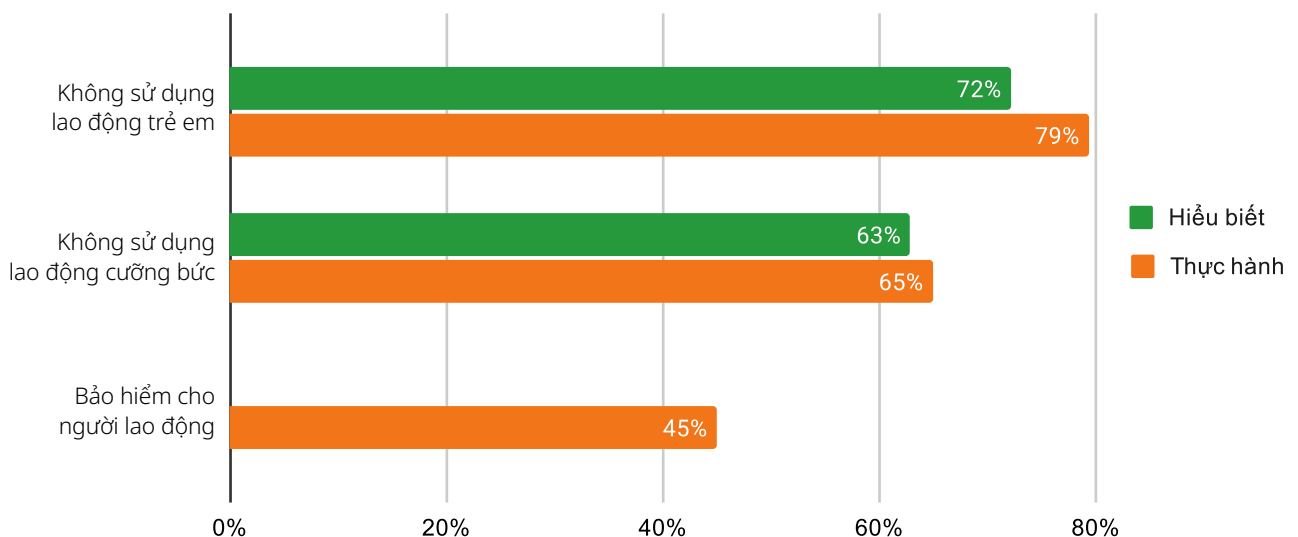
Yếu tố	Chủ đề cụ thể
Yếu tố Xã hội (S)	- Không sử dụng lao động trẻ em - Không sử dụng lao động cưỡng bức - Bảo hiểm cho người lao động (bổ sung vào phần thực hành)

Hộp 4: Chủ đề thuộc yếu tố xã hội (S) trong khảo sát

Mức độ thực hành về các chủ đề lao động trong yếu tố S cao hơn mức độ hiểu biết.

Chủ đề Không sử dụng lao động trẻ em và Không sử dụng lao động cưỡng bức có mức thực hành (79% và 65%, tương ứng) cao hơn so với mức hiểu biết (72% và 63%, tương ứng). Trong đó ghi nhận mức thấp nhất đối với nhóm ngành Rau quả (52% và 48%) và cao nhất đối với nhóm ngành Thủy sản (90% và 80%), như hình 11.

Hiểu biết và Thực hành các chủ đề thuộc S (n=97)



Hình 11: Hiểu biết và thực hành các chủ đề thuộc S

Ngành thủy sản khá nhạy với những phản ứng của thị trường, đặc biệt của người tiêu dùng ở các quốc gia nhập do mặt hàng được chế biến và sau khi xuất khẩu được bán trực tiếp tới họ^[90]. Do vậy, khi có những vi phạm về môi trường, xã hội sẽ tác động ngay đến giá sản phẩm. Điều này phần nào giải thích được nhận thức của các đơn vị trong ngành này về nội dung lao động cao. Những đơn vị đã biết về nội dung Không sử dụng lao động trẻ em có xu hướng biết đến nội dung Không sử dụng lao động cưỡng bức.

Điều này cho thấy những thông tin về ESG được phổ biến thường có hai nội dung này đi kèm với nhau trong chủ đề về lao động. Nông dân, người lao động cũng đối mặt với những rủi ro về tai nạn lao động trong quá trình canh tác sản xuất, chế biến, tuy vậy, việc tham gia bảo hiểm lao động vẫn còn hạn chế ở mức 45%. Phần lớn đơn vị trong khảo sát là HTX, MSMEs chủ yếu sử dụng lao động thời vụ.

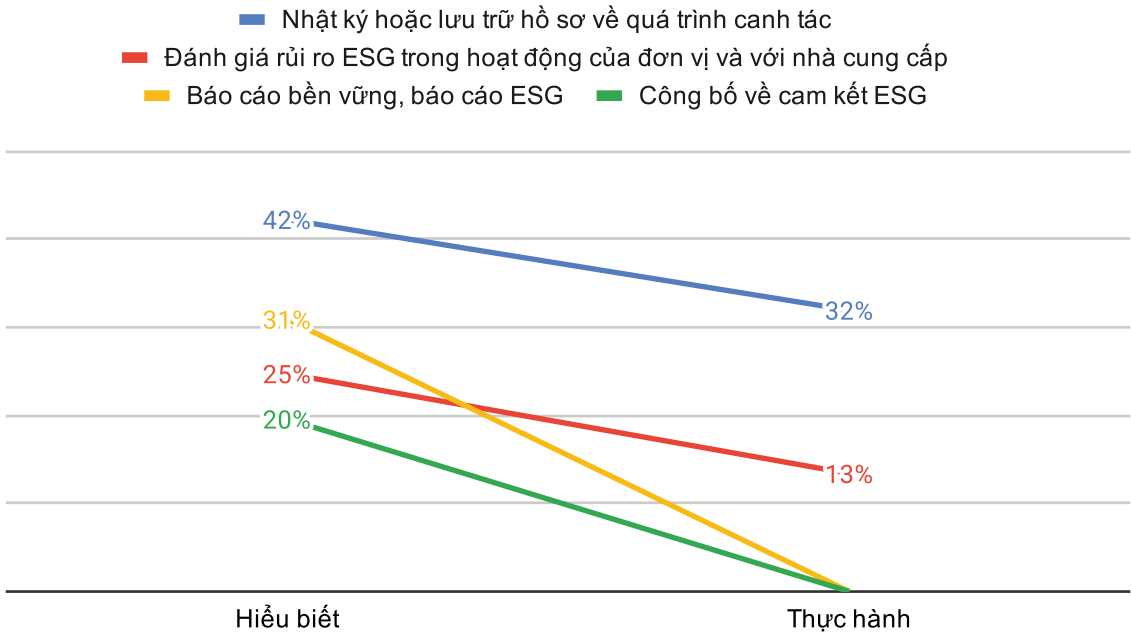
[90] Phỏng vấn sâu: PVS-PCP02

4.3.4. Hiểu biết và thực hành các chủ đề thuộc Yếu tố Quản trị (G)

Yếu tố	Chủ đề cụ thể
Yếu tố Quản trị (G)	- Nhật ký hoặc lưu trữ hồ sơ về quá trình canh tác (như thời gian, cách thức sử dụng nguyên liệu, vật tư) - Đánh giá rủi ro ESG trong hoạt động của đơn vị và với nhà cung cấp - Báo cáo bền vững, báo cáo môi trường, xã hội, quản trị (ESG) - Công bố thông tin của đơn vị về cam kết ESG cho công chúng

Hộp 5: Chủ đề thuộc khung ESG trong khảo sát về yếu tố quản trị (G)

Mức độ thực hành về các chủ đề lao động trong yếu tố S cao hơn mức độ hiểu biết.



Hình 12: Hiểu biết và thực hành các chủ đề thuộc G

Như hình 12 cho thấy:

- Chủ đề Nhật ký hoặc lưu trữ hồ sơ về quá trình canh tác: 42% đơn vị có nhận thức và 32% đơn vị thực hành.
- Chủ đề Đánh giá rủi ro ESG trong hoạt động của đơn vị và với nhà cung cấp: 25% đơn vị biết đến và 13% đơn vị thực hành.
- Chủ đề Báo cáo bền vững, báo cáo ESG: 31% đơn vị biết đến và không có đơn vị thực hành.
- Chủ đề Công bố thông tin của đơn vị về cam kết ESG cho công chúng: 20% đơn vị biết đến và không có đơn vị thực hành.

Có 93% đơn vị tham gia khảo sát là các HTX, MSMEs do đó mức độ hiểu biết của các đơn vị này có những hạn chế về quản trị, năng lực và nguồn lực, nên chưa có đơn vị nào thực hiện báo cáo bền vững, báo cáo ESG hay công bố thông tin về cam kết ESG.

Những đơn vị có hiểu biết về đánh giá rủi ro ESG thường có xu hướng biết về công bố thông tin về các cam kết ESG, báo cáo phát triển bền vững. Điều này cho thấy, việc công bố thông tin về cam kết ESG hay thông qua báo cáo bền vững thường sẽ có những nội dung liên quan đến quản trị rủi ro ESG.

Riêng ngành hàng cà phê với thị trường xuất khẩu chính là châu Âu, do liên quan đến quy định của EUDR về truy xuất nguồn gốc sản phẩm hoặc tham gia các chương trình chứng nhận quốc tế trong ngành cà phê (như RA, 4C) nên tỉ lệ các đơn vị biết và thực hành (53% và 44%) về nhật ký nông hộ và lưu trữ hồ sơ canh tác cao hơn các ngành hàng còn lại.

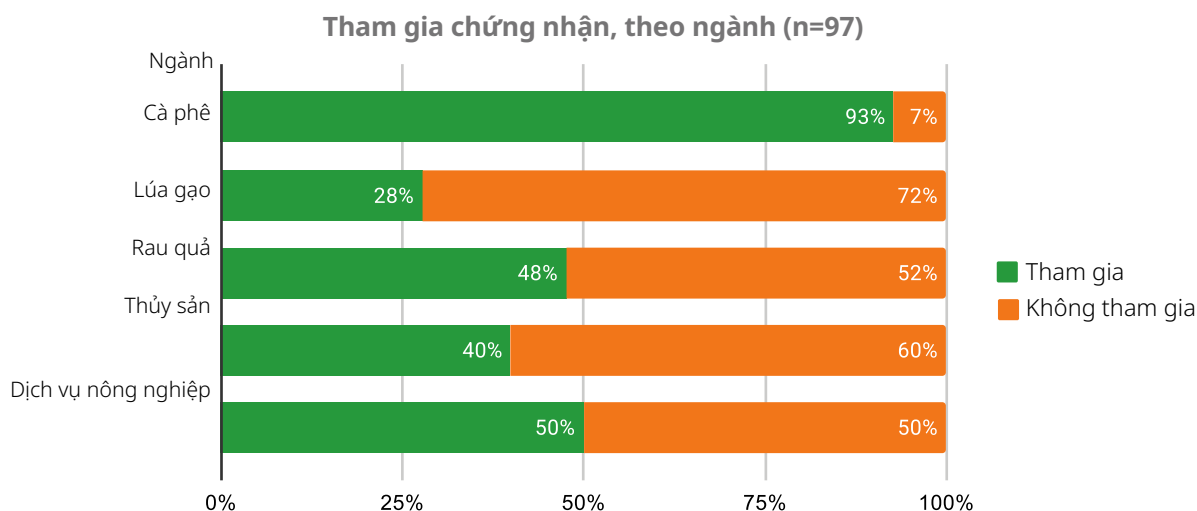
Hộp 6: Ví dụ về chuyển đổi thực hành canh tác cà phê theo hướng bền vững

Một nông hộ trồng cà phê tại khu vực Tây Nguyên có diện tích canh tác cà phê hơn 2 ha cà phê theo phương thức truyền thống trong nhiều năm. Hoạt động canh tác, sản xuất trước đây có sử dụng thuốc diệt cỏ để làm sạch vườn, phun thuốc bảo vệ thực vật định kỳ và phụ thuộc phần lớn vào phân bón hóa học nhằm duy trì/tăng năng suất. Tuy nhiên, sau thời gian dài canh tác theo phương thức cũ, đất vườn có dấu hiệu suy giảm độ phì, khả năng giữ ẩm kém và chi phí đầu vào ngày càng tăng.

Trong vài năm trở lại đây, gia đình tham gia một số chương trình hỗ trợ do một doanh nghiệp đầu chuỗi cà phê triển khai, với mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu bền vững đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường châu Âu. Thông qua các hoạt động tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật và liên kết đầu ra cho sản phẩm canh tác bền vững, gia đình và một số nông hộ trong vùng từng bước được nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc quản lý đất đai, làm cỏ, làm đất và áp dụng các kỹ thuật canh tác, sản xuất theo hướng bền vững và bắt đầu áp dụng các thực hành canh tác phù hợp hơn. Việc sử dụng thuốc diệt cỏ được thay thế bằng phương pháp cắt cỏ định kỳ, giữ lại thảm cỏ tự nhiên trong vườn và tận dụng sinh khối cỏ để phủ gốc, góp phần giữ ẩm và cải thiện hàm lượng chất hữu cơ trong đất. Đồng thời, phụ phẩm từ chế biến cà phê như vỏ cà phê được thu gom và ủ làm phân hữu cơ để bón lại cho vườn, giúp giảm dần sự phụ thuộc vào phân bón hóa học. Trong quá trình tái canh, gia đình cũng lựa chọn các giống cà phê có khả năng chịu hạn và kháng sâu bệnh tốt hơn nhằm tăng khả năng thích ứng của hệ thống sản xuất.

Sau một thời gian áp dụng các thực hành mới, vườn cà phê của gia đình đã có những cải thiện rõ rệt: đất tươi xốp hơn, khả năng giữ ẩm được nâng cao, chi phí đầu vào giảm và năng suất được duy trì ổn định. Hành trình chuyển đổi này cho thấy việc thay đổi từ nhận thức đến thực hành, khi được hỗ trợ bởi các chương trình/hoạt động liên kết chuỗi giá trị, có thể góp phần thúc đẩy quá trình xây dựng vùng nguyên liệu cà phê bền vững đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế.

4.3.5. Chứng nhận nông nghiệp bền vững



Hình 13: Tỷ lệ HTX, doanh nghiệp tham gia chứng nhận nông nghiệp bền vững theo ngành

Như hình 13 cho thấy:

- 54% đơn vị tham gia vào ít nhất một loại chứng nhận.
- Nông nghiệp trong nước và quốc tế.
- Nhóm ngành cà phê có số lượng đơn vị tham gia chứng nhận nhiều nhất, chiếm 93%, tiếp đến là ngành rau quả (48%), thủy sản (40%) và lúa gạo (28%).

Thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam hiện nay chủ yếu là các thị trường chưa có những quy định khắt khe về yếu tố E, yếu tố S. Do đó, các tác nhân trong chuỗi giá trị ngành lúa gạo có động lực tham gia các chứng nhận bền vững thấp hơn. Ngược lại, đối với các ngành như cà phê, rau quả, và thủy sản, việc tiếp nhận các thị trường nhập khẩu áp dụng nhiều yêu cầu và tiêu chuẩn bắt buộc liên quan đến môi trường, xã hội và truy xuất nguồn gốc định hướng các tác nhân trong chuỗi tham gia chứng nhận.

Các loại chứng nhận được các đơn vị tham gia nhiều nhất VietGAP (tổng 31 đơn vị), GlobalGAP (tổng số 26 đơn vị), OCOP (26 đơn vị). Có những đơn vị có nhiều hơn một loại chứng nhận. Về chứng nhận quốc tế, có 33% đơn vị tham gia ít nhất một chứng nhận quốc tế như Chứng nhận Rainforest Alliance (RA), Chứng nhận 4C (Bộ quy tắc ứng xử chung của cộng đồng cà phê), Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP), Chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt quốc tế (BAP).

Tuy vậy, chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, bền vững quốc tế thường có chi phí cao và thời hạn ngắn, khoảng 2 - 3 năm, ngoài ra phải đánh giá giám sát hàng năm để duy trì chứng nhận. Ví dụ, đối với chứng nhận 4C cho ngành hàng cà phê có thời hạn 3 năm nhưng phải thực hiện đánh giá giám sát hàng năm và sau 3 năm phải thực hiện đánh giá tái chứng nhận^[91].

Chi phí cũng là một yếu tố quyết định để nông hộ, HTX, hay MSMEs quyết định làm chứng nhận, bên cạnh lợi ích của việc làm chứng nhận như ổn định đầu ra, hiệu quả về mặt tài chính mang lại so với chi phí bỏ ra^[92]. Trong ngành cà phê, hầu hết các doanh nghiệp lớn xuất khẩu thường có những chứng chỉ quốc tế (như 4C, RA), và chịu chi phí này cho nông hộ khi đơn vị chứng nhận thực hiện đánh giá tại vùng sản xuất^[93]. Trong ngành thủy sản, những hỗ trợ này sẽ khác nhau tùy vào mức độ liên kết giữa doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu và đơn vị cạnh tranh^[94]. Mặc dù là chứng nhận tự nguyện nhưng phần

[91] 4C Certification System. Truy cập tại <https://www.4c-services.org/4c-system/our-certification-system/>.

[92] Phỏng vấn sâu PVS-CG01, PVS-CG03, PVS-PCP-02

[93] Phỏng vấn sâu PVS-CP01

[94] Phỏng vấn sâu - PVS-PCP02

lớn động lực làm chứng nhận lại xuất phát từ yêu cầu của thị trường, ít khi từ nội tại của các nông hộ/HTX hay thậm chí là các doanh nghiệp nhỏ.

Một đơn vị trong khảo sát cho biết tuy có mức độ hiểu biết hạn chế về các chủ đề trong khung ESG, nhưng vẫn tham gia các chứng nhận trong ngành nông nghiệp. Điều này cho thấy các đơn vị này chưa

nhận diện đầy đủ về mối liên hệ giữa chứng nhận nông nghiệp và thực hành khung ESG một cách có hệ thống. Thực tế này góp phần lý giải hiện tượng mức độ thực hành các chủ đề ESG cao hơn mức độ hiểu biết được ghi nhận trong khảo sát.

Hộp 7: Giới thiệu về một số chứng nhận trong ngành nông nghiệp

Chứng nhận Global G.A.P áp dụng cho ngành nông nghiệp, thủy sản, và chuỗi cung ứng về canh tác có trách nhiệm - quá trình sản xuất bền vững. Canh tác có trách nhiệm là sự cân bằng giữa nhu cầu của hiện tại với khả năng đáp ứng những đòi hỏi trong tương lai. Chứng nhận này tập trung vào quá trình sản xuất bền vững với những chủ đề tùy thuộc vào ngành hàng^[95].

Chương trình chứng nhận của Rainforest Alliance gồm hai loại chứng nhận bao gồm Chứng nhận nông nghiệp bền vững (SAS) và Chứng nhận nông nghiệp tái sinh (RAS). SAS là chứng nhận toàn diện nhìn nhận ba trụ cột của bền vững là xã hội, môi trường, và kinh tế trong ngành trồng trọt gồm cà phê, trái cây. Chứng nhận dành cho hai nhóm là (i) nông hộ, hoặc nhóm các nông hộ, hoặc doanh nghiệp có trang trại/ vườn, và (ii) doanh nghiệp trong chuỗi giá trị gồm đơn vị chế biến, đơn vị sản xuất sản phẩm và đơn vị kinh doanh thương mại^[96].

Hệ thống chứng nhận 4C thúc đẩy chuỗi cung ứng cà phê và ca cao có trách nhiệm. Hệ thống chứng nhận dành cho hai nhóm (i) nhóm sản xuất và (ii) nhóm kinh doanh sản phẩm có chứng nhận 4C^[97].

Tiêu chuẩn VietGAP bao gồm các quy định về Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do Bộ NN&MT ban hành cho sản phẩm nông nghiệp, thủy sản ở Việt Nam^[98]. Các tiêu chí được đưa ra theo đặc điểm từng ngành như trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Tiêu chí cốt lõi bao gồm Kỹ thuật sản xuất; An toàn thực phẩm; Môi trường làm việc; Truy xuất nguồn gốc^[99].

[95] Global G.A.P (u.d) About: Impact areas and claims. Truy cập tại: <https://www.globalgap.org/about/impact-areas-and-claims/>

[96] Rainforest Alliance (u.d) Overview of the Rainforest Alliance Certification. Truy cập tại: <https://knowledge.rainforest-alliance.org/docs/overview-of-the-rainforest-alliance-certification>

[97] 4C system (u.d.) How to get certified. Truy cập tại: <https://www.4c-services.org/4c-system/how-to-get-certified/#T1>

[98] Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, ngày 26/9/2012. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=167920>

[99] VietGAP là gì. Truy cập tại: <https://vnca.vn/vietgap-la-gi>

<https://thuvientieuchuan.org/tieu-chuan-vietgap-la-gi/#:~:text=C%C3%81C%20TI%C3%8AU%20CH%C3%8D%20C%E1%BB%A6A%20CH%E1%BB%A8NG,v%C3%A0%20C4%91%E1%BA%A3m%20b%E1%BA%A3o%20ch%E1%BA%A5t%20l%C6%B0%E1%BB%A3ng>

4.3.6. Hiểu biết về các chính sách ESG tại thị trường nhập khẩu

27/97 đơn vị tham gia khảo sát đang tham gia vào chuỗi giá trị xuất khẩu tại những thị trường chính gồm châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông. Trong đó, 11/27 doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị xuất khẩu nhưng chưa có hiểu biết đầy đủ về các tiêu chuẩn ESG tại thị trường nhập khẩu. Ngược lại, có 14 đơn vị tự nhận diện không thuộc chuỗi giá trị xuất khẩu nhưng lại biết về các tiêu chuẩn ESG của thị trường nhập khẩu. Phát hiện này cho thấy các đơn vị có hoạt động liên quan trực tiếp đến xuất khẩu như doanh nghiệp chế biến, thương mại sẽ nắm được quy định thị trường nhập khẩu tốt hơn những đơn vị sản xuất hoặc thu mua dù cùng thuộc chuỗi cung ứng xuất khẩu.

Tuy nhiên, mức độ yêu cầu tuân thủ ESG không đồng đều giữa các thị trường nhập khẩu, qua đó tạo ra động lực khác nhau đối với các tác nhân trong từng ngành hàng. Như đã đề cập ở trên, thị trường nhập khẩu lúa gạo của Việt Nam hiện nay chủ yếu là các thị trường chưa áp dụng hoặc áp dụng hạn chế các yêu cầu bắt buộc về môi trường và xã hội, do đó mức độ thúc đẩy thực hành ESG trong chuỗi giá trị ngành này còn tương đối thấp. Ngược lại, các mặt hàng như thủy sản (đặc biệt là tôm) và cà phê chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường áp dụng nhiều quy định và tiêu chuẩn chặt chẽ hơn về môi trường và xã hội, qua đó tạo áp lực trực tiếp đối với các tác nhân trong chuỗi trong việc tuân thủ và thực hành ESG.

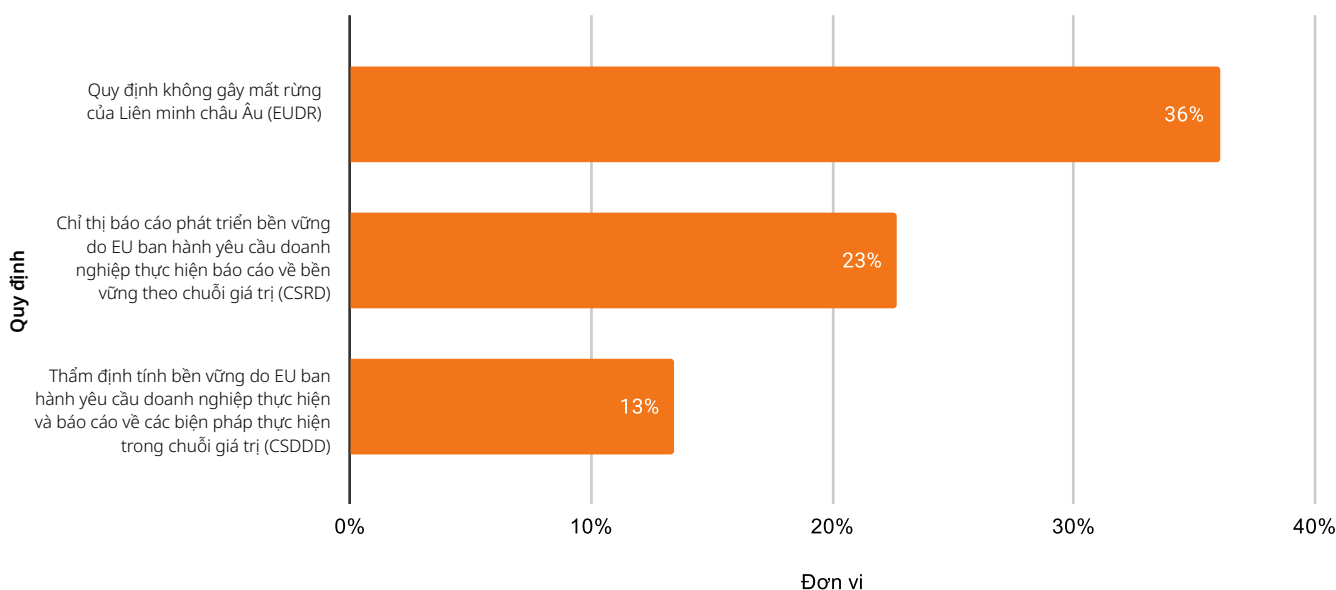
Các quy định ESG của châu Âu

Tỷ lệ các đơn vị biết về quy định EUDR nhiều hơn so với biết về CSRD, CS3D. Một phần là do những đơn vị tham gia khảo sát không chịu tác động trực tiếp của quy định CSRD (23%) và CS3D (13%), do vậy, họ ít biết đến những quy định này, như hình 14 thể hiện.

Trong 36% đơn vị biết về quy định EUDR, tỷ lệ các đơn vị trong ngành cà phê biết về EUDR cao nhất (66%) do đây là một trong ba ngành chịu tác động

trực tiếp của quy định này. Kết quả này thể hiện những nỗ lực chính sách cấp trung ương và địa phương nhằm hỗ trợ nông hộ tuân thủ quy định này đang được thực hiện mạnh mẽ, đặc biệt là nông hộ ngành cà phê. Tuy nhiên, trong thực tế, quá trình triển khai EUDR vẫn đối mặt với nhiều thách thức.

Nghe nói về quy định ESG của EU (n=97)



Hình 14: Tỷ lệ nghe nói về các quy định của EU

Một trong những khó khăn lớn là việc dữ liệu vùng trồng phục vụ kiểm định khi toàn bộ diện tích trong thực hiện kiểm định, chưa bao phủ toàn bộ diện tích sản xuất, cùng với những hạn chế về công nghệ trong việc cấp và quản lý mã số vùng trồng^[100]. Thực tế, tại một số địa phương như Lâm Đồng, vẫn còn những nông hộ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp^[101], điều này gây khó khăn trong việc chứng minh đất sản xuất không thuộc diện rừng bị chuyển đổi kể từ năm 2020 theo yêu cầu của EUDR. Ngoài ra, để đáp ứng quy định EUDR, truy xuất nguồn gốc là một trong những bước cơ bản phải thực hiện. Chi phí thực hiện việc này cho mặt hàng cà phê dao động khoảng 20 USD/tấn sản phẩm^[102].

Đối với mặt hàng cà phê muốn xuất khẩu vào thị trường EU hiện nay các chứng nhận như 4C, RA cũng đang nâng cấp phiên bản cập nhật tích hợp để đáp ứng EUDR. Đối với những nông hộ trong ngành cà

phê đã tham gia chứng nhận quốc tế như RA, truy xuất vùng trồng lại không phải là thách thức vì đây là nội dung đã được chứng nhận. Quy định EUDR không chỉ tác động trực tiếp đến doanh nghiệp và HTX, nông hộ tham gia chuỗi xuất khẩu cà phê, mà các ngân hàng là bên cho vay cũng chịu tác động gián tiếp.

Ngân hàng là nơi cấp vốn, cho vay những đơn vị sản xuất, kinh doanh nông nghiệp xuất khẩu, việc thiếu tuân thủ những quy định ở thị trường nhập khẩu sẽ tạo ra rủi ro thanh khoản cho ngân hàng, có thể trở thành khoản nợ xấu. Do vậy, trong hoạt động tín dụng, ngân hàng không chỉ biết về những chính sách này mà còn có thể hỗ trợ các đơn vị sản xuất, kinh doanh nông nghiệp về nhận thức và thực hiện^[103].

Hộp 8: Vai trò của ngân hàng - Ví dụ của Ngân hàng Agribank ^[104]

Là một trong những ngân hàng tiên phong trong tín dụng xanh cho ngành nông nghiệp, Agribank đã hỗ trợ cho hơn 350 mô hình và dự án chuyển đổi trong 5 năm trở lại đây. Với những yêu cầu chính sách về ESG của các quốc gia, vùng kinh tế nhập khẩu như châu Âu, Agribank cập nhật các chính sách như EUDR và truyền thông đến những phòng ban trong ngân hàng bao gồm lãnh đạo đơn vị cho vay, thẩm định tín dụng, chi nhánh ngân hàng để hiểu về chính sách. Agribank xây dựng bài giảng trực tuyến cho nhân viên, từ đó, nhân viên tín dụng cũng tư vấn cho doanh nghiệp. Ngân hàng cũng dự kiến xây dựng bài giảng trực tuyến về ESG và các chính sách ESG của EU cho các doanh nghiệp đang là khách hàng của ngân hàng, đặc biệt trong ngành nông nghiệp. Những chính sách này cũng đưa vào trong hệ thống cảnh báo rủi ro, và lồng ghép vào danh mục loại trừ của ngân hàng.

[100] Phỏng vấn sâu - PVS-CP01

[101] Phỏng vấn sâu - PVS-HTX02

[102] Mekong Resource Governance. Truy cập tại

<https://mkresourcesgovernance.org/2025/11/03/webinar-nong-ho-trong-nganh-hang-ca-phe-cao-su-va-go-kha-nang-truy-xuat-nguon-goc-va-tiem-nang-nang-cao-thu-nhap-tu-thi-truong-tin-chi-cac-boni>

[103] Phỏng vấn sâu - PVS-CG01

[104] Phỏng vấn sâu với đại diện tổ chức tài chính- PVS-FI01

4.4. Yếu tố tác động nhận thức và thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp

Những yêu cầu và sức ép từ thị trường nhập khẩu tác động đến thực hành ESG

Thị trường nhập khẩu chủ yếu mặt hàng cà phê và thủy sản là thị trường khó tính với những yêu cầu ngày càng khắt khe về các yếu tố môi trường, xã hội. Những yêu cầu này không chỉ áp dụng đối với đơn vị xuất khẩu mà còn lan tỏa xuyên suốt chuỗi giá trị, từ quá trình canh tác thông qua những chứng nhận nông nghiệp bền vững đến khâu chế biến và thương mại. Trong ngành thủy sản, đặc biệt là mặt hàng tôm, áp lực từ thị trường nhập khẩu có tiêu chuẩn cao, giá trị thương mại lớn và yêu cầu ngày càng cao từ người tiêu dùng đã thúc đẩy các tác nhân trong chuỗi thực hiện các tiêu chuẩn E, S ở mức chủ động và tiến bộ. Do đó, trong bối cảnh các tiêu chuẩn ESG đang dần trở thành bắt buộc, các tác nhân trong ngành thủy sản nhìn chung có sự chuẩn bị, tính sẵn sàng tốt cao hơn so với các ngành khác^[105].

Đối với ngành cà phê liên quan đến xuất khẩu sang thị trường châu Âu, ngoài các chứng nhận tự nguyện như 4C, RA, các tác nhân trong chuỗi còn phải đáp ứng các yêu cầu bắt buộc của EUDR liên quan đến truy xuất nguồn gốc sản phẩm không liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng.

Việc tuân thủ các yêu cầu này đòi hỏi sự tham gia và phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và các tác nhân trong toàn bộ chuỗi giá trị từ sản xuất đến thương mại. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực hành ESG có nguy cơ không được duy trì khi các mối liên kết chuỗi còn lỏng lẻo, bị gián đoạn, đứt gãy hoặc doanh nghiệp đầu chuỗi không có cam kết rõ ràng, dài hạn về giá và thu mua với các sản phẩm nông sản được canh tác, thực hành theo khung ESG.

Hộp 9: Ví dụ trong ngành cà phê

Trong ngành cà phê, quy định có chứng nhận nông nghiệp bền vững tại vùng canh tác và/hoặc nơi chế biến giúp tăng hợp tác giữa doanh nghiệp và nông hộ sản xuất. Mặc dù các chứng nhận là tự nguyện, nhưng phần lớn đều dựa trên nhu cầu của thị trường. Theo đó, dựa trên nhu cầu hay yêu cầu của bên nhập khẩu về cà phê có chứng nhận từ nông hộ sản xuất, doanh nghiệp là bên hỗ trợ chi phí để nông hộ thực hiện chứng nhận như là một hình thức chia sẻ trách nhiệm. Các nông hộ sẽ cam kết bán hàng cho doanh nghiệp đã hỗ trợ làm chứng nhận thông qua các đơn vị thu mua như HTX^[106].

Ngoài ra, những chuyến thăm đột xuất, thường xuyên của các đơn vị nhập khẩu đến các công ty chế biến, xuất khẩu cà phê đảm bảo việc thực hành những yêu cầu về E, S. Đại diện một doanh nghiệp trong ngành cà phê nhận định rằng những quy định bắt buộc liên quan đến ESG, áp dụng trong chuỗi cung ứng, như EUDR cũng là một phép thử cho các doanh nghiệp tại thị trường khó tính nhưng có giá trị cao này. Đồng thời, doanh nghiệp có định hướng chuyển sang mở rộng những thị trường mới tiềm năng^[107].

[105] Phỏng vấn sâu với chuyên gia chuỗi giá trị (PVS-PCP02)

[106] PVS với doanh nghiệp sản xuất, thương mại cà phê (PVS-DN02)

[107] Phỏng vấn sâu với đại diện doanh nghiệp trong ngành cà phê (PVS-DN01)

Định hướng chính sách trong nước cũng đóng vai trò quan trọng trong chuyển đổi nhận thức và thực hành nông nghiệp áp dụng khung ESG

Mặt hàng gạo ít được xuất khẩu sang thị trường có yêu cầu cao về môi trường - xã hội như châu Âu, Mỹ, mặc dù hiện tại, một số ít đang đi theo thị trường ngách về hữu cơ, như gạo hữu cơ. Thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam chủ yếu là thị trường chưa có nhiều quan tâm đến các tiêu chuẩn ESG^[108].

Thực tế này phản ánh vai trò dẫn dắt của các định hướng chính sách và các chương trình thúc đẩy phát triển bền vững ngành lúa gạo, khi các chính sách này đang từng bước định hướng lại nhận thức của các tác nhân trong chuỗi theo hướng ưu tiên chất lượng, hiệu quả và bền vững. Tuy vậy, mức độ hiểu biết về các yếu tố E, S của các đơn vị trong chuỗi giá trị ngành lúa gạo vẫn ở mức độ tương đối cao. Đây là dấu hiệu cho thấy các tác nhân trong ngành đã tiếp cận được thông tin và bắt đầu có những chuyển dịch nhất định theo hướng sản xuất lúa gạo bền vững hơn, thay vì canh tác truyền thống tập trung nhiều vào sản lượng từ đó dẫn đến lạm dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

Các tác nhân trong ngành lúa đang bắt đầu thực hiện canh tác sản xuất bền vững, như cải thiện phương thức canh tác, thu gom và xử lý phụ phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, quá trình thực hành thực tế gặp nhiều thách thức^[109]. Một trong số đó là mâu thuẫn về lợi ích giữa các tác nhân trong chuỗi. Với đặc thù các đơn vị trong nông nghiệp, nhiều đơn vị - đặc biệt là HTX - thường đảm nhiệm đồng thời nhiều vai trò trong chuỗi giá trị, như vừa cung cấp nguyên, vật tư đầu vào như phân bón, thuốc trừ sâu cho các bên, bao gồm các thành viên canh tác, vừa thực hiện các hoạt động kinh doanh liên quan. Điều này dẫn tới những xung đột về lợi ích nhất định, đặc biệt trong quá trình chuyển giao mô hình canh tác áp dụng các yếu tố E, S^[110].

Vai trò của doanh nghiệp đầu chuỗi và Mức độ liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân trong chuỗi sẽ góp phần thúc đẩy sự nhận thức và thực hành khung ESG trong nông nghiệp

Liên kết chuỗi đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và khuyến khích các HTX và MSMEs áp dụng các thực hành canh tác và sản xuất theo khung ESG. Trong đó, doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp đầu chuỗi giữ vai trò dẫn dắt thông qua các cam kết thu mua dài hạn, hỗ trợ kỹ thuật và tiêu chuẩn hóa sản xuất trong toàn chuỗi. Nhờ lợi thế về nguồn lực và khả năng tiếp cận các chương trình hỗ trợ về ESG, các doanh nghiệp đầu chuỗi thường có đội ngũ cán bộ chuyên trách để hỗ trợ nông hộ và HTX trong quá trình triển khai thực hành ESG, thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, tư vấn và chia sẻ chi phí thực hiện chứng nhận. Ngành thủy sản là một trong những ngành nhạy bén và phản ứng nhanh với tín hiệu thị trường. Khi xảy ra những vi phạm về môi trường - xã hội, phản ứng của người tiêu dùng thường diễn ra nhanh chóng, tác động trực tiếp đến giá sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp lớn dẫn dắt ngành có thể thúc đẩy việc thực hành các tiêu chuẩn môi trường - xã hội của các MSMEs và HTX, tuy nhiên mức độ tác động phụ thuộc lớn vào mức độ liên kết giữa doanh nghiệp và HTX. Trên thực tế, các doanh nghiệp thường áp dụng hệ thống giám sát của mình trong quá trình thu mua các sản phẩm từ vùng nuôi trồng có cam kết với doanh nghiệp, trong khi việc kiểm soát đối với sản phẩm thu mua thông qua các đơn vị trung gian bên ngoài thường lỏng lẻo hơn và chủ yếu tập trung vào các tiêu chí kỹ thuật như kích thước và chất lượng sản phẩm^[111]. Với những doanh nghiệp lớn, vùng canh tác riêng, việc thực hành nông nghiệp theo khung ESG được tuân thủ và kiểm soát chặt chẽ theo quy trình của chính doanh nghiệp.

[108] Phỏng vấn sâu: PVS-PCP02

[109] Phỏng vấn sâu: PVS-PCP02

[110] Phỏng vấn sâu: PVS-PCP02

[111] Phỏng vấn sâu với chuyên gia chuỗi giá trị (PVS-PCP02)

Hộp 10: Ví dụ một doanh nghiệp trong ngành cà phê hỗ trợ nông hộ thực hiện canh tác bền vững

- Làm việc với nông hộ thông qua trưởng nhóm cộng đồng - là người có uy tín trong cộng đồng, ký hợp đồng với những người này, có thù lao để họ tuyên truyền, đánh giá nội bộ, hỗ trợ người dân kiến thức canh tác, thu thập thông tin.
- Tập huấn cho trưởng nhóm và đại lý về các nội dung như tuân thủ quy định môi trường, xã hội: không trồng lấn đất rừng, phân bón, sử dụng thuốc cấm, không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức.
- Có đội ngũ cán bộ hỗ trợ người dân trực tiếp để tăng chất lượng, giám sát địa bàn gồm 23 khu vực với tổng số 2,000 hộ.
- Có cơ chế trao đổi giữa doanh nghiệp với người dân gồm: thông qua trưởng nhóm, nhóm zalo, hotline (tuy vậy, không nhiều người sử dụng hotline). Tổ chức tập huấn đến nông hộ và có sử dụng tiếng dân tộc, đặc biệt trong nhóm người lớn tuổi.
- Có hệ thống xử lý nước thải do đặc thù chế biến ướt của cà phê Arabica, công ty thực hiện quan trắc và báo cáo môi trường gửi cho sở hàng năm.
- Tham gia chứng nhận RA, 4C, dự án của các tổ chức quốc tế về EUDR, về tín chỉ carbon, về phòng, chống lao động trẻ em, lao động cưỡng bức.

Thực hành khung ESG hiện vẫn chưa được tích hợp đầy đủ vào cơ chế thị trường và các hợp đồng thương mại, chẳng hạn thông qua giá mua ưu đãi, hợp đồng thu mua dài hạn hoặc cơ chế chia sẻ rủi ro. Do đó, các thực hành ESG chưa tạo ra lợi ích kinh tế đủ rõ ràng để khuyến khích các tác nhân trong chuỗi duy trì thực hiện. Hệ quả là các mối liên kết chuỗi thường không được duy trì khi các hỗ trợ và kết nối từ bên ngoài chấm dứt, cho thấy các hình thức liên kết hiện nay vẫn mang tính ngắn hạn và thiếu bền vững.

Thực tế cho thấy, nhiều chương trình và dự án đã hỗ trợ nông hộ và HTX chuyển đổi sang canh tác bền vững và áp dụng khung ESG thông qua hỗ trợ kỹ thuật và kết nối với doanh nghiệp thu mua. Tuy nhiên, do chưa hình thành được các ràng buộc thị trường dài hạn, khi chương trình kết thúc, các chuỗi liên kết hàng hóa cũng chấm dứt theo, khiến các kết quả về thực hành ESG khó được duy trì và nhân rộng.

CHƯƠNG 05

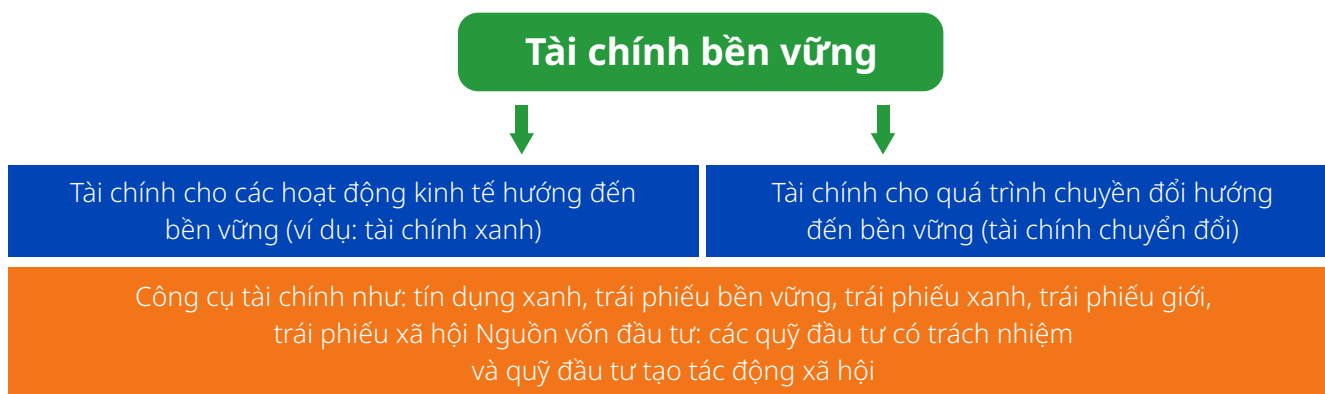
Tài chính bền vững trong nông nghiệp

- 5.1 Tài chính bền vững
- 5.2 Chính sách tài chính
- 5.3 Tiếp cận tài chính cho nông nghiệp bền vững
- 5.4 Quản trị rủi ro Môi trường, xã hội

5.1. Tài chính bền vững

Các tổ chức tài chính có vai trò quan trọng trong tiến trình đạt được các mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc huy động và định hướng nguồn vốn cho những nỗ lực này. Theo Ủy ban châu Âu, tài chính bền vững là việc cân nhắc đến những yếu tố ESG trong quá trình ra quyết định đầu tư hướng đến những đầu tư mang tính chất dài hạn trong các hoạt động kinh tế bền vững^[112]. Như vậy, tài chính bền vững là dòng vốn đầu tư có tính chất dài hạn và cân nhắc đến các yếu tố ESG. Theo đó, ESG được nhìn nhận như là những rủi ro liên quan, hoặc là những mục tiêu, tác động tích cực liên quan đến môi trường, xã hội và kinh tế.

Tài chính bền vững bao gồm (i) tài chính dành cho các hoạt động kinh tế hướng đến bền vững, như thân thiện với môi trường (tài chính xanh) và (ii) tài chính cho quá trình chuyển đổi hướng đến bền vững (tài chính chuyển đổi)^[113]. Tài chính bền vững gồm, nhưng không giới hạn ở các công cụ tài chính như tín dụng xanh, trái phiếu xanh^[114], trái phiếu bền vững, trái phiếu bình đẳng giới, trái phiếu xã hội, trái phiếu chuyển đổi, tín dụng chuyển đổi. Ngoài ra, còn có các nguồn vốn từ quỹ đầu tư có trách nhiệm, quỹ đầu tư tạo tác động xã hội trong và ngoài nước.



Hình 15: Tài chính bền vững

Trong ngành nông nghiệp, những nhà đầu tư, tổ chức tài chính đang ngày càng chú trọng đến các yếu tố ESG khi cân nhắc và ra quyết định đầu tư, trong đó, các chủ đề được quan tâm nhất là chống phá rừng và giảm thiểu hoặc loại bỏ phát thải khí nhà kính. Theo đó, áp dụng các yếu tố ESG vào nông nghiệp không chỉ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dòng vốn đầu tư mà còn có vai trò thúc đẩy các tác động tích cực về môi trường - xã hội lên toàn bộ chuỗi giá trị^[115].

Sản xuất nông nghiệp đòi hỏi sự đầu tư bền vững, đặc biệt trong bối cảnh có nhiều rủi ro đan xen, bao gồm biến động thời tiết, suy giảm hệ sinh thái, biến

động giá cả thị trường và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm thiên về an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường. Trong điều kiện đó, bản thân người nông dân và cộng đồng sản xuất nông nghiệp khó có thể chống chịu lâu dài nếu không có nguồn tài chính ổn định, dài hạn, đóng vai trò hỗ trợ và bảo đảm cho quá trình chuyển đổi và phát triển bền vững ngành nông nghiệp. Theo Bộ NN&MT, “Việt Nam có tiềm năng đáng kể để tăng cường tài chính xanh và sử dụng khu vực tài chính ngân hàng làm đòn bẩy nhằm tái phân bổ vốn cho các khoản đầu tư bền vững hơn”^[116].

[112] Ủy ban châu Âu (u.d). Overview of sustainable finance. Truy cập tại: https://finance.ec.europa.eu/sustainable-finance/overview-sustainable-finance_en

[113] Ủy ban châu Âu (u.d). Overview of sustainable finance. Truy cập tại: https://finance.ec.europa.eu/sustainable-finance/overview-sustainable-finance_en

[114] Theo khoản 2 Điều 150 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 (luật số 72/2020/QH14), “Trái phiếu xanh.” Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=202613>

[115] dos Santos, J. P., & Ribeiro, L. S. (2024). Sustentabilidade no agronegócio: Revisão Sistemática das práticas ESG. Revista Sistemática, 14(6), 1366-1378. <https://doi.org/10.56238/rcsv14n6-001>

[116] Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước kia bộ TN-MT) (2024) Báo cáo kỹ thuật phục vụ theo xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh, trang 36. Truy cập tại: https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Lists/ChiDaoDieuHanh/Attachments/4778/05Baocaokythuat_Signed.pdf

5.2. Chính sách tài chính

5.2.1. Tài chính bền vững cho kinh tế tư nhân

Cam kết chính trị mạnh mẽ của Việt Nam về phát triển kinh tế tư nhân được thể hiện trong Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân^[117]. Theo đó, nghị quyết ghi nhận vai trò của kinh tế tư nhân như là “một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia”, và “phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách”. Dựa trên quan điểm đó, đẩy mạnh và đa dạng hóa nguồn vốn trở thành một trong những nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết 68, bao gồm “Đẩy mạnh phát triển tín dụng xanh; Nhà nước có cơ chế hỗ trợ lãi suất, cho doanh nghiệp tư nhân vay để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG)”.

Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ^[118] thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó đưa ra nhiệm vụ của các Bộ, ngành (Nghị quyết số 138/NQ-CP). Theo đó, NHNN chỉ đạo các NHTM, khuyến khích các tổ chức tín dụng, đưa ra ưu đãi về lãi suất cho doanh nghiệp tư nhân vay để áp dụng khung ESG, triển khai dự án xanh, tuần hoàn; khuyến khích cho vay theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, cho vay dựa trên tài sản bảo đảm gồm động sản, tài sản vô hình, tài sản hình thành trong tương lai. Bộ

NN&MT rà soát chính sách liên quan đến Nhà nước hỗ trợ lãi suất và hướng dẫn. Vào tháng 11/2025, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu NHNN và Bộ Tài chính trình Chính phủ Nghị định hướng dẫn chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp vay vốn thực hiện dự án xanh, tuần hoàn, áp dụng khung tiêu chuẩn ESG thông qua các NHTM^[119].

Nhằm hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 do Thủ tướng Chính phủ đã ban hành vào năm 2021^[120] và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 của Thủ tướng Chính phủ^[121], các Bộ, ngành đã ban hành kế hoạch của mình để đạt được mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính^[122] đưa ra nhiệm vụ về phát triển thị trường vốn trong cho tăng trưởng xanh và cho quá trình chuyển dịch nền kinh tế Việt Nam theo hướng carbon thấp và tăng khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu như thúc đẩy tài chính bền vững, tài chính xanh, tài chính khí hậu^[123]. Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung

[117] Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Truy cập tại:

<https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-119250505101309949.htm>

[118] Nghị quyết số 138/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, ngày 16-05-2025. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213667>

[119] Báo Chính phủ (2025). Tháng 11/2025 trình Chính phủ Nghị định hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp vay vốn thực hiện dự án xanh. Truy cập tại:

<https://baochinhphu.vn/thang-11-2025-trinh-chinh-phu-nghi-dinh-ho-tro-lai-suot-2-cho-doanh-nghiep-vay-von-thuc-hien-du-an-xanh-102251112101248626.htm>

[120] Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Chiến lược đề ra mục tiêu tổng quát là tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hoà các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=204226>

[121] Quyết định số 882/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 ngày 22/7/2022. Truy cập tại:

<https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=206215>

[122] Quyết định số 1934/QĐ-BTC ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, ngày 15/8/2024. Truy cập tại:

<https://vasep.com.vn/van-ban/bo-tai-chinh/quyet-dinh-1934-qd-btc-ban-hanh-ke-hoach-hanh-dong-cua-bo-tai-chinh-thuc-hien-chien-luoc-quoc-gia-ve-tang-truong-xanh-giai-doan-2021-2030-3192.html>

[123] Ủy ban chứng khoán nhà nước (2024). Hội thảo giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG. Truy cập tại:

https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages_r/li/chitit?dDocName=APPSGCGOVN1620148612

của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu^[124] đưa ra nhiệm vụ về thúc đẩy tín dụng xanh, quản lý rủi ro môi trường và xã hội, hướng tới phát triển mô hình ngân hàng xanh, tăng cường quản lý rủi ro môi trường - khí hậu và gắn hoạt động tín dụng với mục tiêu phát thải ròng bằng "0". Một số nhiệm vụ chủ yếu gắn với môi trường, xã hội bao gồm tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh có lợi ích về môi trường, bảo vệ môi trường; ưu tiên bố trí nguồn vốn hợp lý tài trợ cho các dự án thuộc Danh mục phân loại xanh, đẩy mạnh huy động nguồn lực, trong đó có hoạt động phát hành trái phiếu xanh để tài trợ cho các dự án thuộc Danh mục phân loại xanh nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, Phát triển các sản phẩm tín dụng xanh, quản lý rủi ro về môi trường và xã hội, rủi ro khí hậu trong hoạt động cấp tín dụng dần tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế. Kế hoạch hành động của Bộ NN&PTNT (nay là Bộ NN&MT)^[125] thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030 đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để đạt được mục tiêu trên là tăng cường huy động nguồn lực đầu tư cho tăng trưởng, phát triển nông nghiệp xanh gồm ưu tiên phối hợp với NHNN để hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất, hỗ trợ lãi

suất, ưu đãi tài sản đối với khách hàng thực hiện các dự án nông nghiệp theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

Do vậy, sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, đặc biệt, giữa Bộ Tài chính, NHNN và Bộ NN&MT, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nguồn tài chính cho các cá nhân, các doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp bền vững. Điều này góp phần đảm bảo việc lược thực hiện đồng bộ nhất quán, đầy đủ Nghị quyết số 138/NQ-CP, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 do Chính phủ đề ra.

[124] Quyết định 1408/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu ngày 26/7/2023. Truy cập tại: <https://vnba.org.vn/document/public-document/view?id=7&title=quyet-dinh-1408qd-nhnn>

Và Quyết định số 2931/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 về việc ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và Đề án thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (sau đây gọi là Kế hoạch hành động) ngày ngày 06/8/2025. Truy cập tại: <https://thoibaonganhang.vn/nhnn-sua-doi-ke-hoach-hanh-dong-thuc-day-tang-truong-xanh-trong-linh-vuc-ngan-hang-168556.html#:~:text=Thay%20c%E1%BB%A5m%20t%E1%BB%AB%20%E2%80%99CV%E1%BB%87n%20Chi%E1%BA%BFn,thi%20h%C3%A0nh%20Quy%E1%BA%BFt%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20n%C3%A0y>

[125] Quyết định số 3444/QĐ-BNN-KH do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành ngày 12/9/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030. Truy cập tại: <https://khuyenong.danang.gov.vn/Default.aspx?tabid=111&ni=151>

5.2.2. Tài chính xanh ngành nông nghiệp

Tín dụng xanh và Trái phiếu xanh là hai công cụ tài chính xanh thường được đề cập đến và có tác động lớn đến giá trị xuất khẩu của các ngành hàng nông sản xuất khẩu^[126].

Tín dụng xanh nói chung, và tín dụng xanh trong ngành nông nghiệp thủy sản do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam cho vay “cho dự án đầu tư sau đây: Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Ứng phó với biến đổi khí hậu; Quản lý chất thải; Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Tạo ra lợi ích khác về môi trường”^[127].

Trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành để “huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường”^[128]. Trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, bảo vệ môi trường hoặc mang lại lợi ích về môi trường bao gồm Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh; Đầu tư phát triển vốn tự nhiên; Phát thải ít các bon; Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất; Ngăn chặn giảm thiểu ô nhiễm môi trường^[129].

Vai trò của hệ thống ngân hàng

Nông nghiệp xanh là một trong hai lĩnh vực chính trong hoạt động cấp tín dụng xanh, sau năng lượng tái tạo, tuy vậy, quy mô còn khiêm tốn. Đến cuối tháng 3/2025, dư nợ tín dụng xanh cho nông nghiệp xanh chiếm 29%, tương đương với 204.230 tỷ đồng, chiếm khoảng 1,2% tổng dư nợ toàn nền kinh tế^[130]. Hệ thống ngân hàng đang giữ vai trò dẫn dắt trong thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh của ngành nông nghiệp Việt Nam và “trong việc cung cấp tín dụng xanh ra thị trường”^[131]. Trong đó, các NHTM hiện là nguồn cung vốn lớn nhất, chiếm khoảng 88% tổng dư nợ tín dụng xanh^[132]. Các NHTM có các ưu điểm về mức độ linh hoạt về sản phẩm, tập trung vào phân khúc khách hàng là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, chủ yếu đầu tư vào các giải pháp công nghệ xanh^[133]. Các gói vay ngắn hạn được triển khai với lãi suất ưu đãi 4,5%/năm, thấp hơn thị trường từ 0,3–0,5 điểm phần trăm, tập trung ưu tiên cho khách hàng cá nhân sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ và chú trọng bảo vệ môi trường^[134]. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) là một trong những ngân hàng chính trong cung cấp tín dụng trong ngành nông nghiệp và tại khu vực nông thôn. Đến quý II/2025, dư nợ tín dụng xanh tại Agribank đạt trên 28.000 tỷ đồng, trong đó riêng lĩnh vực nông nghiệp xanh chiếm trên 6.500 tỷ đồng (chiếm 23%) sau lĩnh vực năng lượng tái tạo và năng lượng sạch, lâm nghiệp bền vững^[135]. Tuy nhiên, các dự án cho vay với giá trị lớn chủ yếu lại thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch^[136].

[126] Pham, N.V., Nguyen, T.V. (2024) Comparison of the impact of green credit and other forms of financing on agriculture and agricultural export in Viet Nam. Truy cập tại: <https://www.usc.gal/economet/reviews/eers2414.pdf>

[127] Theo khoản 1, 2 Điều 149 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 (luật số 72/2020/QH14). Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=202613>

Và Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, ngày 04/7/2025. Xem tại: <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpg/2025/7/21-ttg.signed.pdf>

[128] Theo khoản 1 Điều 150 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 (luật số 72/2020/QH14), “Trái phiếu xanh.” Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=202613>

[129] Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, ngày 04/7/2025. Xem tại: <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpg/2025/7/21-ttg.signed.pdf>

[130] Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ (2025). Ngành ngân hàng Việt Nam tiên phong thúc đẩy tín dụng xanh và phát triển bền vững. Truy cập tại:

<https://thitruongtaichinhvientte.vn/nganh-ngan-hang-viet-nam-tien-phong-thuc-day-tin-dung-xanh-va-phat-trien-ben-vung-69021.html>

[131] Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước kia bộ TN-MT) (2024) Báo cáo kỹ thuật phục vụ xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh, trang 36. Truy cập tại: https://www.moj.gov.vn/qr/tintuc/Lists/ChiDaoDieuHanh/Attachments/4778/05Baocaokythuat_Signed.pdf

[132] Anh Minh (2025) Dư nợ tín dụng xanh khoảng 750.000 tỉ đồng; dự kiến hỗ trợ lãi suất 2%/năm cho dự án xanh. Báo điện tử chính phủ. Truy cập tại:

<https://baochinhphu.vn/du-no-tin-dung-xanh-khoang-750000-ti-dong-du-kien-ho-tro-lai-suot-2-nam-cho-du-an-xanh-102251215163424259.htm>

[133] Trần Lê Hoàng An, Nguyễn Thị Lâm Anh (2025).Thức trạng hoạt động cấp tín dụng xanh và năng lực cạnh tranh của các ngân hàng Việt Nam. Truy cập tại:

<https://hvn.edu.vn/tapchi/vi/thang-7cd-2025/thuc-trang-hoat-dong-cap-tin-dung-xanh-va-nang-luc-can-tranh-cua-cac-ngan-hang-viet-nam-tac-gia-tran-le-hoang-an-nguyen-thi-lam-anh-11324.html>

[134] <https://vietnamlawmagazine.vn/green-finance-fuels-vietnams-agricultural-transformation-74379.html>

[135] Agribank (2025). Tín dụng xanh: Động lực chuyển đổi và bứt phá cho nông nghiệp Hà Nội trong kỷ nguyên phát triển bền vững. Truy cập tại:

<https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/tin-tuc-su-kien/cac-tin-khac/tuoi-tre-agribank/tin-dung-xanh-dong-luc-chuyen-doi-va-but-pha-cho-nong-nghiep-ha-noi-trong-ky-nguyen-phat-trien-ben-vung>

[136] Agribank (2025). Tín dụng xanh: Động lực chuyển đổi và bứt phá cho nông nghiệp Hà Nội trong kỷ nguyên phát triển bền vững. Truy cập tại:

<https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/tin-tuc-su-kien/cac-tin-khac/tuoi-tre-agribank/tin-dung-xanh-dong-luc-chuyen-doi-va-but-pha-cho-nong-nghiep-ha-noi-trong-ky-nguyen-phat-trien-ben-vung>

Tín dụng xanh dành cho các dự án thường đòi hỏi thời gian trung - dài hạn, vốn lớn, thời gian hoàn vốn dài, rủi ro cao, trong khi nguồn vốn để cho hoạt động tín dụng của TCTD thường ngắn. Thực tế, tín dụng xanh không hoàn toàn đến từ vốn tự có hay vốn huy động của ngân hàng, mà phần lớn các NHTM thường có xu hướng sử dụng dòng vốn quốc tế từ các tổ chức, định chế tài chính quốc thông qua các chương trình cho vay, tài trợ, uỷ thác tài chính (vai trò trung gian tài chính) và phát hành trái phiếu. Khi nhận nguồn vốn từ những tổ chức quốc tế này, NHTM cần tuân thủ theo quy định của những tổ chức này và của NHNN, pháp luật Việt Nam, bao gồm tuân thủ các tiêu chuẩn ESG, thực hiện đánh giá rủi ro môi trường. Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách đóng vai trò lớn trong việc cung cấp tín dụng ưu đãi cho các dự án phát triển bền vững, nông nghiệp xanh, xử lý môi trường và hạ tầng nông thôn, nhờ vào nguồn vốn ngân sách và ODA^[137].

Dưới sự hỗ trợ kỹ thuật của Ngân hàng Thế giới (nhóm Tư vấn về Tài chính Bền vững và ESG), Khối Tài chính, Năng lực Cạnh tranh và Đổi mới (FCI) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), để tài trợ cho các dự án trong nhiều lĩnh vực gồm nông nghiệp xanh^[138], Ngân hàng BIDV đã thành công phát hành trái phiếu xanh vào năm 2023 (2,5 nghìn tỷ đồng) cho các dự án bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát thải, tiết kiệm năng lượng và trái phiếu

bền vững vào năm 2024 (3 nghìn tỷ đồng) cho các dự án có tác động tích cực đến môi trường và xã hội^[139]. Ngoài ra, lĩnh vực nông nghiệp xanh cũng nằm trong nhóm dự án nhận được tài trợ theo Khung trái phiếu xanh^[140] và Khung trái phiếu bền vững của Ngân hàng Vietcombank. Lĩnh vực nông nghiệp xanh là một trong bảy lĩnh vực được ngân hàng này tài trợ vốn trong đợt phát hành thành công 2 nghìn tỷ đồng trái phiếu xanh^[141].

Như vậy, chính sách thúc đẩy tài chính xanh và thực hành huy động nguồn vốn của NHTM tạo cơ hội tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, HTX đang có những thực hành về bảo vệ môi trường hoặc mang lại lợi ích về môi trường, hay những chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, bền vững.

[137] Trần Lê Hoàng An, Nguyễn Thị Lâm Anh (2025). Thực trạng hoạt động cấp tín dụng xanh và năng lực cạnh tranh của các ngân hàng Việt Nam. Truy cập tại: <https://hvn.edu.vn/tapchi/vi/thang-7cd-2025/thuc-trang-hoat-dong-cap-tin-dung-xanh-va-nang-luc-can-ting-cua-cac-ngan-hang-viet-nam-tac-gia-tran-le-hoang-an-nguyen-thi-lam-anh-11324.html>

[138] Khung trái phiếu xanh, Truy cập tại: https://bidv.com.vn/wps/wcm/connect/cec0c9e6-ced7-4466-8f16-cb77a46bd6c8/BIDV_Green+Bond+Framework.pdf?MOD=AJPERES&CACHEID=ROOTWORKSPACE-cec0c9e6-ced7-4466-8f16-cb77a46bd6c8-ojBZXfR

Và Khung trái phiếu bền vững. Truy cập tại: https://bidv.com.vn/wps/wcm/connect/f8070b7d-660a-4b0b-b209-1c0b218b4f4f/BIDV_Sustainability+Bond+Frameworks.pdf?MOD=AJPERES&CACHEID=ROOTWORKSPACE-f8070b7d-660a-4b0b-b209-1c0b218b4f4f-p9MbJ9

[139] Ngân hàng Thế giới (2024). Viet Nam's Oldest Bank BIDV Issues Green Bond and Sustainability Bond in the Domestic Market. Truy cập tại: <https://thedocs.worldbank.org/en/doc/34f66dd99b83f50d8ec797a1ba686b38-0340012024/original/Case-Study-Viet-Nam-BIDV-green-bond-TA.pdf>

[140] Vietcombank (u.d) Khung trái phiếu xanh. Truy cập tại: https://www.vietcombank.com.vn/-/media/Project/VCB-Sites/VCB/Tin-tuc/2024/Vietcombank/Vietcombank_202411/Vietcombank_20241111/VCB---Khung-trai-phieu-xanh-final.pdf?ts=20241114071855

Vietcombank (2025) Khung trái phiếu bền vững. Truy cập tại: https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/Trang-thong-tin-dien-tu/Articles/2025/12/19/20251218_VCB-ban-hanh-Khung-trai-phieu-ben-vung

[141] Vietcombank (2024). Vietcombank phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu xanh, góp phần thúc đẩy kinh tế xanh tại Việt Nam. Truy cập tại: https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/Trang-thong-tin-dien-tu/Articles/2024/11/15/20241115_Vietcombank-phat-hanh-trai-phieu-xanh#:~:text=Vietcombank%20ph%C3%A1t%20h%C3%A0nh%20t%C3%A0nh%20c%C3%B4ng,t%E1%BA%BF%20xanh%20t%E1%BA%A1%20V%E1%BB%87%20Nam

5.2.3. Tài chính cho chuyển đổi

Tài chính xanh như đề cập ở trên đang tập trung dành cho những dự án nông nghiệp đã có chứng chỉ, thực hành nông nghiệp bền vững song chưa nhằm mục đích phục vụ chuyển đổi xanh trong ngành này. Nông hộ, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp có nhu cầu tài chính trong việc khởi nghiệp hoặc chuyển đổi sang phương thức sản xuất để đạt được thực hành nông nghiệp xanh, nông nghiệp bền vững cần tiếp cận đến loại hình tài chính cho chuyển đổi - thông qua chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 6 năm 2025^[142], cùng với Thông tư số 29/2025/TT-NHNN của NHNN hướng dẫn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn^[143]. Theo đó, quy định chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn với hạn mức tín dụng xem xét cho vay không có tài sản đảm bảo tối đa là 70% giá trị của dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp đáp ứng tiêu chí về kinh tế tuần hoàn theo quy định của pháp luật. Bên

cạnh đó, hạn mức tín dụng tối đa không có tài sản bảo đảm do các tổ chức tín dụng cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, chủ trang trại, HTX, liên hiệp HTX được nâng lên mức 300 triệu đồng - 5 tỷ đồng tùy đối tượng so với mức 50 triệu đồng - 3 tỷ đồng trong quy định cũ^[144]. Những thay đổi chính sách này khi được thực hiện trong thực tế được kỳ vọng sẽ giúp tăng số lượng HTX tiếp cận đến nguồn tài chính này. Tính đến 02/2024, dư nợ tín dụng cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP được sửa đổi một số điều ở Nghị định 116/2018/NĐ-CP thấp hơn 0,04% dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế^[145].

Những thay đổi trong chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn gần đây là động lực cho các tác nhân ngành nông nghiệp mở rộng quy mô và đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp bền vững, xanh, tuần hoàn, phát triển chuỗi nông nghiệp, chế biến sâu, ứng dụng số.

[142] Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16-06-2025. sửa đổi, bổ sung một số điều. Truy cập tại <https://vbpl.vn/boquocphong/Pages/vbpq-thuoc tinh-hopnhat.aspx?ItemID=178963>

[143] Thông tư số 29/2025/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, ngày 30/9/2025. Truy cập tại: <https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/thong-tu-so-29-2025-tt-nhnn-46324.htm>

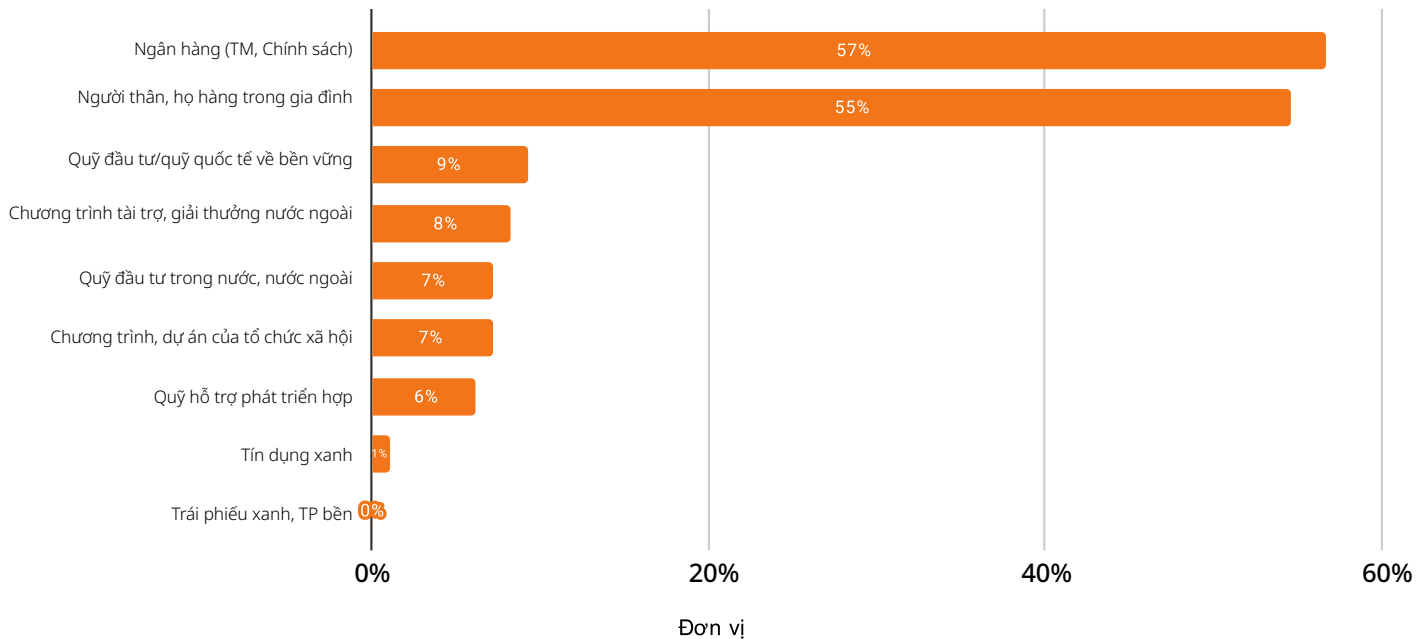
[144] Điều 9 và Điều 14 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16-06-2025. sửa đổi, bổ sung một số điều của. Truy cập tại <https://vbpl.vn/boquocphong/Pages/vbpq-thuoc tinh-hopnhat.aspx?ItemID=178963>

[145] Vũ, M., Lương, A. (2024) Cải thiện tín nhiệm doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã, trang trại và hộ nông dân trong thu hút vốn tín dụng chính sách, phát triển sản xuất, kinh doanh. Truy cập tại <https://tapchinganhang.gov.vn/cai-thien-tin-nhiem-doanh-nghiep-nong-nghiep-hop-tac-xa-trang-trai-va-ho-nong-dan-trong-thu-hut-von-tin-dung-chinh-sach-phat-trien-san-xuat-kinh-doanh-183.html>

5.3. Tiếp cận tài chính cho nông nghiệp bền vững

Theo kết quả khảo sát, các đơn vị tham gia khảo sát tiếp cận tài chính cho hoạt động của mình qua nhiều nguồn khác nhau, như hình 16 chỉ ra.

Nguồn tiếp cận (n=97)



Hình 16: Nguồn tiếp cận tài chính

Hai kênh tiếp cận chính của các đơn vị trong khảo sát là:

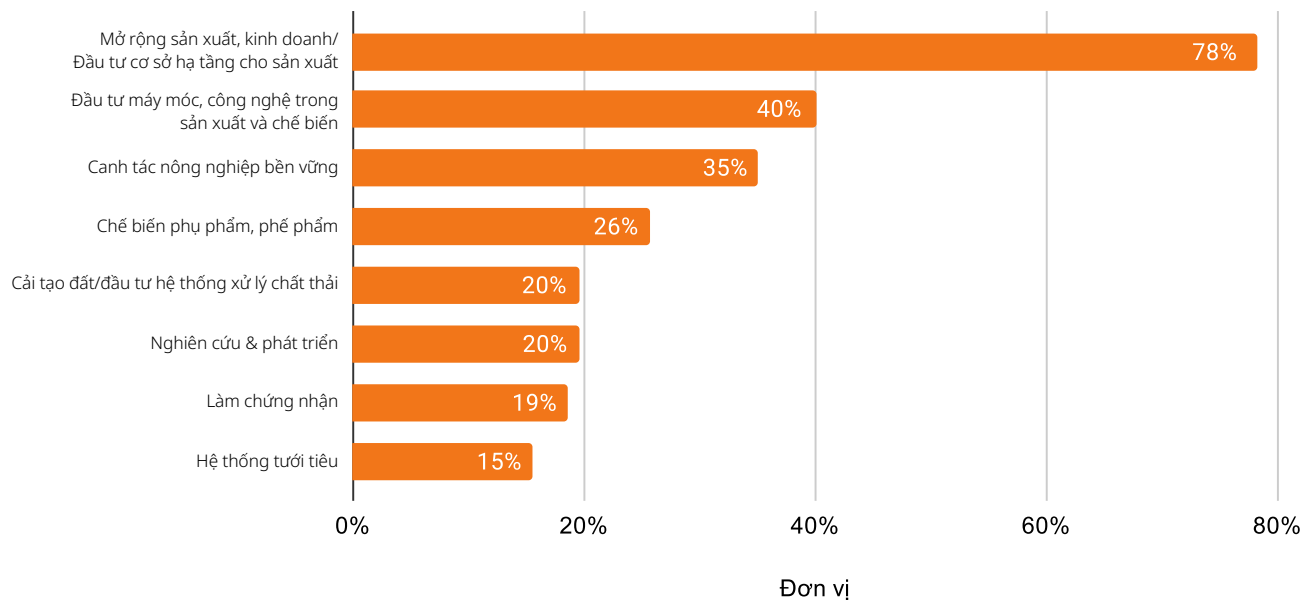
- Tổ chức tín dụng gồm NHTM và Ngân hàng Chính sách (57%). Đây là kênh tiếp cận nguồn vốn truyền thống, cho thấy vai trò tài chính trong dẫn dắt chuyển đổi và thực hành nông nghiệp bền vững vẫn phụ thuộc nhiều vào nhóm ngân hàng.
- Từ họ hàng và người thân (55%). Ngoài ra, với đặc thù mùa vụ, khi có nhu cầu tài chính gấp, nông hộ có thể đi vay từ bên thu mua hoặc mua chịu từ các cơ sở cung cấp dịch vụ nông nghiệp^[146].

Trong khi đó tỷ lệ đơn vị tiếp cận đến các nguồn tài chính bền vững ở mức rất khiêm tốn.

- 9% đơn vị tiếp cận nguồn vốn đầu tư từ các quỹ đầu tư trong nước và quốc tế, bao gồm các quỹ về môi trường, biến đổi khí hậu, ESG và tác động xã hội.
- 1% đơn vị tiếp cận đến tín dụng xanh.
- Chưa có đơn vị nào tiếp cận đến trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững.

[146] Phỏng vấn sâu: PVS-DN2

Mục đích sử dụng vốn (n=97)



Hình 17: Mục đích sử dụng nguồn vốn

Hình 17 cho thấy mục đích sử dụng vốn của các đơn vị rất đa dạng. Trong đó, hai mục đích chính là:

- (i) Mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng (78%);
- (ii) Đầu tư máy móc, công nghệ (40%).

Mục đích liên quan đến thực hành nông nghiệp theo khung ESG gồm:

- (i) Thực hiện canh tác nông nghiệp xanh, nông nghiệp bền vững (35%); Trong đó, các 50% đơn vị trong ngành cà phê và 40% ngành lúa gạo sử dụng nguồn vốn cho thực hiện canh tác nông nghiệp bền vững, nông nghiệp xanh. Điều này cho thấy ngành lúa gạo nói riêng đang có những dịch chuyển sang mô hình canh tác hướng đến chất lượng và bền vững.

- (ii) Kinh tế tuần hoàn thông qua sử dụng phụ phẩm, phế phẩm trong nông nghiệp (26%). Trong đó, 44% đơn vị trong ngành cà phê sử dụng vốn cho mục đích này.

- (iii) Cải tạo đất/ xử lý chất thải (20%).

- (iv) Làm chứng nhận cho sản phẩm (19%).

5.3.1. Tiếp cận tín dụng xanh

Chỉ có 14% đơn vị cho rằng thực hành khung ESG có thể tiếp cận đến tài chính bền vững (như tín dụng xanh).

Theo danh mục phân loại xanh, trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, các loại hình, dự án đầu tư gồm trồng cây hàng năm và lâu năm theo tiêu chuẩn bền vững; Nuôi trồng thủy sản bền vững; Sản xuất chế biến thực phẩm bền vững; Canh tác bền vững; Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và bảo vệ tài nguyên đất; Thu gom, xử lý, tái sử dụng, sản xuất các sản phẩm, vật liệu hữu ích từ phụ phẩm, chất thải tạo ra từ hoạt động nông nghiệp, thủy sản. Một trong những yêu cầu chính là có chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế^[147] quốc gia ký thỏa thuận công nhận, chứng nhận tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững của quốc gia (VFCS/PEFC ST 1003:2019) hoặc quốc tế. Mặc dù vậy, có những tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp bền vững, nông nghiệp tốt mới chỉ là một trong những yêu cầu tiếp cận tín dụng, đơn vị đi vay vẫn cần đáp ứng những tiêu chí tín dụng của bên cho vay.

Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 1/97 đơn vị tiếp cận được nguồn tài chính xanh (tín dụng xanh), trong khi có tới 32 đơn vị đã tham gia các chứng nhận nông nghiệp bền vững quốc tế. Điều này cho thấy khoảng cách lớn hiện nay không nằm ở việc các đơn vị có hay không thực hiện các thực hành bền vững, mà nằm ở khả năng chuyển hóa các thực hành này thành hồ sơ, dữ liệu và các điều kiện đáp ứng yêu cầu của các sản phẩm tài chính xanh. Bên cạnh đó, các HTX và MSMEs ít có cơ hội tiếp cận nguồn tài chính xanh hơn so với các doanh nghiệp lớn. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc các doanh nghiệp lớn có lợi thế về nguồn lực, năng lực quản trị và khả năng tiếp cận

các chương trình hỗ trợ, giúp họ đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về ESG và điều kiện thẩm định tín dụng của các tổ chức tài chính. Trong bối cảnh này, các tổ chức tài chính giữ vai trò then chốt trong việc tạo điều kiện cho MSMEs và HTX tiếp cận tài chính bền vững, thông qua việc thiết kế các sản phẩm tài chính phù hợp, giải quyết các hạn chế đặc thù về vốn và năng lực, đồng thời gắn kết với các chính sách hỗ trợ liên quan.

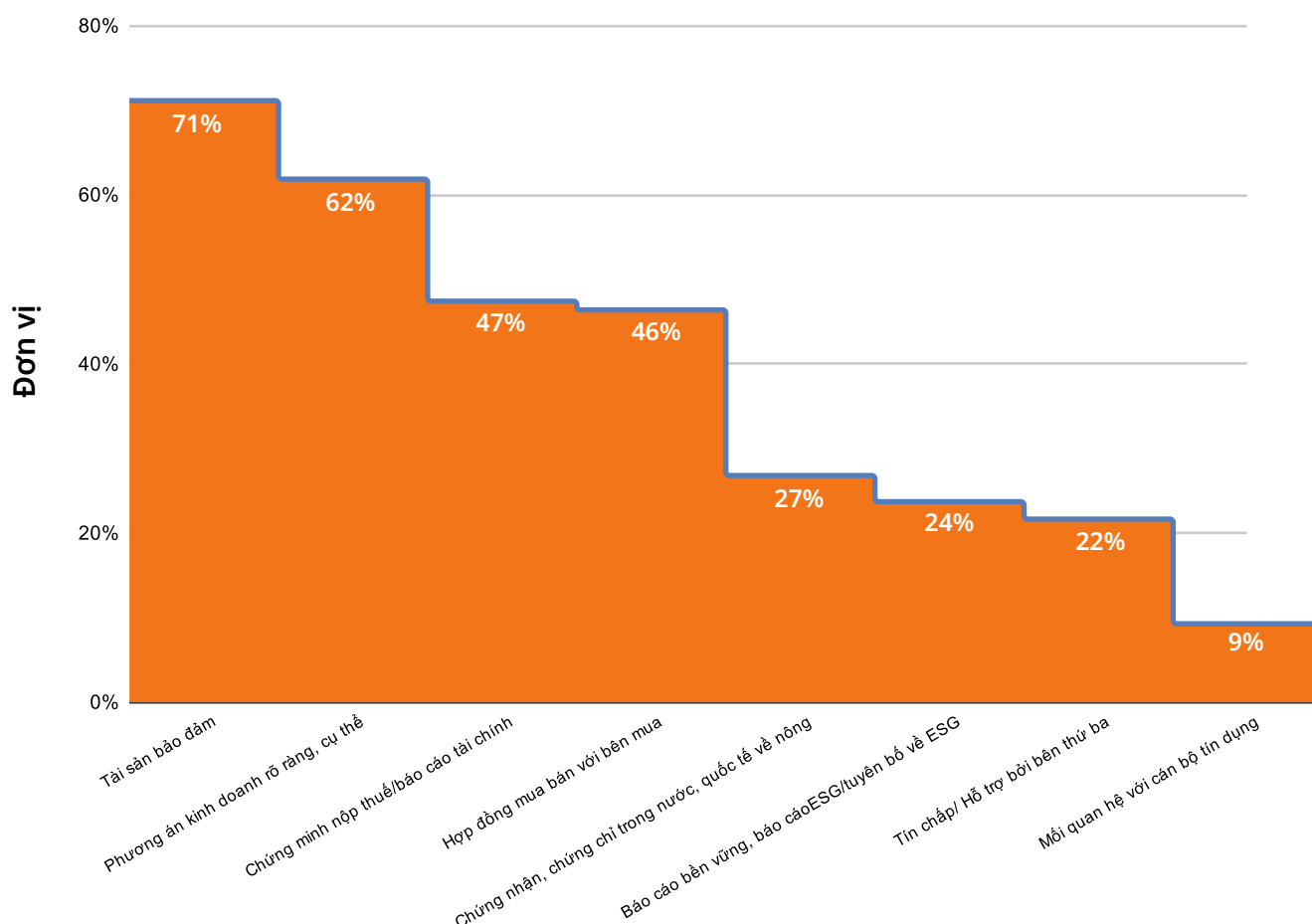
Thách thức đối với MSMEs và HTX không nằm ở yêu cầu về chứng nhận nông nghiệp hay thực hành khung ESG mà là những yêu cầu truyền thống về tín dụng đó là năng lực về tài chính - vốn đối ứng và tài sản bảo đảm. Năng lực quản lý của các HTX, MSMEs có vai trò then chốt trong việc định hình mức độ tham gia của họ vào tài chính xanh^[148]. Kết quả khảo sát cho thấy, 72% đơn vị cho rằng cần có tài sản đảm bảo; và có phương án kinh doanh rõ ràng, cụ thể (62%) để có thể tiếp cận đến nguồn tín dụng, như hình 18. Hầu hết các doanh nghiệp nông nghiệp, HTX, nông hộ đều gặp hạn chế và khó khăn về yêu cầu này.

[147] Quyết định số 198/2025/QH15 của Thủ tướng Chính phủ: Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, ngày 04/7/2025. Xem tại: <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2025/7/21-ttg.signed.pdf>

[148] Phòng vấn sâu: PVS-DN03 và Vũ, M., Lương, A. (2024) Cải thiện tín nhiệm doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã, trang trại và hộ nông dân trong thu hút vốn tín dụng chính sách, phát triển sản xuất, kinh doanh.

Truy cập tại <https://tapchinganhang.gov.vn/cai-thien-tin-nhiem-doanh-nghiep-nong-nghiep-hop-tac-xa-trang-trai-va-ho-nong-dan-trong-thu-hut-von-tin-dung-chinh-sach-phat-trien-san-xuat-kinh-doanh-183.html>

Điều kiện tiếp cận tài chính (n=97)



Điều kiện tiếp cận tài chính

Hình 18: Điều kiện tiếp cận tài chính

Ngoài ra, những yêu cầu khác về quản trị và liên quan đến khung ESG:

- Chứng minh nộp thuế hoặc báo cáo tài chính (47%);
- Có hợp đồng mua bán với bên mua (46%);
- Có giấy chứng nhận, chứng chỉ trong nước, quốc tế về nông nghiệp (27%);
- Có Báo cáo bền vững, báo cáo ESG/tuyên bố thực hành về ESG (24%).

Hộp 11: Chia sẻ từ một HTX trong ngành cà phê tại Lâm Đồng

Là một trong những HTX điển hình của chuỗi giá trị sản xuất và thương mại cà phê tại xã Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng với sự tham gia của 20 nông hộ, các thành viên trong HTX tham gia nhiều chương trình/dự án hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường năng lực và các chương trình vay vốn khác nhau.

Cụ thể, với các hỗ trợ tăng cường năng lực, nhiều thành viên của HTX tham gia các lớp tập huấn về canh tác cà phê bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ độc canh sang xen canh hay tập huấn về sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ đúng cách.

Trước đây, thông qua dự án hỗ trợ của một tổ chức xã hội, HTX được hỗ trợ quỹ xoay vòng mua phân bón là 50 triệu/tổ. Quỹ có quy chế riêng như mỗi hộ được vay 5 triệu và trả lãi cho quỹ 200.000đ/năm.

Để các thành viên trong HTX chuyển đổi thực hành canh tác theo hướng bền vững, một trong những khó khăn chính là khả năng tiếp cận nguồn tài chính, vốn vay để đầu tư chuyển đổi. Ví dụ, để tiếp cận được vốn vay của quỹ hỗ trợ phát triển HTX, ngoài tài sản bảo đảm, HTX buộc phải có vốn đối ứng, đang áp dụng mức 40% tổng mức đầu tư dự án (nguồn đối ứng có thể là cây giống, phân bón).

Một trong những khó khăn khác là diện tích canh tác của các nông hộ thuộc HTX còn manh mún, diện tích lớn nhất của nông hộ thành viên HTX chỉ đạt 0,5 ha, địa hình đất dốc nên phụ thuộc nhiều vào tự nhiên (nước tưới tự nhiên) và khó cơ giới hóa trong quá trình canh tác, sản xuất, trong khi chuỗi liên kết không ổn định.

Thách thức về tiếp cận thông tin được cho là một trong những rào cản. Có 80% đơn vị chưa tiếp cận đến thông tin về tín dụng xanh. Thông tin này bao gồm “Không biết tiếp cận bằng cách nào, ở đâu và phải chuẩn bị những gì”^[149], “Chưa rõ thông tin cụ thể để có thể tiếp cận”^[150], “Chưa nắm bắt được rõ thông tin của chương trình và thiếu sự hướng dẫn cụ thể”^[151], “Thông tin chưa nhiều, chưa có nhiều người giới thiệu, thông tin”^[152].

Những đơn vị biết về báo cáo bền vững/ESG thường đã nghe về tài chính xanh, tín dụng xanh (nhóm nhận thức cao hơn về chủ đề xanh/ESG).

Thách thức liên quan đến năng lực quản trị, mô hình kinh doanh 11% đơn vị cho biết gặp thách thức này như “Chưa đủ kiến thức để xây dựng hồ sơ, dự án đáp ứng tiêu chí xanh, năng lực”^[153].

Thách thức liên quan đến ngân hàng: Kết quả khảo sát cho thấy 64% đơn vị cho rằng có chứng nhận nông nghiệp bền vững dễ tiếp cận nguồn vốn hơn. Chứng nhận quốc tế sẽ dễ được các ngân hàng chấp nhận hơn so với những chứng nhận trong nước^[154]. Tuy vậy, việc thực hành khác nhau phụ thuộc hiểu biết của cán bộ tín dụng về các loại chứng nhận trong ngành nông nghiệp^[155]. Ngoài ra, doanh nghiệp nhận được tín dụng với lãi suất ưu đãi lại đối mặt với khó khăn về thủ tục như báo cáo, giấy tờ yêu cầu của ngân hàng chiếm nhiều thời gian hơn so với việc đi vay với lãi suất thị trường từ ngân hàng^[156]. Điều này làm tăng chi phí của doanh nghiệp khi sử dụng vốn ưu đãi so với đi vay với lãi suất thông thường.

[149] Bảng khảo sát SN01

[150] Bảng khảo sát HTX04

[151] Bảng khảo sát VVN17

[152] Bảng khảo sát HTX24

[153] Bảng khảo sát SN17

[154] Phỏng vấn sâu PVS-CP02, PVS-CG03, PVS-CP02

[155] Chia sẻ của một doanh nghiệp tại hội thảo tham vấn vào tháng 2/2026

[156] Phỏng vấn sâu: PVS-DN01, PVS-CG03

5.3.2. Nguồn vốn từ các quỹ đầu tư

Các Quỹ đầu tư về bền vững, như Quỹ đầu tư quốc tế về môi trường, ESG, tác động xã hội cũng là một cơ hội cho các đơn vị, đặc biệt là đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ, thực hiện nông nghiệp bền vững, xanh, kinh tế tuần hoàn, mặc dù tỷ lệ đơn vị tiếp cận vẫn còn hạn chế (9%). Những đơn vị có kinh nghiệm tham gia Chương trình tài trợ, giải thưởng nước ngoài thường là những đơn vị có kinh nghiệm tiếp cận đến Quỹ đầu tư/quỹ quốc tế về môi trường, biến đổi khí hậu, ESG, tác động xã hội.

Doanh nghiệp khởi nghiệp trong ngành nông nghiệp có thể tiếp cận vốn từ các loại hình quỹ đầu tư khác nhau theo từng giai đoạn phát triển. Bảng 2 ở dưới mô tả ngắn gọn các giai đoạn tiếp cận vốn từ các loại hình nhà đầu tư khác nhau cho doanh nghiệp, từ lúc khởi nghiệp, xây dựng ý tưởng kinh doanh.

Bảng 1: Giai đoạn tiếp cận vốn cho từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp

Giai đoạn phát triển	Giai đoạn xây dựng, thành lập	Giai đoạn ban đầu (early)	Giai đoạn trung và hậu
Đặc điểm	Chưa tạo ra doanh thu Doanh nghiệp có ý tưởng kinh doanh, thử nghiệm sản phẩm/ dịch vụ hoặc đang Phát triển sản phẩm/ dịch vụ.	Chưa tạo ra lợi nhuận. Doanh nghiệp chứng minh được mô hình nguồn thu, hoặc có nền tảng khách hàng giúp doanh nghiệp mở rộng, tăng trưởng với chiến lược kinh doanh tạo doanh thu cụ thể.	Tạo ra lợi nhuận và dòng tiền Doanh nghiệp không chỉ tạo ra doanh thu mà còn phát triển biên lợi nhuận, dòng tiền ổn định, và có khả năng hấp thụ nguồn vốn vay lớn.
Nhu cầu vốn	Đánh giá tính khả thi Khảo sát tiềm năng thị trường Nghiên cứu sơ bộ mở rộng quy mô hoạt động và gia tăng hiện diện trên thị trường.	Nhu cầu vốn lớn hơn để mở rộng hoạt động kinh doanh, hoàn thiện sản phẩm và tận dụng các cơ hội thị trường cụ thể.	Mở rộng thị phần, cải tiến sản phẩm và tăng cường xây dựng thương hiệu.
Loại hình quỹ đầu tư	Vốn mồi (Pre-Seeding, hoặc Seeding). Từ Quỹ đầu tư, nhà đầu tư 'thiên thần' (angel fund), từ bạn bè, người thân trong gia đình, và tiền từ người sáng lập.	Vốn đầu tư mạo hiểm (Venture Capital). Từ nhà đầu tư lớn, quỹ chuyên nghiệp.	Quỹ đầu tư tư nhân (Private Equity). Từ nhà đầu tư lớn, quỹ chuyên nghiệp.

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp dựa trên nguồn nghiên cứu tài liệu và phỏng vấn sâu^[157]

[157] NSSC (u.d) Các giai đoạn gọi vốn của startup tại Việt Nam. Truy cập tại: <https://vn.nssc.gov.vn/startup-stories/phan-tich-chuyen-sau/cac-giai-doan-goi-von-cua-startup-tai-viet-nam/>

Và Pruss, M. (2025) The Ultimate Guide to Startup Funding Stages. Truy cập tại: <https://visible.vc/blog/startup-funding-stages/>

Và Vipond, T. (2018) Private Equity vs Venture Capital, Angel/Seed Investors. Truy cập tại: <https://corporatefinanceinstitute.com/resources/equities/private-equity-vs-venture-capital-vs-angel-seed/>

Và Phỏng vấn sâu PVS-TC02 và PVS-DN03

Ở Việt Nam, chưa có nhiều quỹ, nhà đầu tư quan tâm đến những SMEs giải quyết các vấn đề môi trường hay tạo tác động xã hội, môi trường. Hiện, một số quỹ của các tổ chức tài chính lớn có định hướng đầu tư cho các SMEs thường có nguồn vốn đầu tư lớn và vượt khả năng năng lực quản lý và hấp thụ nguồn vốn này của doanh nghiệp. Điều này cho thấy khoảng cách giữa nhu cầu đầu tư của quỹ và khả năng hấp thụ vốn của SMEs. Trong khi đó, với loại hình quỹ đầu tư tư nhân (private equity), thường đòi hỏi có sự kiểm soát và tham gia, dưới hình thức đóng góp cổ phần, do vậy, các doanh nghiệp khởi nghiệp không có nhiều hứng thú với hình thức này do lo ngại mất tính sở hữu^[158]. Tuy vậy, những khoản đầu tư này chủ yếu cho giai đoạn khi sản phẩm đã được đưa ra thị trường.

Bên cạnh đó, sự hiện diện của quỹ hay nhà đầu tư ‘thiên thần’ (angel fund) dành cho những doanh nghiệp đang trong giai đoạn thử nghiệm, xây dựng sản phẩm, và chưa đưa ra thị trường vẫn còn thiếu vắng^[159].

Ngoài ra, ngành nông nghiệp là ngành rủi ro cao, đầu tư cho nông nghiệp bền vững, thực hành nông nghiệp theo khung ESG những khoản đầu tư thời gian dài và thường không phải ưu tiên của các nhà đầu tư^[160]. Ví dụ, thực hiện mô hình nông nghiệp tái sinh thường đòi hỏi thời gian dài, tầm 4-5 năm, do vậy, khó thu hút vốn đầu tư. Khảo sát đầu tư tư nhân 2025 cho biết chỉ có 2% người tham gia khảo sát cho rằng Nông nghiệp là ngành đầu tư hấp dẫn, trong khi đó, 16% cho rằng Công nghệ là ngành hấp dẫn, sau Y tế và Dược phẩm^[161]. Hiện xuất hiện một số quỹ đầu tư dành cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, tập trung vào nông nghiệp ở khu vực ĐBSCL^[162]. Với đặc thù về đầu tư và tài chính là tính xuyên biên giới của dòng tiền, một trong những khó khăn đối với những doanh nghiệp là thời gian kéo dài và thủ tục phức tạp trong việc nhận khoản tiền này và tùy thuộc vào năng lực của cán bộ ngân hàng^[163].

Hộp 12: Tiếp cận vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp trong ngành nông nghiệp - Trường hợp của Shoes Agtech

Xuất phát từ những khó khăn rất thực tế của nông dân trồng lúa tại Đồng bằng sông Cửu Long - phải lội ruộng, tiếp xúc thường xuyên với hóa chất và phụ thuộc nhiều vào lao động thủ công - nhóm sáng lập Shoes Agtech đã phát triển robot nông nghiệp Airboots, còn được gọi là “đôi giày không khí” của nông nghiệp Việt Nam. Thiết bị này có thể di chuyển dưới mặt ruộng và thực hiện các thao tác như gieo hạt, phun thuốc, bón phân một cách chính xác, giúp giảm tiếp xúc hóa chất cho nông dân, tiết kiệm đầu vào và nâng cao năng suất so với phương thức canh tác truyền thống cũng như mô hình sử dụng máy bay không người lái.

Trong giai đoạn đầu phát triển sản phẩm, Shoes Agtech chủ yếu tiếp cận nguồn vốn thông qua các cuộc thi đổi mới sáng tạo và quỹ đầu tư thiên thần. Năm 2023, doanh nghiệp nhận được khoản đầu tư đầu tiên từ một quỹ thiên thần tại Singapore; năm 2024, Airboots giành Giải Nhất AiViet Innovation và tiếp tục nhận đầu tư từ Quỹ Ái Việt Venture; đến năm 2025, doanh nghiệp được lựa chọn tham gia chương trình Shinhan Square Bridge để thử nghiệm sản phẩm trên thị trường. Các nguồn vốn này phù hợp với giai đoạn thử nghiệm, khi doanh nghiệp chưa có doanh thu ổn định và chưa chịu áp lực sinh lời trong ngắn hạn, đồng thời giúp doanh nghiệp tiếp cận mạng lưới cổ vấn và nhà đầu tư chiến lược.

Tuy nhiên, khi bước sang giai đoạn mở rộng thị trường, nhu cầu vốn của doanh nghiệp tăng nhanh để sản xuất, hoàn thiện sản phẩm và phát triển kênh phân phối. Trong khi đó, các khoản tài trợ từ giải thưởng và quỹ thiên thần thường có quy mô nhỏ, còn tín dụng ngân hàng lại khó tiếp cận do doanh nghiệp chưa có tài sản bảo đảm và dòng tiền ổn định. Trường hợp của Shoes Agtech cho thấy một khoảng trống rõ rệt về tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp nông nghiệp ở giai đoạn tăng trưởng - giai đoạn then chốt để các giải pháp công nghệ phục vụ nông nghiệp bền vững có thể được nhân rộng trên thực tế.

Câu chuyện này cũng minh họa vai trò của nông nghiệp chính xác (precision agriculture) như một hướng tiếp cận quan trọng trong thực hành ESG, khi công nghệ giúp kiểm soát tốt hơn việc sử dụng vật tư đầu vào, giảm phát thải và rủi ro môi trường, đồng thời cải thiện điều kiện lao động cho nông dân. Tuy vậy, để các mô hình như Airboots có thể phát triển từ thử nghiệm sang thương mại hóa, cần có các cơ chế tài chính phù hợp hơn cho đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ giai đoạn đầu và giai đoạn mở rộng quy mô.

[158] Phỏng vấn sâu PVS-TC02

[159] Phỏng vấn sâu PVS-TC02 và PVS-DN03

[160] Phỏng vấn sâu PVS-TC02

[161] Grant Thornton (2025). Khảo sát đầu tư tư nhân Việt Nam 2025. Những điểm sáng. Truy cập tại:

<https://www.grantthornton.com.vn/contentassets/3025e1993bd94bdf9260e3065bfd054c/grant-thornton-vietnam-private-equity-in-vietnam-2025---vietnamese-version.pdf>

[162] Phỏng vấn sâu PVS-TC02

[163] Phỏng vấn sâu PVS-TC02 và PVS-DN03

5.3.3 Nhu cầu về nguồn vốn và về hỗ trợ kỹ thuật

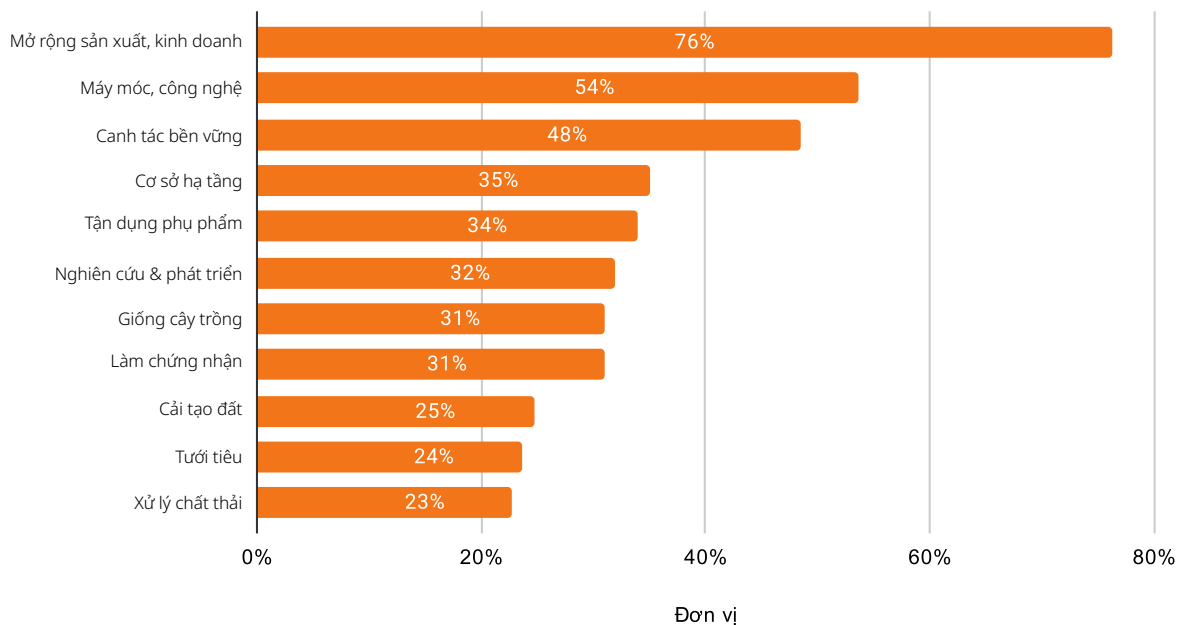
Nhu cầu về tài chính bền vững sẽ ngày càng tăng lên trong thời gian từ 1-3 năm tới. Những đơn vị đang thực hành canh tác xanh/bền vững có xu hướng có nhu cầu tài chính cho mô hình nông nghiệp bền vững cao hơn. Theo hình 19, ba nhu cầu ưu tiên có liên quan đến ESG gồm:

- (i) Thực hiện mô hình canh tác nông nghiệp xanh, nông nghiệp bền vững (48%); đặc biệt trong ngành cà phê (63% đơn vị) và ngành lúa gạo (61%);

- (ii) Chế biến, tận dụng phụ phẩm, phế phẩm trong sản xuất nông nghiệp - kinh tế tuần hoàn (34%); đặc biệt trong ngành rau quả (38%).

- (iii) Trang trải chi phí làm chứng nhận cho sản phẩm (31%). Những đơn vị trong ngành lúa gạo có nhu cầu tài chính cao để trang trải chi phí làm chứng nhận (44%).

Nhu cầu tài chính trong 1 - 3 năm tới



Hình 19: Nhu cầu tài chính trong 1 - 3 năm tới

Ngoài ra, nhu cầu về nguồn vốn mang tính đầu tư dài hạn gồm:

- Mở rộng sản xuất, kinh doanh (76%).
- Đầu tư máy móc, công nghệ hỗ trợ cải tiến trong sản xuất và chế biến (54%);
- Giống cây trồng (31%);
- Cải tạo đất (25%) và Hệ thống tưới tiêu (24%). Những đơn vị có nhu cầu vốn cho cải tạo đất đồng thời có nhu cầu cho cho hệ thống chất thải

Hộp 13: Vai trò của các tổ chức trung gian

Các tổ chức xã hội thể hiện vai trò trong hỗ trợ các nhóm HTX, MSME về ESG, để từ đó tăng cơ hội tiếp cận nguồn tài từ quỹ đầu tư quốc tế, chương trình tài trợ, giải thưởng nước ngoài. Những đơn vị đã hoặc đang hoặc đang tiếp cận chương trình, dự án của tổ chức xã hội về các chủ đề ESG thường cũng là những đơn vị có kinh nghiệm tiếp cận quỹ đầu tư, đặc biệt là những quỹ quốc tế về môi trường, biến đổi khí hậu, ESG, tác động xã hội; hoặc là những đơn vị tham gia các chương trình tài trợ, giải thưởng nước ngoài. Ngoài ra, đơn vị biết đến khái niệm đánh giá rủi ro ESG thường là những đơn vị có tham gia chương trình tài trợ/giải thưởng quốc tế.

Có 39% đơn vị có nhu cầu về tham gia các chương trình hỗ trợ của tổ chức xã hội, đoàn thể, điều này là cơ hội cho các tổ chức xã hội với kinh nghiệm và chuyên môn về môi trường, xã hội làm việc các HTX, MSMEs để tăng cường nhận thức, thực hành về ESG.

Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật

Để tiếp cận đến nguồn tài chính bền vững, những đơn vị trong ngành nông nghiệp có nhu cầu hỗ trợ chính kỹ thuật về:

Tiếp cận những cơ hội về tài chính:

- (i) Tiếp cận đến các nhà đầu tư chú trọng về các yếu tố bền vững, môi trường, xã hội, nhà đầu tư tạo tác động xã hội (62%);
- (ii) Tham gia các chương trình ưu đãi của nhà nước (44%);
- (iii) Tiếp cận đến các NHTM cho vay vốn (36%);
- (iv) Tiếp cận đến các nhà đầu tư nói chung (23%);
- (v) Tham gia các chương trình, cuộc thi gọi vốn (22%).

Nâng cao năng lực quản trị:

- (i) Phương án kinh doanh/Xây dựng hồ sơ vay vốn phù hợp với yêu cầu của bên cho vay (60%),
- (ii) Chiến lược/Năng lực của tổ chức về thực hiện, đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường - xã hội - quản trị (ESG) (44%);
- (iii) Năng lực quản trị, hệ thống của tổ chức (37%).

5.4. Quản trị rủi ro môi trường, xã hội

Ngành nông nghiệp được coi là ngành rủi ro cao, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu với sự thay đổi thời tiết, khí hậu cực đoan, biến động khó lường, kéo theo nguy cơ gia tăng rủi ro vật chất và rủi ro tài sản bị “mắc kẹt” trong quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thể hiện chỉ có 36% đơn vị nhận thức về các rủi ro này. Phân tích bổ sung cho thấy những đơn vị có hiểu biết về rủi ro ESG thường là những đơn vị có tham gia chương trình tài trợ/giải thưởng quốc tế.

Dưới góc nhìn đầu tư và cấp tín dụng, doanh nghiệp nông nghiệp cần xây dựng hệ thống quản trị rủi ro liên quan đến các yếu tố môi trường - xã hội. Ví dụ các hoạt động chế biến thủy, hải sản được đánh giá là có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, do đó các dự án đầu tư trong lĩnh vực này phải thực hiện đánh giá môi trường theo quy định^[164]. Khi xem xét, thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng, ngân hàng thực hiện đánh giá rủi ro môi trường đối với dự án này theo Thông tư số 17/2022/TT-NHNN của NHNN.

Một trong những công cụ để quản trị rủi ro là bảo hiểm nông nghiệp. Tuy nhiên, chỉ có 18% đơn vị trong khảo sát tham gia vào hình thức bảo hiểm nông nghiệp về thiên tai, bảo hiểm tài sản. Thực tế cho thấy, việc tham gia bảo hiểm nông nghiệp hiện nay chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp xuất khẩu, như một yêu cầu nhằm đáp ứng tiêu chuẩn của bên mua và các thị trường nhập khẩu. Trong khi đó, phần lớn các HTX và MSMEs chưa coi bảo hiểm là một công cụ quản trị rủi ro thiết yếu trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Hiện thị trường bảo hiểm nông nghiệp rất nhỏ, khoảng 1% tổng sản phẩm bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm tham gia vào thị trường này còn ít, chủ yếu chỉ có ba doanh nghiệp có vốn nhà nước tham gia là Bảo Minh, Bảo Việt, Agribic của Agribank. Những doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp

gặp khó khăn trong việc định giá sản phẩm, đặc biệt về bảo hiểm cho dịch bệnh, do thiếu đầy đủ về dữ liệu, nguồn thông kê. Ví dụ thông kê về tình trạng dịch bệnh không liên tục, chưa chi tiết có cấp xã, do vậy, xác định mức độ rủi ro chưa đầy đủ. Trong khi đó, BH cho rủi ro thiên tai có thể thực hiện với chỉ số thiên tai, thông tin đo đạc được công bố nhưng dữ liệu chỉ có ở mức độ ở cấp tỉnh. Với thông tin chưa đầy đủ để xác định mức rủi ro, doanh nghiệp bảo hiểm định giá sản phẩm cao và do đó, mức phí cao, khó tiếp cận đến nhóm nông hộ, HTX^[165].

Nghị định 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp đưa ra chính sách hỗ trợ mức phí bảo hiểm cho nông hộ thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và đơn vị như HTX, tổ liên kết thực hiện sản xuất hướng tới nông nghiệp sạch, công nghệ cao thân thiện với môi trường cho loại hình bảo hiểm về rủi ro thiên tai, rủi ro dịch bệnh trong các ngành cà phê, cây ăn quả, rau, nuôi trồng thủy sản (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra)^[166]. Tuy nhiên, hỗ trợ này mới được triển khai ở một số ít tỉnh. Tùy thuộc vào từng ngành hàng, vị trí địa lý, nhóm nông hộ, HTX sản xuất nông nghiệp sẽ có chịu những hình thức rủi ro khác nhau. Ví dụ, trong ngành lúa gạo, nhóm nông hộ, HTX tại khu vực ĐBSCL ít có nhu cầu, ít quan tâm đến mua bảo hiểm vì mô hình canh tác hiện tại ít bị ảnh hưởng bởi sâu bệnh, hơn nhóm tại khu vực miền Trung do hay chịu thiên tai^[167]. Trong ngành cà phê, nông hộ và HTX tại khu vực Tây Bắc có nhu cầu lớn và sẵn sàng chi trả mức 1,5 triệu đồng cho bảo hiểm liên quan đến rủi ro của thời tiết cực đoan như sương giá, sương muối. Thủy sản, nhu cầu cao về bảo hiểm cho dịch bệnh, không quan tâm lắm để bảo hiểm thiên tai. Hiện nay, Nghị định 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp đang được xem xét sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế chủ trì là Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm), và có sự tham gia chính của Bộ NN&MT. Sự phối hợp chuyên môn của hai Bộ là cần thiết để đảm bảo các nội dung kỹ thuật về nông nghiệp và về tài chính, bảo hiểm.

[164] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, ngày 10 tháng 01 năm 2022. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205092>

[165] Phỏng vấn sâu - PVS-CP02

[166] Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Về bảo hiểm nông nghiệp, ngày 18-04-2018. Truy cập tại: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=193536>

[167] Phỏng vấn sâu - PVS-CP02

CHƯƠNG 06

Kết luận và Khuyến nghị

- 6.1 Kết luận
- 6.2 Khuyến nghị

6.1. Kết luận

Báo cáo nghiên cứu nhằm tìm hiểu mức độ sẵn sàng thực hành khung ESG của các tác nhân trong chuỗi giá trị nông nghiệp, đồng thời phân tích thực trạng tiếp cận tài chính bền vững. Các phát hiện chính được tổng hợp từ khảo sát 97 doanh nghiệp và HTX trong chuỗi giá trị nông nghiệp, 15 cuộc phỏng vấn sâu với đại diện các bên liên quan và chuyên gia trong ngành, cùng với nghiên cứu tài liệu.

Ở cấp độ chính sách, những điều chỉnh gần đây trong chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đang tạo động lực cho các tác nhân trong chuỗi giá trị đổi mới phương thức sản xuất và kinh doanh theo hướng bền vững, xanh và tuần hoàn, đồng thời thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị, chế biến sâu và ứng dụng công nghệ. Các chính sách thúc đẩy tài chính xanh và huy động nguồn vốn của hệ thống ngân hàng thương mại mở ra cơ hội tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp và HTX đang thực hành nông nghiệp theo khung ESG. Trong bối cảnh đó, ngân hàng tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt dòng vốn vào phát triển bền vững.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy khả năng tiếp cận tài chính xanh của HTX và doanh nghiệp nông nghiệp vẫn còn hạn chế, chủ yếu do các yêu cầu về tài sản bảo đảm và năng lực nội tại, bao gồm vốn đối ứng, phương án kinh doanh và năng lực quản trị. Rào cản không chỉ nằm ở các yêu cầu liên quan đến thực hành ESG hay chứng nhận nông nghiệp bền vững, mà còn ở khả năng đáp ứng các điều kiện tài chính và hồ sơ tín dụng. Chỉ có 1/97 đơn vị trong khảo sát tiếp cận được tín dụng xanh, trong khi 54% đã tham gia các chứng nhận nông nghiệp trong và ngoài nước. Đồng thời, tỷ lệ thực hành các yếu tố môi trường (E) và xã hội (S) ở mức tương đối cao. Điều này cho thấy khoảng cách không nằm ở việc có hay không các thực hành bền vững, mà ở khả năng chuyển hóa các thực hành này thành hồ sơ, dữ liệu và điều kiện phù hợp để tiếp cận tài chính.

Ngoài ra, các HTX và doanh nghiệp nông nghiệp còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin về tín dụng xanh, cũng như sự khác biệt trong mức độ hiểu biết của cán bộ tín dụng về các chứng nhận và tiêu chuẩn bền vững, làm ảnh hưởng đến quá trình đánh giá và cấp tín dụng.

Các quỹ đầu tư quốc tế trong lĩnh vực môi trường, ESG và đầu tư tác động là một kênh vốn tiềm năng cho các đơn vị triển khai nông nghiệp bền vững và cung cấp giải pháp công nghệ. Tuy nhiên, tỷ lệ tiếp cận các nguồn vốn này hiện vẫn còn thấp. Mặc dù đã xuất hiện một số quỹ tập trung vào khởi nghiệp nông nghiệp, đặc biệt tại Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng vẫn thiếu các quỹ và nhà đầu tư ở giai đoạn sớm. Trong khi đó, nhiều quỹ hiện có lại yêu cầu quy mô đầu tư lớn, vượt quá năng lực hấp thụ vốn và quản trị của MSMEs, tạo ra khoảng cách giữa nhu cầu và khả năng tiếp cận vốn. Bên cạnh đó, các khoản đầu tư trong nông nghiệp bền vững thường có thời gian hoàn vốn dài và mức độ rủi ro cao, làm giảm sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư tư nhân. Những đơn vị từng tham gia các chương trình tài trợ hoặc giải thưởng quốc tế có khả năng tiếp cận các quỹ này cao hơn, cho thấy vai trò quan trọng của kinh nghiệm và mạng lưới quốc tế trong huy động vốn. Tuy nhiên, MSMEs vẫn gặp khó khăn do thủ tục tiếp nhận vốn nước ngoài còn phức tạp và kéo dài, phần nào phụ thuộc vào năng lực xử lý của hệ thống ngân hàng, qua đó ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận nguồn vốn quốc tế cho chuyển đổi nông nghiệp bền vững.

Hệ sinh thái tài chính bền vững trong nông nghiệp khó có thể vận hành hiệu quả nếu thiếu các cơ chế quản trị và chia sẻ rủi ro, đặc biệt là bảo hiểm nông nghiệp và các công cụ đánh giá rủi ro môi trường – xã hội trong hoạt động tín dụng và đầu tư. Thị trường bảo hiểm nông nghiệp hiện còn nhỏ, dữ liệu rủi ro hạn chế, dẫn đến chi phí bảo hiểm cao và khó tiếp cận đối với phần lớn nông hộ và HTX, trong khi rủi ro khí hậu ngày càng gia tăng và tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp. Hiện chỉ có một số ít HTX và doanh nghiệp trong khảo sát tham gia các hình thức bảo hiểm như bảo hiểm thiên tai hoặc bảo hiểm tài sản.

Thực hành ESG của các HTX và doanh nghiệp trong khảo sát có sự khác biệt giữa các yếu tố môi trường (E), xã hội (S) và quản trị (G). Các nội dung thuộc E và S, như sử dụng đầu vào an toàn, bảo vệ tài nguyên, điều kiện lao động và an toàn sản xuất, được tiếp cận và thực hành phổ biến hơn, chủ yếu thông qua các chương trình tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật của hệ thống khuyến nông, các tổ chức xã hội hoặc thông qua việc tham gia các chứng nhận nông nghiệp bền vững.

Trong khi đó, các yếu tố quản trị (G) có tỷ lệ hiểu biết và thực hành thấp hơn, cho thấy ESG chưa được tích hợp đầy đủ vào chiến lược và hệ thống quản trị của các HTX và MSMEs, phần nào do hạn chế về năng lực và nguồn lực. Việc thực hành ESG vì vậy vẫn mang tính ngắn hạn và phần lớn phản ứng theo các yêu cầu từ thị trường hoặc chính sách, thay vì xuất phát từ định hướng nội tại của doanh nghiệp.

Việc thực hành một số nội dung thuộc yếu tố môi trường (E) và xã hội (S) ở mức cao hơn so với mức độ nhận thức cũng cho thấy thuật ngữ ESG chưa được phổ biến rộng rãi trong nhóm HTX và doanh nghiệp. Điều này có thể làm hạn chế khả năng tận dụng các cơ hội từ tài chính bền vững, các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và các cơ chế khuyến khích dựa trên kết quả, từ đó khiến các tác nhân nhỏ dễ bị tổn thương trước những thay đổi về chính sách và yêu cầu thị trường trong trung và dài hạn. Chỉ một tỷ lệ nhỏ các HTX và doanh nghiệp cho rằng thực hành ESG có thể giúp tiếp cận tài chính bền vững, như tín dụng xanh.

Phân tích theo ngành hàng cho thấy mức độ sẵn sàng với ESG phụ thuộc lớn vào mức độ hội nhập thị trường quốc tế và mức độ liên kết chuỗi giá trị. Các ngành như cà phê và thủy sản, vốn chịu áp lực mạnh từ các tiêu chuẩn quốc tế, có xu hướng tiếp cận ESG sớm hơn thông qua chứng nhận, truy xuất nguồn gốc và các chương trình hỗ trợ kỹ thuật. Ngược lại, các ngành hoặc đơn vị chủ yếu phục vụ thị trường trong nước hoặc các thị trường có yêu cầu thấp hơn chưa thể hiện rõ động lực đầu tư có hệ thống cho ESG, dẫn đến nguy cơ bị động trong việc thích ứng với các tiêu chuẩn thị trường đang ngày càng được cập nhật.

Định hướng chính sách trong nước cũng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nhận thức và thực hành ESG trong nông nghiệp. Ví dụ, trong ngành lúa gạo, các chính sách hướng tới nâng cao chất lượng, giảm phát thải và thúc đẩy canh tác bền vững đã góp phần cải thiện nhận thức và thực hành ESG, đồng thời cho thấy những dấu hiệu chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững.

Các doanh nghiệp lớn và tập đoàn, với lợi thế về nguồn lực và năng lực quản trị, đồng thời chịu áp lực trực tiếp từ thị trường và chính sách, đang dần tích hợp ESG như một phần trong chiến lược phát triển. Trong khi đó, đối với phần lớn HTX và MSMEs, ESG vẫn chủ yếu được nhìn nhận như một yếu tố bổ sung và thường chỉ được ưu tiên khi có yêu cầu từ thị

trường xuất khẩu hoặc đối tác trong chuỗi. Điều này cho thấy vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp đầu chuỗi là rất quan trọng trong việc định hướng và thúc đẩy các tác nhân nhỏ hơn cùng tham gia thực hành ESG, qua đó tăng cường liên kết chuỗi giá trị.

Bên cạnh đó, nhiều HTX và MSMEs chưa ghi nhận rõ lợi ích trực tiếp từ ESG và các chứng nhận nông nghiệp bền vững, trong khi chi phí tuân thủ, tiếp cận tín dụng và rủi ro thị trường vẫn là những yếu tố cần cân nhắc. Do đó, việc thúc đẩy ESG trong nông nghiệp đòi hỏi các chính sách mang tính dài hạn, kết hợp nâng cao nhận thức, tăng cường liên kết chuỗi, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính, cũng như thiết kế các cơ chế khuyến khích phù hợp như tín dụng xanh, bảo hiểm nông nghiệp và sử dụng chứng nhận như một công cụ gia tăng giá trị. Chỉ khi ESG gắn với lợi ích kinh tế và sinh kế bền vững, quá trình chuyển đổi mới có thể diễn ra một cách thực chất và lâu dài.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của các tác nhân trung gian, bao gồm tổ chức tài chính và các tổ chức xã hội, trong việc thúc đẩy thực hành ESG thông qua yêu cầu thị trường, hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ chi phí tuân thủ và lồng ghép ESG vào quản trị rủi ro. Điều này một lần nữa khẳng định rằng việc thúc đẩy thực hành ESG trong nông nghiệp không thể dựa vào nỗ lực riêng lẻ của người sản xuất, mà cần một cách tiếp cận chuỗi giá trị với sự tham gia và chia sẻ trách nhiệm giữa các bên liên quan.

Trong 1 – 3 năm tới, nhu cầu về tài chính bền vững dự kiến sẽ gia tăng, đặc biệt đối với các hoạt động như canh tác bền vững, kinh tế tuần hoàn và chứng nhận nông nghiệp. Điều này đặt ra yêu cầu cần rà soát và tháo gỡ các nút thắt trong tiếp cận vốn, nhằm đảm bảo các chính sách tín dụng xanh và tín dụng nông nghiệp, nông thôn được triển khai hiệu quả trên thực tế, đồng thời phù hợp với đặc thù của nhóm HTX và MSMEs – vốn chiếm tỷ trọng lớn trong ngành nông nghiệp Việt Nam. Qua đó, góp phần thúc đẩy thực hành ESG theo hướng thực chất và bền vững hơn.

Báo cáo đề xuất các khuyến nghị nhằm (i) thúc đẩy thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp theo hướng thực chất, lâu dài và mang tính định hướng, và (ii) tăng cường khả năng tiếp cận tài chính bền vững cho các tác nhân nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị nông nghiệp, bao gồm HTX và MSMEs.

6.2. Khuyến nghị

Cơ quan nhà nước

Bộ NN&MT, Bộ Tài chính và NHNN có thể tăng cường phối hợp liên ngành trong quá trình xây dựng và ban hành các chính sách liên quan đến ESG, như trong quá trình xây dựng chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp áp dụng khung ESG. Sự phối hợp này đảm bảo những nội dung chuyên môn kỹ thuật về ESG trong đặc thù ngành phù hợp với các tác nhân từ đó tăng hiệu quả thực thi chính sách.

Bộ NN&MT cần nhắc sử dụng các kết quả nghiên cứu và các chủ đề ESG và nông nghiệp bền vững như một nguồn tham khảo trong quá trình xây dựng khung ESG trong ngành nông nghiệp, đặc biệt là chính sách hỗ trợ lãi suất 2% nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn.

Bộ NN&MT có thể cân nhắc việc tham gia bảo hiểm nông nghiệp - như là một phần của quản trị rủi ro hay có chứng nhận nông nghiệp bền vững như là một thực hành khung ESG trong ngành nông nghiệp, qua đó hỗ trợ các tác nhân trong chuỗi giá trị nâng cao khả năng tiếp cận tài chính.

Bộ NN&MT xem xét phát triển các hệ thống nền tảng dữ liệu phù hợp như "Trung tâm dữ liệu ESG" (ESG Data Hub)" để HTX cập nhật việc thực hành ESG của các thành viên. Nền tảng này là cơ sở dữ liệu để Bộ xây dựng chính sách về nông nghiệp bền vững và theo dõi việc thực hiện

Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương được quy định tại Nghị định 264/2025/NĐ-CP cần ưu tiên phát triển danh mục đầu tư (portfolio) chuyên biệt cho công nghệ trong nông nghiệp, theo đó chấp nhận lợi nhuận tài chính thấp hơn trong ngắn hạn để tạo tác động dài hạn, chấp nhận rủi ro nhất định cho những thử nghiệm sản phẩm, ý tưởng. Theo đó, các khoản đầu tư được thực hiện theo các giai đoạn:

- (i) Vốn mới cho startup cần bắt đầu ngay cho giai đoạn khai mở (go to market - thâm nhập thị trường);
- (ii) Vốn hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh với các sản phẩm đối thủ. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của hoạt động Nghiên cứu và Phát triển (R&D) cho giai đoạn tiếp theo;
- (iii) Vốn mở rộng giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Trong đó, ngoài nguồn tài chính đầu tư từ quỹ, cần có nguồn vốn đến từ Ngân hàng, quỹ đầu tư mạo hiểm;
- (iv) Giai đoạn dẫn đầu và chuyển dịch dần sang vòng đời công nghệ lõi mới. Ngoài nguồn vốn, chính sách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cần coi sản phẩm là sản phẩm công nghệ lõi quốc gia sau khi đã đứng vững trên thị trường quốc tế với bảo hộ sâu rộng, giữ lợi thế cạnh tranh và quy mô sản xuất cho thị trường quốc tế.

Bộ Tài chính cân nhắc rà soát và đưa ra những khuyến nghị cải thiện chính sách nhằm thúc đẩy thành lập những quỹ quản lý tài sản trong nước để từ đó đa dạng hóa nguồn lực cho tài chính bền vững từ nguồn trong nước, bên cạnh nguồn tài chính quốc tế.

Cơ quan quản lý cấp địa phương thúc đẩy mô hình liên kết chuỗi giá trị có lồng ghép khung ESG tại địa phương nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật ngày càng khắt khe của thị trường nhập khẩu, của người tiêu dùng trong và ngoài nước, bao gồm minh bạch vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, sản xuất theo tiêu chuẩn, và ghi chép nhật ký nông hộ.

Cơ quan quản lý cấp địa phương tham gia hỗ trợ xác nhận vùng nguyên liệu, quản lý tuân thủ hợp đồng của doanh nghiệp và nông hộ, HTX và nâng cao nhận thức của nông dân về các quy định chính sách.

Đối với ngân hàng và quỹ đầu tư tư nhân

Ngân hàng cần phát triển sản phẩm tín dụng xanh kết hợp với tài chính toàn diện trong lĩnh vực nông nghiệp để nông hộ, HTX, MSMEs có thể tiếp cận và thực hiện nông nghiệp xanh, bền vững theo khung ESG trên cơ sở chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 6 năm 2025 và theo Quyết định số 149/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Ngân hàng nên thúc đẩy thực hiện tài chính toàn diện thông qua chương trình giáo dục tài chính cho HTX về năng lực quản trị gồm nhật ký ghi chép, tài chính, hợp đồng, quản lý rủi ro môi trường, xã hội, quản trị – đây là điều kiện nền tảng để tiếp cận cả thị trường và tài chính.

Ngân hàng nên chủ động cập nhật và thực hiện phổ biến những quy định bắt buộc của các thị trường nhập khẩu đến những doanh nghiệp nông nghiệp hiện đang là khách hàng hoặc khách hàng tiềm năng của ngân hàng.

Ngân hàng cần nhắc việc tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ, HTX là một phần quản trị rủi ro đáp ứng một phần năng lực của tổ chức trong quá trình đánh giá rủi ro, thẩm định tín dụng.

Ngân hàng “tự thân” nâng cao năng lực cho các cán bộ ngân hàng và có những kiến nghị đến NHNN về những giải pháp có hiệu quả để đảm bảo thời gian và thủ tục nhanh gọn cho doanh nghiệp, đặc biệt doanh

nh nghiệp khởi nghiệp nhận được đầu tư từ các quỹ nước ngoài như quỹ thiên thần đồng thời vẫn tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

Quỹ đầu tư, quỹ quản lý tài sản, kết nối với các tổ chức xã hội chuyên ngành về môi trường, xã hội sẽ giúp cho các sản phẩm đầu tư ESG, bền vững mang tính khả thi trong thực tế, do đặc thù các quỹ này thường được quản lý bởi những người có kinh nghiệm và học thức về tài chính.

Đối với doanh nghiệp và HTX

Trong ngắn hạn, HTX và MSMEs ưu tiên thực hiện các chủ đề về quản trị như lưu trữ hồ sơ, nhật ký canh tác một cách đều đặn, ngoài ra lựa chọn 1- 3 chủ đề quan trọng thuộc khung ESG để bắt đầu/ duy trì thực hành.

HTX và MSMEs có thể ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị sản xuất bằng việc sử dụng phần mềm quản lý sản xuất, nhật ký sản xuất điện tử. Đây là yêu cầu bắt buộc về dữ liệu để được cấp các chứng chỉ về sản xuất an toàn như Vietgap, Globalgap; hữu cơ...và là bằng chứng tin cậy để ngân hàng cấp vốn và cho xuất khẩu.

Trong dài hạn, HTX và MSMEs lựa chọn các chủ đề ưu tiên của ESG và lồng ghép vào mô hình hoạt động của mình một cách chủ động.

Doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi duy trì mối liên kết chặt chẽ thông qua những cam kết lâu dài và minh bạch, duy trì cơ chế trao đổi và chia sẻ trách nhiệm về thực hành nông nghiệp theo khung ESG với nông hộ, HTX, MSMEs để thúc đẩy thực hành nông nghiệp theo khung ESG và tiếp cận với nguồn tài chính bền vững.

Tổ chức xã hội

Tổ chức xã hội đóng vai trò là cầu nối giữa HTX/MSMEs và các nguồn tài chính bền vững, các quỹ đầu tư, đặc biệt trong giai đoạn ban đầu của mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp bền vững. Các hỗ trợ bao gồm thúc đẩy tiếp cận thông tin của HTX, MSMEs về tín dụng xanh, chương trình ưu đãi của Nhà nước, các quỹ đầu tư bền vững. Tổ chức xã hội có thể phát triển, cung cấp hướng dẫn thực tế về quy trình tiếp cận vốn, yêu cầu về hồ sơ, tiêu chí theo yêu cầu của tổ chức tín dụng, tổ chức các hội thảo kết nối, tư vấn 1-1.

Tổ chức xã hội cung cấp chương trình nâng cao năng lực quản trị và thực hành ESG cho HTX và MSMEs để tiếp cận đến các chương trình trong và ngoài nước. Tổ chức xã hội ưu tiên nâng cao năng lực quản trị cho HTX và MSMEs bao gồm quy trình ghi chép, nhật ký canh tác, quản lý tài chính, hợp đồng, quản lý rủi ro, áp dụng công nghệ số.

Tổ chức xã hội thúc đẩy các nông hộ, HTX, MSMEs tham gia bảo hiểm nông nghiệp như là một cơ chế quản trị rủi ro. Việc này có thể thực hiện thông qua các hoạt động truyền thông, chia sẻ đa bên giữa doanh nghiệp, nông hộ và chính quyền địa phương; nâng cao nhận thức về tuân thủ hợp đồng bảo hiểm, tuân thủ quy trình sản xuất, nhật ký sản xuất, hỗ trợ phí bảo hiểm cho các tác nhân có mục tiêu chuyển đổi, hoặc đang thực hành nông nghiệp theo khung ESG.

Đồng thời, Tổ chức xã hội cũng có thể thúc đẩy kết nối giữa tác nhân trong chuỗi với các nguồn lực tài chính, kỹ thuật và thị trường, với các quỹ đầu tư, đặc biệt trong giai đoạn ban đầu của mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

Tổ chức xã hội, viện nghiên cứu nên mở rộng, thực hiện thêm những nghiên cứu chuyên sâu về ESG cho từng ngành hàng cụ thể, chủ đề về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt về nguồn nước.

Khuyến nghị cụ thể đối với Nghị định sửa đổi, bổ sung nghị định 58/2018/NĐ-CP về Bảo hiểm nông nghiệp

Chính phủ nghiên cứu huy động doanh nghiệp bảo hiểm tham gia vào cung cấp loại hình bảo hiểm nông nghiệp thông qua những hình thức ưu đãi của Nhà nước theo từng giai đoạn, thời kỳ nhất định như ví dụ như có những ưu đãi liên quan đến thuế.

Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo và hướng dẫn các tổ chức tín dụng cân nhắc chứng nhận tham gia bảo hiểm là hình thức quản trị rủi ro trong quá trình đánh giá, xét duyệt tín dụng.

Tổ chức tín dụng cân nhắc chứng nhận tham gia bảo hiểm là hình thức quản trị rủi ro trong quá trình đánh giá, xét duyệt tín dụng.

Bộ NN&MT cân nhắc tham gia bảo hiểm nông nghiệp là một yếu tố trong thực hành ESG, để từ đó các đơn vị tiếp cận được với tài chính hỗ trợ lãi suất về thực hành ESG.





AGREEN

FairFinance
Vietnam



Sách không bán